

« NAM THU HÒA KHÚC », chỉ đề tặng các bạn yêu THƠ mùa THU

Danh sách 100 tác giả của 100 bài thơ trong NAM THU HÒA KHÚC

Á-nam Trần Tuấn Khải	Phan nam Xuyên	Võ huyền Trân
Ứng Bình Thúc gia Thị	Biển ngũ Nhự	Hy Vũ
An đình Trần Kinh	Thường Lạc	Mai Hồng
Tuần Lý	Thanh Trước	Mai Châu
Bà Trương Phổ	Huyền Vân	Sơn Hải
Đông Hồ	Vy Nhân	Hoàng mộng Liên
Mộng Tuyết	Long Giang	Huy Hồng
Bùi đình San	Bà Hồng Thiên	Hoài Nhân
Thái văn Kiểm	Trịnh hoài Quốc	Mạc kinh Thi
Vương Hồng Sến	Cường Vũ	Phạm phụng Văn
Bàng Bá Lân	Lăng Ba	Sơn Nam
Mặc Thu	Vô hữu Thời	Viên Băng
Nguyền ngu Í	Mộng Hồ	Tống Nguyên
Thuần Đức	Quả phụ Ngưu Giang	Thanh lam Tử
Mộng Hoa	Tàng Quốc Hiến	Bạch Vân nữ sĩ
Liên Đường	Hà thanh Tú	Minh Hiền
Cao Thiệu Lang	Mai lệ Giang	Nhật Minh
Hồng Vũ	Tử hương Hồ đình Lan	Trương tử Lang
Thường Tiên	Hồng Yên	Phan nhựt Minh
Bà Thanh Liên	Trần quân Bảo	Trúc hình Công
Cô Chiêm Hoàng	Minh Văn	Thanh việt Thanh
Minh Tài	Phùng công Danh T.T.	Minh Quốc
Lệ Thủy	Bùi trân Châu	Hoàng Uyên
Thanh Hương	Thủy vân Tâm	Lê quốc Trinh
Tôn nữ Hỷ Khương	Phạm văn Sứ	Lê văn Tắt
Vân Khanh	Đặng Đức Côn	Linh Phong
Minh Kha	Kim Chi	Việt Hoài
Yên Hà Khách	Ngọc Phan	Ái Lan
Hải Lương	Ngô Điều	Bạch Tuyết
Phạm Lương	Nguyễn Thiệu	Huyền Vi
Phương Tần	Vũ huyền Dư	Tịnh Minh
Văn học Châu Lang	Phan Tổ Nữ	Lê công Cát
Trần Việt Kỳ	Ngọc Tiêu	Phan lưu Dương
Đạm Nguyễn	Kính Chi	Tống Sơn
Trọng Tấu và Diệu Huyền		

« Nam Thu Hòa Khúc » không bán ra thị trường

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307

NĂM THỨ 3 — BỘ MỜI SỐ 42 — 15-9-1960

1.— Những sai-lầm trong các sách Văn-học do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản . . . Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Ai giết Tạ thu Thâu. Ngô thành Long	10 — 15
3.— Chuôi ngọc trai (truyện ngắn) . . . Hoàng Thống	16 — 19
4.— Buổi chiều cuối cùng (thơ) . . . Đỗ thị Lệ Thương	20
5.— Một đời người (hồi ký) Thiệu Sơn	21 — 27
6.— Bộ óc con người (khoa học) Trúc Lâm	28 — 32
7.— Tạ Từ (thơ) Kim Diệp	33
8.— Nhà tỷ phú đỏ đen : Charles Duclos . . . Trọng Tấu	34 — 38
9.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến Nguyễn-Vỹ	39 — 44
10.— Trả lời Ông Bửu Kế : Minh oan Hồng Bảo	45 — 54
11.— Lửa dóm lập lòe (vạn vật học) Từ Trầm Lệ	55 — 60

12.— Những cuộc tình duyên say sưa	Tân Phong	61 — 65
13.— Những áng thơ hay	Nguyễn Thọ Minh	66 — 72
14.— Tao đàn nhị thập bát tú	Thái văn Kiềm	73 — 77
15.— Đền trôi trên sông Hương (thơ)	Đào lưu Hải	78
16.— Một hình bóng (truyện ngắn)	Trọng Tấu	79 — 85
17.— Nhắc lại chuyện Tháp Chàm	Nguyễn Triệu	86 — 88
18.— Non nước nên thơ : Núi Thiên Ấn :	Phò Phong	89 — 91
19.— Những người đàn bà lừng danh	Tân Phong	92 — 97
20.— Minh ơi !	Diệu Huyền	98 — 104
21.— Cô gái diên	Vĩ Huyền Đắc	105 — 109
22.— Những ngày hoang dại của Nhất Lễ	Xuân Linh	110 — 113
23.— Một mùa xanh (thơ)	Tôn Nữ Hỷ Khương	114
24.— Sách báo mới	P. T.	115
25.— Thư bạn đọc	P. T.	116 — 118
26.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	119 — 130

* Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)

* Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiên trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và đừng viết tắt.
 - Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Những sai lầm trong các sách Văn-học

do Bộ Q.G.G.D. xuất-bản

CHÚNG tôi thiết tha mong rằng ông Bộ-Trưởng Giáo dục rộng lượng thông cảm cho nỗi khổ tâm của chúng tôi phải đưa ra vấn đề này, vì chúng tôi thấy rằng nếu cứ làm thình mãi, và « để mặc » như mấy lâu nay, thì sự sai lầm còn tiếp tục không biết đến bao giờ mới chấm dứt. Chúng tôi chỉ lo ngại cho cả một thế hệ học sinh và sinh viên hấp thụ một văn hóa lệch lạc của nước nhà, và tất cả chúng ta, trí-thức, văn-nhân, sử-gia, đều phải chịu trách nhiệm nặng nề với Lịch-sử văn hóa của dân-tộc.

Chúng tôi đã chỉ rõ những sai lầm lớn lao về những bài thơ gán bậy bạ cho NGUYỄN KHUYẾN, trong đó có một bài đã đưa ra làm đề-Thi cho T.H.Đ.N.C. khóa vừa rồi, và một bài cuối thế kỷ XVIII mà gán cho Thế kỷ XIII, cách xa đến 500 năm. Hiện nay, theo một số sách luận đề và giảng văn và chúng tôi được biết, còn nhiều bài để lộn tên tác giả, hoặc xuyên tạc cả nguyên văn.

Như bài thơ « Khóc Thi Bàng » mà tất cả các sách — dựa theo quyển « Quốc văn Trích Diễm » của Dương quang Hàm, tái bản năm 1958 ở Sài-gòn, — đều để tên tác giả là vua TỰ ĐỨC. Bài thơ như sau đây :

Ở Thị Bằng ơi, đã mất rồi!
Ở tình, ở nghĩa, ở duyên ơi!
Mưa hè, nắng chói, oanh ăn nói,
Sớm ngô, trưa sán, liêu đứng ngồi.
Đập cổ kính ra, tìm lấy bóng,
Xếp tàn v lại, để dành hơi!
Mỗi tình muốn dứt, càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài, cứ chẳng thôi!

Tác phẩm của vua Dục-Tôn (Tự-Đức) có mấy quyển, hiện còn đủ ở Thư viện Huế, chứ không thể mất mát đi đâu được. Chúng tôi ước mong có ai tìm được bài thơ trên kia trong các bản thảo tác phẩm của nhà Vua ấy! Chúng tôi ước mong tha thiết, vì chúng tôi đã cố công tìm mãi, không có!

Hưởng chỉ đọc bài thơ thấy rõ ràng không thể nào là của vua Tự-Đức được vì hai lý-do:

1) Một vị Hoàng đế rất bệ vệ, giữ gìn gương mẫu, chịu một giáo dục luân lý gât gao của một bà Mẹ nghiêm khắc như bà Từ-Dũ, không bao giờ mê một nàng cung phi mà thốt ra những lời lẽ rất « lãng mạn »: « ở tình, ở nghĩa, ở duyên ơi!». Tôi đã hỏi nhiều người ở Huế, hoặc là Hoàng phái, trong đó có Thi sĩ THANH TỊNH lúc anh làm trong « Société des Amis du Vieux Huế », thì TRONG ĐÁM CUNG PHI CỦA VUA TỰ ĐỨC KHÔNG CÓ AI TÊN LÀ THỊ BẰNG CẢ, và vua Tự-Đức cũng không có « tình nghĩa » khấn khít với một nàng phi nào cả.

2) Và lại, một nàng quý phi ở trong cung điện nhà vua thì sao lại « Mưa hè, nắng chói », sao lại « sớm ngô, trưa sán », « Hè, chói, ngô », chỉ là ở nhà tranh vách đất của bọn dân đen chúng ta thôi chứ, làm gì có trong cung-điện nhà Vua?

Vậy mà ông Dương quang Hàm cũng gắng gượng chú thích hai câu ấy như sau đây:

Mưa hè, nắng chói, oanh ăn nói,
Sớm ngô, trưa sán, liêu đứng ngồi.

« Hai câu này tả cái dáng điệu của nàng khi còn sống ăn nói khéo léo như chim oanh, đứng ngồi mềm mại như cây liêu ». Vậy thì còn hề,

chải, sán, ngô ở đâu? Thật là nhà văn học sử Việt-Nam khinh thường văn-chương Việt-nam quá đời!

Rồi một vài vị giáo sư viết sách giảng văn hoặc dạy Văn-học sử cho học sinh, cũng rập theo luận điệu trên kia mà giảng dạy.

Đã có lần, ông NGÔ TẮT TỐ nêu ra bài « Khóc Thị Bằng » trong quyển « Thi văn Bình chú » của ông (nhà xuất bản Mai-Linh Hànội) và nói: « Theo lời các vị Bồ lão trí thức nói lại thì bài ấy là của ông NGUYỄN GIA THIỀU (1) khóc nàng BẰNG CÔ là vợ lẽ của ông... »

Vậy thì chúng ta hãy trả nàng Bằng Cô lại cho cụ NGUYỄN GIA THIỀU và trả luôn bài thơ « Khóc Thị Bằng » cho chính tác giả của nó.

Trước đây có một ông giáo sư Việt ngữ ở một trường lớn giảng dạy cho học sinh lớp ông rằng « Mỹ nhân là ông vua. Vì ông Vua ngồi trên ngai vàng đẹp rực rỡ, cho nên người ta gọi ông vua là mỹ nhân ». Vừa rồi, ông giáo sư ấy nói với học sinh rằng tạp chí *Phổ Thông* sao dám chỉ trích xuyên tạc Bộ Giáo dục.

Thưa không. Tạp chí *Phổ Thông* có muôn ngàn độc giả trí thức, chúng tôi đâu dám xuyên tạc vấn đề nào được. Đứng trước tình thế quá hỗn độn của văn học sử nước nhà, chúng tôi tự thấy có một chút bổn phận phải trình bày cùng ông Bộ trưởng Giáo dục những sai lầm lớn lao trong các sách văn học sử, những sai lầm rất tai hại cho sự đào tạo trí thức của cả một thế hệ thanh niên. Chúng tôi biết rằng ông Bộ trưởng bận nhiều công việc lớn lao, đâu có thì giờ để xem xét lại những thi-văn hồ lớn đem dạy ở các trường Trung học và Đại học. Cho nên chúng tôi mạo muội góp vào một vài ý kiến thô sơ, thiển cận, chỉ có mục đích duy nhất là yêu cầu Bộ Giáo dục lưu ý đến cho, thế thôi. Nếu chúng tôi có điểm nào sai lầm, chúng tôi mong Bộ Quốc gia Giáo dục dạy bảo cho, chúng tôi xin kính cần đội ơn. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này nữa.

N. V.

(1) Nguyễn gia Thiều (Ôn như Hầu) là tác giả « Cung oán ngâm khúc ». Sách « Lịch Triều Hiến Chương » có chép rằng thi ca quốc âm của ông có hơn 1.000 bài chia làm hai tập.

Ai giết TẠ THU THẦU ?

★ **NGÔ-THÀNH-LONG
và VÕ-BÁ-HÀI**

D ã T ra một nghi-vấn rõ rệt, tất nhiên phải có một giải-đáp chính-xác !

Đó là điểm chúng tôi muốn nhắc đến giai-đoạn lịch-sử nước nhà cách đây 15 năm.

15 năm qua, thời-gian cũng khá dài, có thể làm cho người ta chóng quên mọi sự vật, nhưng không làm cho người ta quên được biến-cổ lịch-sử, nhất là lịch-sử của quê-hương tổ-quốc họ.

★



Sau 2 trái bom nguyên-tử thả xuống đất Phù-tang, Hải-quân Mỹ thắng Nhật ở biển Thái-bình-Dương, kế tiếp quân Nhật đầu hàng vô điều-kiện.

Lợi dụng tình-thế biển-chuyển, các dân-tộc nhược-tiểu ở Đông-Nam-Á như Nam-Dương, Ấn-độ, Việt-Nam... vùng lên tranh-đấu để giải-thoát ách độ-hộ của ngoại-bang.

Tại Việt-Nam, các đoàn-thể Quốc-gia ráo riết hoạt-động chuẩn-bị tổng-khởi nghĩa.

AI GIẾT TẠ THU THẦU

Trước biến-cổ có lợi cho việc tranh-thủ Độc-lập Việt-Nam, nhà cách-mạng Tạ-Thu-Thầu sau thời-gian công-cán ở Hà-nội, lập-tức trở về Nam với ý-định lãnh-đạo cuộc khởi-nghĩa ở Việt-Nam, công việc mà Ông có đủ uy-tin và khả-năng để thành-công hơn ai hết. Vì thời ấy uy-danh của nhà cách-mạng họ Tạ đã vang lừng trong các tầng lớp nhân-dân, nhất là ở Nam-Việt.

Nhưng, trên đường về Nam-Việt, Tạ-Thu-Thầu đã bị V.C. hạ-sát một cách vô nhân-đạo.

— Vì sao V.C. lại giết Tạ Thu-Thầu ?

— Thật dễ hiểu. Vì Tạ-Thu-Thầu người của Đệ-tứ quốc-tế, là đối thủ lợi hại của phe Đệ-tam Quốc-tế, là chướng ngại quan-trọng cho VC trong việc tổ-chức Việt-Nam thành một chư-hầu của Nga-sô.

Nhà cách-mạng Tạ-Thu-Thầu nguyên-quán ở làng Tân-Bình tỉnh An-Giang (Long-Xuyên), đã đỗ tú-tài và từng sang Pháp học trường Đại học Chính-trị và Xã-hội (Ecole des Hautes Etudes Politiques et Sociales). Khi về nước Tạ-Thu-Thầu

cho xuất bản tờ « La Lutte », và có dạy học theo lời mời của vài trường Tư-thực Trung-học.

Ông là một chiến sĩ tranh đấu chống chế-độ áp bức của thực-dân Pháp, đã bị chúng bắt giam nhiều lần và chích thuốc hại ông tê liệt nửa thân mình, hư cả cánh tay phải, sau ông tập viết tay trái, nhưng viết rất nhanh và rất đẹp.

Là một nhà cách mạng chân-chính, Tạ thu Thầu chống cộng sản đệt tam nên trước kia VC có đảng báo nhạo báng, gọi Tạ thu Thầu là cái bánh « Ba tê » (vì tên và họ ông gồm có 3 chữ T).

★

Vào trung tuần tháng 8 năm 1945, rời khỏi Hà - thành, ông Thầu đến Đà - nẵng (Tourane) thì xe bị hư máy, nhưng được sửa ngay và hôm sau đến Quảng-Ngãi. Tỉnh này lúc bấy giờ VC đã khởi nghĩa hơn một tuần lễ nên lệnh giới nghiêm thi-hành khắp miền Trung, vì vậy việc đi lại rất khó khăn.

Tuy thế, Tạ-thu-Thầu cũng vượt qua được nhiều chận cạnh gát của dân quân tự vệ. Cuối cùng, xe ông Thầu phải dừng lại tại thị xã Quảng-Ngãi, ông

vào trọ ở Công quán(Bungalow).

Tin Tạ thu Thầu vào Quảng-Ngãi không một ai hay biết, ngoài vài người thân của ông ở đây, như Trương quang Luyện (ông này sau cũng bị VC giết), Tạ-Tường và Tạ-Mỹ (1). Tạ-thu Thầu tin rằng với sự kín miệng của những người này ông sẽ được an toàn và có thể lên đường sau khi lệnh giới-nghiêm chấm dứt!

Nhưng có người phản bội ông, đi báo với Hồ-Thiết (do VC bỏ làm chủ tịch Ủy - ban nhân dân tỉnh Quảng - Ngãi. Được tin, VC tức tốc bố trí khắp công quán...

Buổi sáng, ông Thầu vừa ngủ dậy thì nghe tiếng chân dập dồn trên thang lầu, tiếp theo đó là tiếng gõ cửa. Cánh cửa phòng vừa mở, một toán tự vệ và du-kích gươm súng trên tay xông vào bắt Tạ-thu-Thầu đem đi.

Bây giờ ông Thầu biết rõ là đã có người phản bội, nhưng chẳng nói một lời, ông bình tĩnh theo chân toán tự vệ...

Mấy ngày đầu, Tạ-Thu-Thầu bị giam tại nhà Phạm-Thủ (tức Phước) ở xã Xuân-Phổ. Hàng ngày tự-vệ canh-gát nghiêm-

ngặt, dưới quyền giám-thị của Nguyễn-Hạt (tức Hai Phú).

Ở tù, ông được VC cho ăn mỗi ngày vài vắt cơm và ít nước mắm, nhưng ông Thầu chưa phải là anh hùng mạt-vận, vì trong lao, có nhiều người nghe danh tiếng ông, phục tãi và cảm đức nên chia bớt nhiều món ăn cho ông. Có người mưu sự cùng ông trốn thoát, ông không nghe và tỏ ý rằng không mau thì chậm anh em sẽ được tự do.

VC còn khác-khe đủ điều, đến đổi ông Thầu có lần nói với anh em : « Tôi đã ở tù nhiều lần, nhưng chưa bao giờ thấy quá bó buộc như thế này. »

Sau 10 ngày bị giam ở nhà Phạm-Thủ, VC đem dời Tạ-Thu-Thầu đến nhà Tống-Diễn. Mặc dầu vậy, lúc nào ông Thầu cũng tin-tưởng thời cơ thuận-tiện có thể đưa đến cách-mạng thành-công ở Việt-Nam.

Đối với những người biết

(1) Tạ Mỹ là con của nhà cách mạng Nguyễn - an - Ninh, tên là Nguyễn an Mỹ, sau làm con nuôi ông Tạ-thu-Thầu nên lấy tên là Tạ - Mỹ.

qua thân thể và sự nghiệp của nhà cách-mạng họ Tạ thì chỉ một cái bệnh bại nửa thân người của ông cũng đủ làm bằng chứng cho quá trình tranh đấu của ông chống thực-dân Pháp. Thêm vào lòng mến phục, số người này còn tin tưởng rằng tài ba của ông sẽ có thể góp phần vào công-cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc.

Trái lại, đối với cán-bộ VC cao-cấp, Tạ-Thu-Thầu là cái đinh trước mắt, là mối lo cho tất cả lãnh-tụ Đò ở Đông-dương. Vì vậy, VC cho rằng thả Tạ-Thu-Thầu về Nam khác nào như thả hùm thiêng về rừng, còn nếu xử-tử Tạ-Thu-Thầu càng lại mang tiếng với nhân-dân trong nước, nhất là ở Nam-Việt.

Nhưng vì muốn củng-cố địa-vị của CS Đông-dương và Đệ-Tam Quốc-tế, VC đã quyết-định thủ-tiêu Tạ - Thu - Thầu ngay từ lúc đầu.

Chính Nguyễn-Chánh (tức Thiện) được thăng chức chính ủy liên - khu 5 và Ủy - viên Trung-ương dự-khuyết, là nhờ có công-tác đặc biệt sớm trừ Tạ-Thu-Thầu, một nhà cách-

mạng chân-chính, đối-lập với Đẳng, một lãnh-tụ chính-trị có uy-tín với nhân dân.

Thế rồi một đêm vào mùa thu, khoảng tháng 9 năm 1945, lúc 9 giờ, trời tối đen như mực, thêm vào những hạt mưa rơi nhỏ nhỏ, làm cho cảnh vật thêm thê-lương, buồn thảm.

Giữa lúc ông Tạ-Thu-Thầu đang cùng anh em trong nhà giam im-lìm say ngủ, bỗng có tiếng hô « nghiêm », tiếp theo tiếng ra lệnh : « Anh em coi lại khí-giói, chuẩn-bị sẵn-sàng ». Cửa nhà giam mở ra, Phạm-Tránh (tức hai Mỹ) bước vào với 3 tên hộ vệ : Nguyễn-Ngãi, Nguyễn-Tôn, Nguyễn-Kiên (tất cả đều ở Xuân-Phổ).

Phạm-Tránh đồng-dạc hỏi :
— Ai là Tạ-Thu-Thầu ?

Nhà cách-mạng họ Tạ chậm rãi đáp :

— Tôi.

— Ông theo tôi xuống ủy-ban.

Lặng - lẽ theo chân Phạm-Tránh với 3 tên tự-vệ vác giáo theo sau. Ông Thầu bị trói chặt hai tay, rồi dẫn ra « gò mã rộng », gần nhà Phạm-Khoa (tức Trọng).

Tạ-thu-Thầu điềm tỉnh nói : « Các ông chưa rõ, tôi làm cách mạng đã lâu, việc gì cũng chừng chạc chừng nóng nãy, vì việc gì còn đó, tôi không phải là người bán nước. Các ông giết cũng được, nhưng tiếc rằng tôi không phải thân Nhật như lời các ông buộc tội, nếu có giết tôi thì cứ đánh điện về Trung-ương rồi sẽ giết ».

Liên đó, bọn cán bộ V.C. mở cuộc hội nghị bí-mật để xét vấn đề Tạ Thu-Thầu. Trong buổi họp này, ngoài các cán bộ nông cốt ở địa phương, có thêm một cán bộ quân sự (Đội Sứ) và một Ủy-viên chính-trị Tạ-Phượng.

Cả bọn đồng quyết nghị xử tử Tạ Thu-Thầu ngay trong đêm.

Đúng 11 giờ khuya, bọn VC cột đứng ông Thầu tại buổi chưởi gần đường cái. Cán bộ Từ Ty tuyên bố : « Nói gì thì nói, nhưng cũng chết, tôi được lệnh bắn ông ».

Trước họng súng ghim sẵn, ông Thầu vẫn nói : « Nếu giết tôi thì còn biết bao nhiêu người như tôi cũng một chí hướng như tôi... ».

Tiếng nói của Tạ Thu-Thầu chưa dứt, thì một phát súng của Từ Ty nổ ngay vào ngực. Ông Thầu kêu lên : « cho tôi phát nữa... ». Từ Ty bắn thêm một phát vào đầu, ông Thầu vẫn còn hô : Việt-Nam Độc-lập Mười năm ». Từ Ty bắn thêm phát cuối cùng vào mang tai, thế là cuộc đời của nhà cách mạng Tạ Thu-Thầu kết liễu.

Giết xong, bọn cán bộ V.C. cho phép các tên tự vệ lột đồ đạc, nhưng không ai sờ, rồi chúng khiêng xác Tạ Thu-Thầu bỏ xuống hố đã đào sẵn, lấp đất lại.

Bấy giờ quá nửa đêm.

Thi hành xong thủ đoạn, V.C. cố hết sức giấu nhem hành động, nhưng sáng hôm sau cả xã Xuân-Phổ và tỉnh Quảng-Ngãi đồng bào đều biết tin ông Tạ Thu-Thầu đã bị giết.

Ai cũng cho nhà cách mạng họ Tạ bị giết oan và âm thầm thương tiếc.

★

Ngày nay, nếu du khách xuôi ngược miền Trung, có dịp ghé địa phương Xuân Phổ, đi thẳng con đường chợ khoảng 400 thước thì đến gò mả rộng, nhìn

về phía Tây ở gốc thổ mía, cạnh đường làng, sẽ thấy một nấm mồ cao, cỏ mọc xanh. Đây, là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà cách mạng Tạ Thu-Thầu.

Và hằng năm, cứ đến ngày cuối tháng chạp âm-lịch, vẫn có một người nông-dân đến đắp mộ, thắp hương, nhưng cách đây bao năm, không biết người ấy còn hay không !

Đồng-bào địa-phương còn thấy, mỗi độ thu về, khi lá vàng

roi rụng, vẫn có những người thanh-niên quốc-gia đến viếng thăm mộ và gửi mỗi tiếu thương — nhà cách-mạng chân-chính Tạ-thu-Thầu.

L.T.S. : *Chúng tôi đang bàn; này để góp tài liệu vào sử cách mạng Việt-Nam. Nếu bạn nào ở Quảng-Ngãi biết những chi tiết đầy đủ hơn nữa, về vụ Tạ-thu-Thầu bị thủ tiêu, chúng tôi xin sẵn sàng đăng những tài liệu bổ-túc ấy.*

P.T.



★ MUA NƯỚC HOA TẶNG NGƯỜI YÊU

Một chàng trai ở ruộng lên Saigon định mua một ve dầu thơm để về tặng người yêu ở cùng xóm. Chàng vào một hiệu Ba-da ở đường Lê-thánh-Tôn :

— Ông chủ ơi, có thứ dầu thơm nào thiệt thơm cho tôi mua một ve.

— Có thứ nước hoa « Đêm Paris » thơm lắm.

Chàng do dự một lúc, hỏi :

— Mặc tiền không ?

— Mặc chứ « Đêm Paris » ở bên Tây mà.

— Thôi, bán cho tôi một ve nước hoa « Đêm Saigon », chắc rẻ hơn.

B. T.

CHUỖI
NGỌC
TRAI

* HOÀNG - THẮNG

TU ! TU ! TU !

Thế là chiếc tàu Cambodia từ từ rời khỏi bến Thương Khâu Saigon để rời vượt trùng dương sang Nhật-bản.

Từng làn khói đen vượt qua những ống khói cao ngất tủa ra không trung rồi tan dần theo hướng gió. Từng chiếc khăn tay, chiếc nón vẫy vẫy với những bộ mặt vui vui hay iu iu. Từng đợt sóng toé trước mũi tàu rồi lan rộng ra, chạy dài vào hai mạn bờ sông.

Khi hình ảnh Saigon đã biến hẳn đằng sau con tàu, tôi lững thững từ trên boong đi về phòng riêng. Nơi đây tôi đã làm quen với một bạn đồng hành vì chúng tôi cùng ở chung một phòng. Anh nói chuyện rất có duyên, lại có biệt tài là việc gì cũng biết, biết rất tường tận, nhưng tôi cũng rất khó chịu là lúc anh nói chuyện mặt cứ vênh lên, hình như coi những người nghe chuyện là « tép » cả. Nào đâu chỉ có thế, tôi lại càng khó chịu hơn nữa khi nhìn đến bộ râu của anh.

Mỗi khi anh nói chuyện, bộ râu « Hít-lơ » trên môi anh nó chuyển động, lúc rúm lại, lúc dang ra, khi thì rũ xuống, lúc lại đồ sộ về một bên, trông thật là khả ố và thật là ngứa mắt.

Ấy thế nhưng mà, nếu không có anh trong những buổi tổ-chức dạ-hội sẽ bị thiếu sót và cũng sẽ bị tẻ nhạt vì thiếu người « lái » câu chuyện.

Đã ba ngày trôi qua, mặt trời lúc chiều xuống thật là nóng hổi. Tôi, Anh Vân — tên người bạn mới của tôi — cùng mấy hành khách đang ngồi uống trà đường vắt chanh thì một ông tuổi độ bốn mươi chợt hỏi Vân :

— Ông sang Nhật bản có chuyện gì ?

CHUỖI NGỌC TRAI

— Dạ, thưa ông, kỳ này tôi sang Nhật để khảo sát những hạt ngọc trai nhân tạo của người Nhật.

— Ồ, nếu vậy thì ông tha hồ mà mua nhé vì giá nó rất rẻ mà lại đẹp nom như thật vậy.

Anh Vân nhú mày :

— Nhưng thưa ông, ngọc trai giả thì có giá trị gì, thưa ông ?

— Nếu vậy tôi mời ông đoán thử chuỗi hạt trai của nhà tôi đang đeo đây là giả hay thật và giá là bao ? Vừa nói ông ta vừa chỉ vào chuỗi hạt trai lóng lánh cuốn vòng quanh cổ một bà rất đẹp, tuổi chừng ba mươi và có đôi mắt rất tình tứ.

Mọi người đều khen ngợi là một chuỗi hạt trai rất đẹp, ánh sáng phản chiếu lóng lánh.

— Chà ! Một chuỗi hạt trai thiệt quý giá, rất có thể là vô giá nhất là nó lại được ngự-trị trên chiếc cổ trắng ngần của bà, Anh Vân trả lời một cách rất là vừa lòng phái đẹp, lại hơi cúi đầu về phía bà ta một cách rất « điệu ».

Ông khách lạ vội cười ròn rã ngụ ý chế nhạo Vân trong khi mặt bà vợ ông ta chợt tái đi để rồi lại đỏ bừng lên như ngượng ngập.

— Thôi thôi ông bạn vàng

của tôi ơi, ông đừng nói dốt nữa. Chuỗi đó chỉ là chuỗi hạt trai giả mà thôi.

Mọi người ò lên ngạc nhiên pha thích thú.

Ông ta nói tiếp :

— Vâng thưa ông bạn và tất cả các ông bà ở đây nữa, tất cả nhận xét nhằm hết rồi, vì chính đó là chuỗi ngọc trai nhân tạo và chỉ đáng có ba ngàn thôi.

Khi tôi mới đi xa về, vì tôi quên không mua quà cho nhà tôi, nên nhà tôi có lấy ba ngàn đồng để đi mua chuỗi hạt trai này. Chính tôi cũng không ngờ của giả mà nom lại như thật vậy.

Anh Vân gân cổ cái, hàng râu đen rúm lại :

— Vô lý, vô lý, đời tôi, tôi chưa hề nhầm lẫn bao giờ cả. Tôi đánh cá với ông đây là chuỗi ngọc trai thiệt, nếu giả tôi xin mất với ông một số tiền gấp ba lần giá tiền chuỗi ngọc trai mà ông đã nói.

Ông khách cũng vội nói luôn như sợ Anh Vân đổi ý :

— Xin vâng, xin vâng, tôi bằng lòng cá với ông.

Mặt đỏ gay, Anh Vân trả lời :

— Tôi rất bằng lòng nhưng để đến sáng mai vì hiện giờ

đồ dùng để thử tôi cất ở đây vali. Mai tôi sẽ thử và tôi nhất định nói rằng đó là chuỗi ngọc trai thiệt.

Sau đó Anh Vân bỏ đi ra ngoài boong tàu. Tôi cũng vội ra boong để gặp anh. Tôi có hỏi lại câu chuyện vừa qua và e ngại anh sẽ mất tới chín ngàn bạc nhưng anh nhất định cái là anh sẽ thắng dù rằng tôi đã viện lý lẽ là chính bà vợ ông ta đã tự đi mua về. Anh Vân không trả lời chỉ lấy tay chỉ vào mắt rồi dụi mắt lại để nỗi hân lên bộ râu sâu dóm đen.

Sáng hôm sau, trong phòng trà đã chật ních những người. Ai ai cũng mong ngóng Anh Vân tới. Khi tôi và Anh Vân, tay xách máy thử tới, thì trong phòng ồn ào hân lên.

Ông khách lạ vồn vã mời Anh Vân và tôi đến ngồi nơi bàn của ông. Tôi nhận thấy đôi mắt của bà vợ trẻ ông ta thâm quầng như tổ cáo đêm rồi bà không ngủ được.

Sau khi mời nhau uống chén nước, ông khách lạ mời Anh Vân thử luôn. Ông quay sang phía người vợ ngồi dục bà ta tháo chuỗi ngọc ra.

Thấy bà lúng túng mãi không

tháo được, Anh Vân vội đứng lên lại gần để tháo giúp. Chợt anh nhìn thấy mặt bà ta tái hân đi, và người run bần lên như sợ hãi một việc gì.

Anh chợt hiểu nguyên do tại sao chiều hôm trước bà ta cố ý ngăn chừa bỏ qua cuộc thách thử này mặc dầu ông chừa khăng khăng không chịu.

Anh Vân nheo mắt nghĩ ngợi, rúm môi lại nhìn lại chuỗi hạt trai lần nữa nơi cò người thiếu phụ rồi cũng chẳng cầm tới mấy thử, anh đóng dục tuyên bố là anh thua cuộc, chịu mất chín ngàn đồng vì đó chỉ là chuỗi hạt trai giả mà thôi.

Mọi người cười ồ hân lên và đồng cho anh từ trước tới nay chỉ toàn nói xạo. Nhiều người huýt sáo nhạo báng trong khi ông khách lạ cười ròn rã, khoái chí. Ông ta vui vẻ mời tất cả ngồi uống rượu.

— Mời các bạn cứ việc uống cho say, tiền đã có ông bạn tài giỏi của tôi đây trả hết.

Biên vội tám ngàn phiếu chín ngàn đồng, trao cho người thắng cuộc. Anh Vân đứng dậy rào cẳng bước nhanh ra ngoài phòng nhưng anh cũng kịp nhận được

cái nhìn biết ơn của người thiếu phụ đẹp.



Chỉ còn qua một đêm là tới đất Nhật, chúng tôi thao thức không ngủ được, chỉ mong chóng sáng để được nhìn thấy xứ của Hoa Anh Đào.

Đêm dài đến đâu rồi trời cũng sáng. Anh Vân trở dậy sớm đi tắm, còn tôi thì thu xếp quần áo trong tủ vào vali.

Chợt có tiếng gõ cửa khe khẽ. Tôi ngược nhìn ra cửa thì chợt nhìn thấy một chiếc phong bì lớn từ từ chui vào phòng dưới cánh cửa. Rồi có tiếng giấy bước nhẹ, xa dần, nơi cuối dãy hành lang.

Cầm lên xem tôi thấy đề tên ANH VÂN, nét chữ duyên

dáng, mềm mại của một người đàn bà đã viết.

Khi Anh Vân tắm xong, tôi vội trao chiếc phong bì đó cho anh. Không ngần ngại anh xé vội rồi rút ruột. Đó là số tiền chín ngàn đồng và tám giấy nhỏ ghi hàng chữ « thành thật cảm ơn ông ».

Đút tiền vào túi, và trước con mắt ngạc nhiên của tôi, Anh Vân chậm chạp rút thuốc lá, châm môi lửa, hút một hơi dài. Từ từ nhả khói, từng vòng tròn một, cái nọ nối tiếp cái kia, xuyên qua nhau rồi tản mạn lên trần phòng, mắt mơ màng nhìn theo khói thuốc rồi chợt anh nhìn thẳng vào mắt tôi, anh nói :

— Tôi thề với anh, nếu tôi có lấy vợ, nhất là vợ đẹp, không bao giờ tôi xa vợ tôi đến hai ngày.



★ DANH NGÔN : Suy nghĩ và nói.

Cứ nói tất cả những gì anh suy nghĩ thét rồi anh không còn suy nghĩ những gì anh nói nữa.

(A force de dire tout ce qu'on pense, on finit par ne plus penser tout ce qu'on dit)

K.

BUỔI CHIỀU

CUỐI

*Còn buổi chiều nay nửa đó anh
Thương nhau bằng vạn thuở kính thành
Chừ đây thu đã nhiều ly biệt
Anh với em còn rất mỏng manh*

CÙNG

*Lệ đồ nhiều trên bến nước này
Thuyền ai đi để nhớ thương đây
Niềm vui dần chết trong tay nắm
Không đủ làm vui giá lạnh đây*

*Mỗi lúc chiều lên, lúc nắng lên
Hồn em mang nặng mấy tru phiền
Và làn lá rụng, làn hoa rụng
Anh cũng buồn sao ? Anh của em ?*

*Mây nước là anh — kiếp hải hồ
Bến mùa — thỉnh thoảng ghé kính đồ
Còn em anh hơi, là hoa lá
Đời chỉ tàn theo những đợt chờ*

*Gặp gỡ nhau rồi cách biệt nhau
Tình ta có mấy thuở vui đâu !
Mai này chắc hẳn anh muôn dặm
Ngày lại ngày em tiếp nhận sầu*

*Ôi buổi chiều vui đã cuối cùng
Tình ta còn để lại gì không ?
Gió về thu đã man man lạnh
Bến nước đầy sương khói mặt mừng*

*Tay nắm tay dài mãi luyện thương
Nói năng gì nữa buổi chia đường ?
Thu rơi từng cánh vàng đời ngã
Tiếng thở dài lan rộng bốn phương*

*Chim bay về núi thẳm mênh mang
Lòng cũng như chim nhỏ lạc đàn
Hai chiếc linh hồn im lặng để
Cùng nhau thông cảm nỗi bàng khuâng...*

ĐỖ THỊ LỆ-THƯƠNG (Huế)

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XV

NHỮNG ĐỒ ĐỆ CỦA JEAN JAURÈS

(Tiếp theo P.T. số 41)

TÔI là một nhà văn mà thời-cuộc đã xô đẩy ra khỏi tháp ngà và đưa tôi vào một đảng chánh-trị khuynh-tả rõ-rệt. Chẳng những khuynh-tả mà lại còn có cơ sở quốc-tế. Thật là tất cả đều trái ngược với bản-tánh của tôi. Nhưng lần lần tôi tìm hiểu chủ-nghĩa xã-hội và thứ nhất là tìm hiểu những nhà lãnh đạo xã-hội thì tôi thấy rằng lòng tôi cũng không đến nỗi bỡ-vơ trống trải giữa những đồng-chí của tôi. Thứ nhất là tôi đã tìm hiểu được Jean Jaurès mà tất cả các đảng viên đều suy tôn là một vị Sư-đồ và đều chịu ảnh-hưởng một cách sâu-đậm. Jean

Jaurès con nhà nghèo mà học giỏi. Từ tiểu học cho lên tới đại-học luôn luôn ông đứng đầu lớp. Thi vào trường Cao-đẳng Sư-phạm ông đậu số 1. Nhưng ở đây ông đụng đầu với một bạn đồng học tương-xứng với ông là Henri Bergson. Jaurès với Bergson là hai ngôi sao sáng của nhà trường. Một người thì thông minh hoạt-bát, một người thì xúc tích thâm-trầm. Họ luôn phiên đánh nhau chức khôi nguyên ở mỗi kỳ thi lên lớp. Rồi chính các bạn đồng-học cũng chia ra hai phe, một phe ủng-hộ Jaurès, một phe ủng hộ Bergson. Tới kỳ thi ra trường họ cá nhau một

bên thì nhứt định Jaurès dậu dậu một bên thì cả quyết Bergson về nhứt. Rốt cuộc lại không người nào về nhứt cả. Bergson về nhì. Jaurès về ba. Còn chức khôi-nguyên lại dành cho một người tới nay không còn ai nhắc tới tên tuổi nữa. Người đó tên là Lesbazeille.

Jaurès chỉ tha thiết được làm giáo sư và có tiền để giúp đỡ gia đình. Nhưng rồi ông cũng không thể sống mãi được đời sống phăng lạng của một vị giáo sư. Định mạng đã lôi kéo ông ra làm chính trị và trở nên một lãnh tụ đầy uy-tín của đảng xã-hội Pháp hồi trước tận thế giới chiến-tranh lần thứ nhứt. Ông không chống lại với chủ-nghĩa của Marx nhưng ông chủ trương phải điều-hòa chiết trung tất cả những tư tưởng xã-hội của những bậc tiền bối, kể cả những nhà xã-hội duy tâm mà người ta hay gọi là không tưởng. Một người có vốn học nhân bản như Jaurès mà chủ-trương như thế thì lại càng thích hợp vì ông không thể nào phủ-nhận được những giá trị tinh thần của nhân loại. Ông đã từng đứng trên lập trường duy tâm mà diễn thuyết tranh biện với Paul Lafar-

gue là rề của Marx đứng trên lập trường duy vật. Vì tranh đấu cho hòa bình và công lý mà ông đã làm cho bọn tư bản thực dân giết ông. Ông bình vực cho Dreyfus bị bắt oan. Ông chống lại cuộc viễn chinh của Pháp ở Maroc. Hăng hái nhứt là những nỗ-lực của ông để ngăn cản cuộc chiến tranh Pháp Đức mà ông biết rằng sẽ biến thành thế giới chiến tranh. Nkung ông đã phải đương đầu với những bọn phản-động chủ chiến. Bọn này cũng có những kẻ cuồng tín và một trong những kẻ đó đã ám sát ông ngày 31 tháng 7 năm 1914. Jaurès cũng như một bức tường thành để ngăn cản chiến tranh. Trước thây ông có người đã nói : ‘ Bây giờ chiến tranh có thể bước qua mình ông mà đi tới ’.

Hiểu biết Jaurès tôi càng thấy thương - mến những đồ-đệ của ông là những đồng-chí xã-hội của tôi. Ở những chương trên tôi đã nói tới một vài đồng-chí hoạt-động trên những địa-hạt ngoài phạm-vi của đảng như những ông Courteneuve và Prétou. Nay tôi sẽ nói tới những đồng-chí hoạt-động trong nội-bộ

đảng, những chiến-sĩ đã phục-vụ cho đảng và làm cho nó phát-triển và có uy-tín ở Việt-Nam.

Trước hết tôi phải nói tới anh Valère, người tổng-thơ-ký Chi-bộ Saigon đã kết-nạp tôi và đã đứng mũi chịu sào trong những cơn giông-tổ phủ-phàng, đầy gian-nan và nguy-hiểm. Anh gan-dạ tới chỗ li-lợm. Các bạn đã phê-bình anh : ‘ Trước gian-nguy mặt anh không biến sắc được vì da anh đen, không đen sì, nhưng đẹp ngăm và có duyên dáng. Anh không buồn vì lời nói chơi đó vì biết rằng các bạn không có ý ngạo mình. Trái lại các bạn vẫn kính nể và có ý đề-cao anh.

Anh người xứ Martinique, có quốc tịch Pháp, làm tham sự Ngân-kho, sống giản dị, dễ dãi với mọi người, vui tính với anh em, nhưng trung thành với lý tưởng và cương quyết khi cần giữ vững lập trường.

Khốn nỗi là lúc đó lập trường của chi bộ Saigon là đối lập với chánh sách của Cao ủy phủ nên anh đã phải đương đầu với nhiều đợt tấn công có thể nguy cho tánh mạng. Nguy nhứt là cuộc tấn công vào nhà in in tờ Justice

và nhà riêng của anh, bắt anh đi mò tìm mà may phước có một đồng chí cứu được anh. Chuyện này đã nói ở chương trên, tôi nhắc lại là để chứng minh một lần nữa rằng sau những nguy biến anh Valère không chịu lui bước và anh đã một phần nào xứng-dáng với vị sứ đồ Jean Jaurès.

Anh có những đồng chí cũng li-lợm như anh là các anh Lassailly và Padovani. Lassailly làm thợ máy ở Hãng xe điện, người to lớn đĩnh đạc, tiếng nói oang oang, không hay thảo-luận về chánh-tự nhưng hể gặp chuyện vừa lòng thì vô dùi, xoa tay cười ha hả, mà gặp việc nào trái tai gai mắt thì la lối chửi thề, nhiều khi cung tay đòi đánh. Anh là điển hình cho người công nhân Pháp, người cán bộ cơ sở của giới thợ thuyền, coi như lỗ măng ngang tàng nhưng rất ngay thẳng và tận tụy. Anh về Pháp năm 1946 rồi không trở qua nữa.

Anh Padovani, người xứ Corse nên hay nói và hay la. Anh cũng đã ký tên trong bản kiến-nghị của nhóm người Pháp đòi độc-lập cho Việt-Nam hồi tháng Hai năm 1946. Cũng về nghỉ trong năm đó. Trước khi về anh có nói chuyện với tôi rất lâu, đình

ninh gần bó nhiều điều tâm-sự và hứa chắc rằng anh sẽ tiếp-tục hoạt-động ở Pháp để tranh-đấu cho chánh nghĩa độc lập của Việt nam.

Năm 1954 tôi trở về lại gặp lại anh ở Saigon và làm việc cho chánh-phủ cụ Ngô. Anh vẫn cười nói bô-bô và bảo rằng nhiệm vụ người chiến-sĩ xã-hội chưa hết vì còn những bất công xã-hội cần phải san - bằng, còn lý - tưởng xã-hội cần phải thực-hiện.

Nước Việt Nam đã hoàn toàn độc-lập cố-nhiên đảng xã-hội Pháp không còn được hoạt-động ở Việt-Nam nữa. Nhóm xã hội thu nhỏ lại gọi là học-hội Jaurès (Cercle Jaurès). Đó là một việc làm hợp lý nhưng anh Padovani nhất định đòi cho được trở lại bề-thế năm xưa và đòi xin tái lập Chi-Bộ SFIO ở Saigon. Ý muốn của anh không thể nào thực hiện được nhưng cũng đủ cho ta thấy rằng anh bướng-bỉnh và không tưởng tới bực nào. Tuy nhiên anh rất tận tâm và không bỏ rơi các bạn trong những lúc khốn cùng. Anh đã can-thiệp với chánh-phủ Cộng-Hòa xin trả tự do lại cho tôi trước ngày anh về Pháp lần chót vào năm 1956. Sự can-thiệp của anh không có

kết quả nhưng tôi vẫn nhớ mãi tấm lòng tốt của anh.



Chi Bộ Saigon nhờ có đảng-viên Việt-Nam vô càng ngày càng phát-triển. Chúng tôi thành lập thêm nhiều chi-bộ và tổ-chức thành Liên-đoàn Nam-Việt (Fédération du Sud — Việt-nam) Trụ-sở ở Vassoigne bị chủ-phổ đòi lại. Chúng tôi muốn được một căn phố ở đường hẻm Farinolle để thay-thế. Trong lúc này, anh Valère đưa đến cho chúng tôi một đồng chí mới ở Pháp qua mà anh giới thiệu là Maurice Hervochon. Hervochon tuổi chưa đầy 30. Mặt sáng rỡ nhưng nói cười có mực-thước, anh Hervochon mau chiếm được cảm tình của anh em. Trong những cuộc thảo-luận, anh tỏ ra có tư-tưởng tiến-bộ, nhưng chủ-trương ôn-hòa và có thái-độ bình-tĩnh, được ít lâu anh Valère cho hay rằng anh có nghị-định phải đòi đi Vũng-Tàu và đề-nghị cử anh Hervochon lên thay thế làm Tổng-thư-ký Liên-đoàn và có người khác làm thư-ký chi Bộ Saigon. Tôi được đề-cử làm Tổng Thư-ký Liên-chi Việt-nam và phó Tổng Thư-ký Liên đoàn Nam-Việt.

Từ đây anh Valère xa chúng tôi, thỉnh thoảng mới đảo về Saigon và giúp chúng tôi những ý-kiến sáng suốt trong nhiều vấn-đề khó khăn.

Người ở bên chúng tôi bây giờ là anh Tổng thư ký mới, anh Hervochon. Anh này càng ngày càng tỏ ra xứng đáng với lòng tín nhiệm của anh em.

Anh Hervochon vô đoàn thể thanh niên xã hội từ hồi nhỏ nên chủ nghĩa xã hội đã thấm nhập vào xương tủy của anh. Từ lối cư xử với anh em tới cách điều khiển một hội nghị cho chí đến cuộc vui sống trong gia đình anh đều có một tác-phong đặc-biệt xã hội là ôn hòa, dân chủ, bình đẳng và đoàn kết. Anh thuộc về hạng xã hội trí-thức : vui không xuống xã, giận có mực thước, nhưng lòng từ ái của anh thì vô hạn vô biên.

Một đồng chí Việt-Nam bị theo dõi, anh liền cho dọn một căn phòng tại nhà anh cho anh ta trú ẩn được chị Hervochon giúp đỡ và chăm sóc tận tình.

Anh làm biên tập viên sở Bưu-điện nên tôi càng gần anh, hiểu anh và thương anh hơn nữa.

Liên đoàn xã hội đặt dưới quyền lãnh đạo của anh đã bắt

dầu bước qua giai đoạn mới, tuy còn đối lập nhưng đã được nhà cầm quyền Pháp nể vì, thường có những cuộc tiếp xúc với Cao ủy phủ và các chánh phủ « quốc-gia » của Bảo-Đại.

Anh không từ khước những cuộc tiếp xúc đó vì cho rằng « chánh sách « có mặt » (politique de présence) có thể có bổ ích cho cả hai bên. Nhưng anh tha thiết mong cho sớm chấm dứt cuộc huynh đệ tương tàn nên anh bảo chúng tôi phải bắt liên lạc với kháng chiến vì thực tế thì chỉ có thể nói chuyện với những kẻ cầm súng mới mong đem lại hòa bình. Quan điểm của anh được toàn thể anh em chấp thuận. Và người tán thành nhiệt liệt nhất là lão đồng chí Louis Caput.



Louis Caput là một giáo sư đã làm việc lâu năm ở Bắc Việt. Ông lãnh đạo chi bộ Hà-nội dưới chế độ thực dân trong mười mấy năm trường. Ông là cây gai trước mắt nhà cầm quyền Pháp nhưng cũng là cây cầu đề nối liền hai dân tộc. Trong hàng ngũ kháng chiến có rất nhiều người quen biết ông, trước kia đã là đồng chí, là bạn thân hoặc là đồ đệ của ông. Hồi Pháp mất chủ quyền ở Bắc

Việt ông là một sứ-giả bán chánh thức có uy tín đối với Chánh-quyền Cách - Mạng. Hồi đàm phán đề ký-kết Hiệp-ước Sơ-bộ ông là người trung-gian để dung-hòa quan-diêm của đôi bên. Hồi súng nổ ở Hà-nội, ông đã cứu sống được cả ngàn người Pháp mắc kẹt trong vùng kiểm-soát của đối phương. Ông phục-vụ hòa-bình, bền gan như Mặc - Tử, nhiệt thành như Jaurès.

Ông đã nếm nhiều thất bại chua cay mà không bao giờ ông nản-chí ngã lòng.

Sau Hiệp-định sơ bộ, ông đã vô thăm chúng tôi và tiếp xúc với Chi Bộ Saigon. Sau khi khói lửa đã mịt mù dưới trời Bắc-Việt ông được lệnh đi về Nha Trang rồi dời lên Đà-lạt. Người ta muốn đẩy ông ở những nơi xa cách Saigon để ông khỏi can thiệp vào những công việc người ta muốn làm. Người ta muốn tái chiến thuộc địa bằng biện pháp quân sự. Ông muốn giải phóng dân tộc và tái tạo hòa bình. Người ta muốn đặt ra những chánh phủ bù nhìn để chia rẽ. Ông chủ trương phải nói chuyện với đối phương và ngưng bắn. Ông được Liên-đoàn Xã-hội Nam Việt ủng hộ và có uy tín

lớn với đảng bộ ở Paris.

Ở Đà-lạt ông thường xuống nhóm họp với chúng tôi và mỗi khi Liên-chí Việt Nam có ý kiến xung đột với một vài đồng chí Pháp thì luôn luôn ông về phe với chúng tôi.

Cũng có khi tiệc tùng nhậu nhẹt ông cao hứng thuật cho chúng tôi nghe nhiều chuyện tranh đấu của ông.

Cũng có khi ông đập bàn, điềm mặt và mắng nhiếc những đồng chí Pháp muốn trở cò theo Bảo-Đại, bán rẻ lương - tâm, từ bỏ lý-trưởng để kéo dài cuộc lưu - huyết ở Đông - Dương. Những lúc đó người ông như đúc bằng gang thép và lời nói của ông như chặt sắt, chém đinh.

Cuối năm 1954 tôi gặp con ông cũng tên là Louis Caput làm ở Phái-đoàn văn-hóa Pháp và cũng là một chiến sĩ Xã-hội như cha.

Chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất nhiều về ông.

Thình lình anh Caput báo tin cho tôi biết rằng ông đau và chẳng bao lâu thì được tin ông chết. Cái chết của ông cũng đẹp đẽ vô cùng. Ông tuổi già, sức yếu, mà vẫn không chịu nghỉ ngơi. Ông hết dự hội-nghị này

tới hội-nghị khác. Việt-Kiều mở tiệc liên-hoan mừng hòa-bình trở lại, gọi giấy mời ông. Ông đương nằm trên giường bệnh mà cũng ráng tới dự. Về nhà ông té xỉu mấy lần rồi chết luôn.

Suốt đời ông đã tận tụy với lý tưởng Xã-Hội, đã phục vụ

cho hòa bình cho tới phút cuối cùng của ông.

Ông là một đồ đệ trung thành của Jean Jaurès. Cùng với Valère và Hervochon, ông đã chiếm một địa vị đặc biệt trong tâm hồn của tôi.

(Còn nữa)



★ DANH NGÔN : Đại và khôn

Một người ngốc mà muốn làm thầy khôn, cũng khiến cho người ta ngạc nhiên như một con bò kéo cày mà muốn chạy như con ngựa.

(Un imbécile qui veut essayer de faire l'intelligent étonne et scandalise comme un boeuf de labour au galop).

GEORGES BRASSENS

✦ CÓ GAI

Một đêm tối trời, một con nhím con ở sở Thú sỏ chường đi dạo chơi với con nhím mẹ. Một lúc lạc đường, nó sợ hoảng, bỏ đi kiếm con nhím mẹ. Nó đụng một bụi gai xương - rồng, nó mừng quánh :

— Má, phải không má ?

B. T.

★ HỌC TOÁN

Trong lớp mẫu giáo, cô giáo dạy về toán cộng, biểu trò Phương (5 tuổi) :

— Phương, thí-dụ em có 5 hòn bi, và em lấy thêm của em Mỹ 5 hòn bi nữa...

Trò Mỹ vội vàng la to :

— Thưa Cô, em không cho đâu ạ.

B. T.

BỘ ÓC CON NGƯỜI

★ Giáo sư BRUCE BLIVEN

Những phát minh mới nhất trên lãnh vực khoa học như nguyên tử lực vệ-tính nhân-tạo, chứng tỏ khả năng của bộ óc con người thật vô tận. Chúng tôi tra cứu theo tài liệu mới mẻ nhất của giáo sư Bruce Bliven, trình bày ra một số phát minh mới lạ, về bộ óc con người, để chúng ta thấy rõ mà tận dụng mọi khả-năng của bộ óc trong sự ích lợi cho cá nhân và công cộng.



BỘ ÓC con người thật là một trong những kỳ quan của vũ-trụ. Đó là một bộ máy cực kỳ tinh vi, đặc dụng trong rất nhiều việc mà nói chung, chính ta là chủ, ta không tưởng tượng hết được. Sau đây là một số đặc tính :

I. — Trí óc không bao giờ mệt mỏi và bị quá sức

Thường có người hay nói đến sự mệt mỏi của trí óc, và tưởng tượng rằng việc tập trung tư tưởng lâu dài sẽ làm cho óc mệt mỏi. Hiện nay các nhà Bác học cho đó là điều không thể có. Hoạt động của óc không có những cử động như các bắp thịt : chỉ có những phản ứng điện hóa tựa như bên trong một bình ắc-quy.

Nếu ta thấy nặng đầu sau nhiều giờ làm việc bằng óc, sự mệt mỏi đó thực ra chỉ ở mắt, ở các só thịt, nơi cổ và lưng. Bản chất bộ óc có thể hoạt động mãi mãi. Một thiếu phụ thí nghiệm như sau : Bà làm một hơi những bài tính nhân 4 số, thật mau ; hết bài này đến bài khác suốt trong 12 tiếng đồng hồ, bà ta thấy trong thời gian đó chỉ có giảm sút một ít về năng xuất thôi. Cuối cùng chỉ vì cơ thể mệt mỏi và vì đói mà thiếu phụ ấy phải nghỉ. Điều mà ta quen gọi là mệt mỏi trí óc, thường chỉ là sự buồn chán. Tỉ như ta đọc một tác phẩm khó, ta cảm thấy lưỡng-lự ý muốn dừng lại và sự thèm khát tiếp tục. Theo một nhà tâm lý học trứ danh : cái điều ta cảm thấy đó, không phải là sự mệt mỏi trí óc mà là sự dăng trí và vì ta thiếu khả năng chiến thắng những ý nghĩ muốn được giải trí.

II. — Khả năng chất chứa của bộ óc là vô tận

Các só não che chở tư tưởng, trí nhớ và tất cả hoạt động của lương-tri con người, chứa đựng quan hệ nhất độ 10 đến 12 tỷ những tế bào ly ty bao bọc bằng một lớp sợi kỳ cực nhỏ, dính liền

với nhau và do đó chuyển qua lại tin tức bằng những luồng điện. Tư tưởng và trí nhớ đều tùy thuộc sự lưu chuyển những luồng điện đó. Những kẻ thiên tài thường chỉ dùng đến chừng một phần rất ít trong cái kho trí tuệ quý báu của họ và một người bình thường cũng chỉ dùng chừng 10 đến 12 phần khả năng của bộ óc mà thôi.

Hiện nay, người ta vẫn chưa biết rõ ràng, bằng cách nào bộ óc ghi lại những điều thuộc trí nhớ. Một số bác học cho rằng, mỗi một kỷ niệm được chứa đựng trong vài trăm đến vài ngàn tế bào dính liền với nhau thành từng vòng kính, bên trong luôn luôn có luồng điện chạy. Một số khác lại nghĩ rằng những điều ghi nhớ có thể như là in trên từng tế bào, hoặc gắn vào cái vòng tế bào như những cái gút từng khúc trên một sợi giây. Tuy vậy, người ta vẫn biết rằng trong thời gian từ 30 đến 60 phút liền sau khi tiếp thu một cảm giác trong đầu, cái cảm giác đó chỉ thoáng qua trong trí óc, mà chưa được ghi lại chắc chắn. Có lẽ vì đó mà nhiều người khi bị một vết thương ở óc, đâm quên mất tất cả những sự việc

xây ra trước đó 15 phút.

Mặc dù vậy những điều mà trí óc có thể ghi giữ lại được vượt xa tổng số những tế bào của não. Theo một nhà sinh-vật học nổi tiếng nghiên cứu về não thì óc của một người 70 tuổi có thể chứa đến 15 ngàn tỷ những điều ghi nhớ khác nhau. Bởi vậy trí nhớ là một kho chứa biết bao điều ngoài sức hiểu biết của ta. Rất tiếc là phần đông chúng ta không lợi dụng hết được cái kho tàng khổng lồ ; chất chứa không biết bao nhiêu là trí thức và kinh nghiệm !

III.— Thiên tài không quá quan trọng như người ta tưởng

Thế chất để chứa một sự thông minh xuất chúng không phải như người ta thường nghĩ là một bộ óc « vĩ đại » mà chắc chắn là do ở cái màng bao bọc não có nhiều « nếp cuốn » (Circonvolutions) đồng thời với sự lưu thông đều đặn khí-huyết làm cho não luôn luôn được đầy đủ máu, dưỡng khí, chất Glucose, và một số hóa chất quan-trọng khác.

Những hình thể của óc đóng

một vai không quan hệ bằng sự xử-dụng trí óc. Số tế bào của óc được đặc dụng trong một người chuyên-cần xử dụng bộ óc hơn là trong những người có thiên tài nhất thế gian, và còn vượt hơn hẳn về trí nhớ. Một người có trí óc tầm thường nhưng siêng năng và chăm chỉ sẽ hơn một người thông minh nhưng biếng nhác. Sự thật chứng tỏ rằng số những danh nhân không phải đều có một sự thông minh tuyệt đối thật đặc biệt đâu. Dĩ nhiên về phương diện đó (thông minh) thì họ ở trên mức trung bình song vẫn còn thua rất xa những bộ óc nhất là thông thái ? Điều mà họ có hơn xa thiên hạ là chí thú-thăng không ngừng của họ.

IV.— Tuổi tác không ngăn trở việc học tập

Một trong những ý tưởng sai lầm phổ biến nhất là nghĩ rằng bộ óc sẽ lùi lại trong việc học tập khi con người ta càng lớn tuổi. Điều đó chỉ đúng trong một từng mực rất nhỏ hẹp không mấy quan trọng trong thực tế.

Người nào ra đời cũng có một cái vốn tế bào về não. Số tế bào đó chỉ tiêu mất đôi khi vài chiếc,

không đáng kể lắm trừ trường hợp bị những bệnh nặng về óc.

Dĩ nhiên những người càng già thì thấy sức khoẻ càng giảm sút, ở một số người thỉnh thoảng sự thông minh cũng giảm sút.

Các nhà y học cho rằng hiện tượng trước cũng như hiện tượng sau đều do các tai nạn kế tiếp xảy ra cho các bộ phận khác nhau trong con người, tai nạn tuy lúc xảy ra không đáng kể nhưng

càng ngày càng nhiều đến nỗi gây những sự thay đổi quan trọng trong cơ thể.

Sự giảm dần khả năng của trí não ở những người lớn tuổi

có quan hệ với sự kém sút trong sự lưu thông của máu và một số Glucose. Chắc chắn do đó mà những người già nua hồi nhớ lại thứ thời rõ rệt và tỷ mỹ hơn là những năm về sau, chắc chắn kỷ niệm lúc trước đã khắc ghi trong thời kỳ mà sự tuần hoàn đều đặn hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên ; sự sút kém đó chưa thành một cái luật nhất định và tàn nhẫn cho những người già

cả. Mỗi người trong chúng ta cũng biết có nhiều người đàn ông và đàn bà đến 80 hoặc 90 tuổi còn giữ được sức cường tráng và sự minh mẫn của trí óc. Sự lan lợi trong tuổi già đó, chứng tỏ rằng sự giảm sút các khả năng trí óc không nhất thiết bởi lẽ nhiều tuổi.

V.— Sở năng của trí não càng được sử dụng nhiều thì càng phát triển



Giống như các bắp thịt, óc não sẽ tê liệt nếu không hoạt động. Bằng chứng là những dây thần kinh thuộc thị giác bị hư lúc còn

tuổi thiếu niên, những tế bào trong óc thuộc phạm vi thị giác không này nở được.

Bộ óc càng già thì chung quanh các số não (dưới hình thức đây) hiện ra một chất mỡ cần thiết cho sự hoạt động của óc. Chất đó không có ở trẻ sơ sinh và do đó chúng ta không nhớ được những sự việc của thời kỳ 2 - 3 tuổi. Nhiều nhà sinh vật học cho rằng :

Sự luyện tập càng nhiều, một bộ phận nào của nó sẽ kích thích. Sự sinh nở càng nhiều chất mỡ ấy ở bộ phận đó.

Trong hoạt động của trí óc, thì những hoạt động càng gay go càng ích lợi hơn. Ta càng suy nghĩ, càng được dễ dàng trí nhớ (úng vậy : nhiều chuyên viên cho rằng : với thói quen ta có thể rút ngắn đến 2/3 thời gian cần thiết để ghi nhớ một kỷ niệm

trong óc.

Tất cả khía cạnh về tính chất một con người đều ở trong bộ óc. Trong đó, có chí kiên quyết tiến thủ. Chí đó cũng càng ngày càng phát triển trong sự hoạt động như các phần khác. Mỗi khi ta đeo đuổi đến cùng một công tác buồn tẻ thì một lần khác. Mỗi khi cần làm lại, ta sẽ làm được dễ dàng và thích thú.

TRÚC-LÂM dịch

★ BÁN TEM CÓ LỜI

Hai người điên ở Biên Hòa nói chuyện với nhau :

— Nè, tụi ở nhà giấy thép điên quá, mầy à ! Con tem 2\$ họ cũng bán 2\$, vậy thì họ không ớn lời sao chớ ?

Người điên kia giảng giải :

— Xì, mầy điên chớ ai điên ! Cái thư nặng 20 gờ-ram mới phải dán com tem 2\$, mà thư người ta gửi đâu phải cái nào cũng nặng 20 gờ-ram ? Có cái chỉ nặng 10 gờ-ram, hay là 15 gờ-ram, vậy thì nhà giấy thép họ ớn lời cái chỗ cân thiếu đó, mầy nghe hông, thằng điên ?

B.T.

★ DANH NGÔN : BIẾT VÀ LÀM

“ Nếu tôi biết điều gì tôi muốn, tôi sẽ biết hơn điều gì tôi làm.
(Si je savais ce que je veux, je saurais mieux ce que je fais.)

BENJAMIN CONSTANT

(Thi sĩ Pháp)

Khung trời vĩ đại vẫn chứa hương yêu
Em đến với anh khi nắng nửa chiều
Tình thâm ban mai, chiều nay đã nhạt
Buổi sau cùng anh vẫn cứ yêu em ?

★

Câu sum-hợp đề ngàn sau chép lại
Em trở về say thiếp mối sầu tư
Đã yêu anh, em cũng quyết tạ từ,
Dù cố lắm thì vẫn đành làm thế.
Nhớ nữa chi anh mấy lời hải thệ
Mối duyên tình Nam-Bắc xót tim đau
Mộng chung đôi, ôi của một thuở nào
Mong ước hẹn đã thấy mình tù túng
Hối tiếc thêm chi chiều đang tìm lụn
Mất anh buồn nhưng có nói gì đâu
Mà tìm em vẫn cảm thấy u sầu
Nên khó dứt một mối tình vừa chớm
Em thăm trách anh yêu em quá sớm
Đến hôm nay ta ghét duyên duyên tình
Cầu cho anh tìm lại đóa hoa trinh
Đề nối tiếp một ân tình chưa vẹn
Thì giữa đôi ta, xóa lời ước hẹn
Lấp men buồn dưới đáy mộ sầu thương
Em về thôi, nẻo xa mấy dặm trường
Anh chớ tiếp, dù một lời thú tội.

★

Khung trời vĩ đại vẫn chứa hương yêu
Đã hết yêu anh, hết cả mơ chiều
Xưa vẫn khuyên anh đừng yêu chung thủy
Buổi sau cùng, anh có hiểu lòng em ?

KIM - ĐIỆP (Saigon)

CHARLES DUCLOS

TRONG lúc gần đây, đã có một hồi báo chí nước ta rộ lên một chiến dịch bài trừ nạn chợ đen vé số. Chánh quyền đã kịp thời đưa ra nhiều biện pháp để chặn đứng tệ đoan nói trên. Đó là truyện ở nước mình, còn xổ số nước ngoài ra sao, hẳn nhiều khi ta cũng muốn biết qua cách làm ăn của họ. Có thể là, bạn sẽ tự hỏi : « không biết xổ số nước ngoài có bán giá chợ đen hay không ? », hoặc « những kẻ trung gian vé số làm ăn ra cách nào ? ». v.v...

Dưới đây chúng tôi xin kể lại cuộc đời của một kẻ đã thành tỷ-phú nhờ xổ số. Đó là tay cờ bạc khét tiếng Charles Duclos ở Pháp. Anh ta đã bán chợ đen vé số một cách không những công khai, lại còn được chánh

*nhà tỷ-phú đỏ đen
đã lũng đoạn thị
trường xổ số*

* TRỌNG-TẤU

quyền Pháp cho phép là đằng khác. Nhưng, xin các bạn nhớ rằng một khi đã đoạt được cái đặc ân đó, ít ra Charles Duclos cũng phải là người thế nào, phải nắm được trong mình những « lá bùa » ghê gớm lắm.

★

Năm 1936 là năm khủng hoảng của lịch sử kinh-tế quốc-tế. Lúc đó, nói đến Xổ Số, ai ai cũng lắc đầu mà ngán hơn ăn cơm nếp. Xổ Số Quốc Gia của Pháp cũng do ảnh hưởng ấy,

lâm vào ngõ bí. Mặc dầu các báo hằng ngày, hễ có dịp lại đăng lên trang nhất hình ảnh của các nhà Tân-Triệu-Phú, miệng cười khoái trá, toét lên đến mang tai, nhưng thiên hạ vẫn nhất định coi nàng Xổ Số như một cô nhân tình hết duyên xấu xí. Hồi đó, 100 quan giá tiền mua một vé số, đối với người dân là một số bạc to, bởi vậy giới phụ trách Xổ Số vô đầu bút tai, không biết làm sao giải quyết nỗi vấn đề bán.

Một ông tiên đã đem liền cho nhà hữu trách phép lạ. Charles Duclos, tay cự phách giang hồ trong làng đỏ đen, một hôm tự hỏi « Thời buổi khó khăn này mà bán tấm vé số tới 100 quan thì ai mua ? Nếu ta đem phân ra làm mười có lẽ dân chúng tiêu thụ nhanh hơn vì nó vừa với túi tiền của mọi người ». Thế là anh ta tức tốc thảo một chương trình, đề nghị với chánh quyền rồi xin giấy phép độc quyền khai thác vé số theo kiểu mới ấy.

Công việc làm ăn của anh ta như sau :

A h đem bán hết cả những quán rượu và mấy sở nuôi ngựa giống của mình đi, tom góp lấy

một số tiền kha khá để chuyên chú vào công việc làm ăn mới mẻ này. Anh đem tiền mua một số lớn các vé số do chánh phủ phát hành, rồi căn cứ theo những số vé ấy, cho in ra một loại « vé con » để bán cho dân chúng. Cứ mỗi một « vé cha », (do anh mua của chánh phủ) thì anh lại cho in 10 « vé con » (do anh ấn hành). Dĩ nhiên 10 vé con sẽ cùng mang một số giống như vé cha. Lấy có rằng cần phải trả thêm tiền ấn loát, hoa hồng và linh tinh,

anh xin chính phủ cho phép được bán lại vé con thành 11 quan thay vì 10 quan, giá tiền 1/10 của vé số. Như vậy, tức là 10 vé con đại diện cho 1 vé cha (từ đây xin hiểu *vé cha* là của chính phủ, *vé con* là của Charles Duclos), anh đã bán được tới 110 quan. Mới trong có một điểm này, anh đã công khai bán chợ đen rồi (tiền chi phí phụ thuộc anh xài đâu có hết 10 quan ?). Ngoài ra, Charles Duclos lại còn được hưởng nhiều nguồn lợi « ghê gớm » hơn nữa. Chúng ta hãy đi sâu vào chi tiết để thấy rõ cái gian hùng của Duclos. Ta hãy nhìn công việc làm ăn của anh ta : Mua vé số thật nhiều, Charles Duclos không

những được hưởng giá sỉ mà còn được trừ 20% tiền hoa hồng. Năm 1948, xổ số Quốc Gia Pháp cho phát hành 600.000 vé mỗi tuần cho hai loại A và B, giá mỗi vé 430 quan. Nếu Duclos mua 50.000 vé thì anh chỉ phải trả 370 quan mỗi vé (giá sỉ) có trừ thêm 20% hoa hồng tức là anh phải xuất ra: $370 \times 50.000 \times 20\% = 18.130.000$. Đem biến 50.000 vé cha thành 500.000 vé con, anh có quyền bán mỗi vé con lên tới 50 quan mỗi vé tức là anh thu được: $50 \times 500.000 = 25.000.000$ quan. Thế là anh đã lãi: $25.000.000 - 18.130.000 = 6.780.000$ quan trong một tuần.

Không những anh đã nuốt không cả chục triệu quan mỗi tuần không tốn một đồng xu thuế nào cho chính phủ (anh mua nhiều số chứ không phải chỉ có 50.000 như ta lấy làm con số thí dụ), anh còn ăn chặn một cách vô tội vạ bao nhiêu là vé con không có người lãnh bởi vì:

Những vé cha do anh mua của chính phủ đều do anh giữ lại, nếu có trúng, chính tay anh đem ra kho bạc lãnh tiền. Các

tay con không có quyền đem vé 1/10 ra kho bạc lãnh, dĩ nhiên phải đến nhận 1/10 số tiền trúng ở nơi anh. Mặc dầu Charles Duclos phát tiền sòng phẳng cho các tay con, nhưng vẫn có 5 phần trăm các lô trúng không có ai đến lãnh. Số tiền này dĩ nhiên « bắt buộc » phải chui vào túi Duclos. Tại sao vậy? Là vì, có nhiều khi bạn mua 1 vé con tặng cho cô hàng cà-phê hay bán vịt lộn chẳng hạn để làm vui lòng người đẹp; thế rồi số đó trúng, người đẹp không biết nhà ông Duclos ở đâu mà đi lãnh; bạn đi tìm người đẹp để lãnh giùm? Người đẹp bán hàng rong như « chim én lưng trời » đã bay đi đâu mất. Rốt cuộc chỉ có ông Duclos là bờ. Trên đây là một trường hợp điển hình, còn nhiều trường hợp khác xảy ra nữa.

Tiền lời về xổ số chui vào két Duclos như thác đổ, nhưng anh vẫn chưa vừa ý. Anh còn muốn nghĩ cách làm thế nào cho các số « vé con không lãnh » tăng thêm. Duclos khếch trương công cuộc phát hành ra ngoại quốc. Chính bởi sự

khó khăn về vấn đề lãnh tiền (vi xa xôi) và lại, nhiều khi số tiền trúng nhỏ mọn, thiên hạ lười đi lãnh khiến cho Duclos càng thu thêm nhiều món tiền lời vi đại. Sau này, nhiều người hiểu rõ mách khéo làm ăn của anh, nên Duclos đã bị gặp nhiều trở ngại. Người ta không muốn uè cho một kẻ, chỉ nhờ cái sáng kiến con con nói trên, cứ ngồi mát ăn bát vàng mãi. Thiên hạ bắt đầu lên tiếng công kích. Nhưng, Duclos, tên gian hùng đồ đen đầu có chịu thua, hấn xin nhà nước được đóng tiền con niêm cho mỗi vé số, thế là không khí căng thẳng lại được xoa dịu dần, rồi người ta quên đi để cho anh tiếp tục bóc lột thiên hạ. Sau này, muốn cho dễ bán hơn nữa và để số tiền trúng càng nhỏ hơn cho người ta dễ thờ ơ không lãnh. Duclos chia vé số ra tới 20, 30 phần. Duclos đã nhảy một bước từ anh tâm tương lên Tỷ-Phú.

Những lúc sau, lối làm ăn của anh không còn được độc quyền nữa vì các tổ chức từ thiện bắt đầu lục tục cũng khai thác theo kiểu đó. Dù sao đi nữa, anh cũng là cha đẻ ra

« cái trò » này, do đó anh được mệnh danh là « ông vua phần mười » của xổ số.

Thấy lối làm tiền này bắt đầu hết ăn, Duclos trở về nuôi ngựa đua và đánh bạc. Anh mua 3 số nuôi ngựa giống tại Normandie và chọn Monte-Carlo (1) làm nơi cư-trú.

Ngay trước năm 1939, Charles Duclos đã được kể như một nhân vật quan trọng nhờ những cổ phần to tát của anh trong các công cuộc kinh doanh. Anh đã thuê thường xuyên căn số 231 của Hôtel de Paris để hề có dịp lưu trú tại Ba-Lê thì ở đó. Nên nhớ là ở đây anh phải trả tới 75 quan một ngày. Vào thời đó, chỉ có những ông Hoàng ba Chúa mới dám xài tiền kiểu ấy và ở những nơi sang trọng như vậy.

Vào tháng 7 năm 1940, Xổ Số hết quay, các sòng bạc đóng cửa. Duclos chỉ còn biết giết thì giờ bằng cách đánh cờ với mấy chú gác đàn. Trong thời gian ấy, anh nghiên ngẫm và nghiên cứu các phương pháp đánh bạc để hy vọng trở nên « tay tổ » của đồ đen. Sòng bạc lại được phép mở cửa, Duclos thuê 3 người thư ký chuyên môn

(1) Thành phố cờ bạc.

chuyên làm việc tại sông bài. Những người làm công của Duclos phải ngồi từ sáng đến 1 giờ khuya trong các sông đổ bạc. Anh cung cấp tiền cho những người này đánh theo lối chơi đồng đội mà anh nghĩ ra. Nhưng, anh bị thua đậm. Anh mất nhiều tiền, người ta không biết là bao nhiêu. Số tiền thua cũng được giữ bí mật không khác gì số tiền « ấu mồm » của anh trước kia nhờ Xổ Số. Anh trở lại chơi một mình. Duclos dự tính mỗi ngày có thể thua lối nửa triệu quan. Như vậy, nếu thua luôn anh có thể mất 15 triệu một tháng, vì... đối với anh, chủ nhật và ngày lễ không có. Anh đã từng tuyên bố : « Tôi đặt năm ngàn, tôi ăn 75 ngàn, tôi lại đặt cả số tiền đó để thầu vào 6 triệu »

Cuộc sống của Duclos vẫn tiếp diễn như một ông Hoàng bên cạnh cuộc đổ-đen. Sáng nào cũng vậy, anh ngồi ăn điểm-tâm trên sân thượng của một quán ăn lộng lẫy nhất đất Pháp. Anh vừa nhấp hụm cà-phê vừa chăm chú xem một cuốn sách rất giầy. Đây không phải cuốn « Tư-Bản-Luận » của Karl Marx mà cũng không phải cuốn tiểu thuyết tình. Nó là một cuốn sách giầy về phương pháp làm

sao cho trò chơi « Ru-Lết » hoặc « Tài Xỉu » không còn là một trò may rủi nữa. Anh ước-ao điều khiển sự rủi may một cách có khoa học, nhưng nào có được. Câu « cò bạc là bạc thàng bản » bất cứ ở thời nào và nơi nào cũng đúng cả.

Khi còn oanh liệt, mỗi khi mua sắm, Duclos dám rinh cả 400 cái mùi xoa và từng 50 sô-mi một lúc. Với cái đà sống mà mùi xoa 1 năm mới giặt 1 lần, sô-mi 2 tháng một cái, ai dám bảo Duclos có ngày tàn tạ ? Ấy thế mà một hôm, bỗng nhiên người ta thấy Duclos phải đem lại sô-mi và mùi xoa : chỉ còn 200 mùi-xoa và 20 sô-mi ? Chính lúc ấy là lúc Duclos bỏ đi, người ta không biết đi đâu mất.

Duclos, tay giang hồ cò bạc đã không sống nhờ cò bạc. Anh thành tỷ-phú, chính là nhờ đã biết lợi dụng cái « cấu-thả » của loài người, cấu thả trong việc đi lãnh những vé trúng cou eon không đáng kể. Bạo phát, bạo tàn, đời người tư voi xuống chó là mấy chốc ?

Kỳ sau : Quốc - Vương xứ Haiderabad giàu hơn Aga Khan, người có હતો soạn to bằng quả trứng.



CHƯƠNG III

Các « Nhà Báo »

(Tiếp theo P.T. số 41)

TRƯỚC hết xin nói về vấn-đề danh-từ. Hồi Tiên-chiến ở Hà-nội, hai chữ « Kỵ giả » chưa được thông-dụng như ngày nay. Trong một tòa báo, ngoài Chủ-nhiệm, có Chủ-bút và các Trợ-bút, hoặc Bình-bút. Tất cả các cộng-sự-viên của một tờ báo đều được gọi bằng một danh-từ chung : Nhà Báo, đúng theo

* NGUYỄN - VỸ

tiếng Pháp là Journalistes. Chủ-nhiệm thường thường là người có tiền bỏ vốn ra làm tờ báo, và chịu trách-nhiệm trong việc điều-khiển tờ báo về mặt vật-chất và tinh-thần, cả đối với pháp-luật nữa. Nhưng viên Chủ-nhiệm bỏ tiền ra làm báo với mục đích duy nhất là khai-thác thương-mại, thì họ mời một

Nhà-báo chuyên nghiệp, có kinh-nghiệm trong nghề và có học thức làm Chủ-bút, như trường-hợp ông BÙI-XUÂN-HỌC, chủ-nhiệm tờ *Hà Thành Ngọ-Báo* hằng ngày, và tờ tuần báo *Việt-Nữ*, ông PHẠM-LÊ-BÔNG, chủ-nhiệm hai tờ tuần báo *La Patrie Annamite* (Pháp văn) và *Nam - Cường* (Việt-văn), ông LÊ - CƯỜNG, chủ-nhiệm tờ *Tiểu - thuyết thứ năm*, v.v... Những ông này không bao giờ viết báo cả, vì không phải nghề - nghiệp của họ : Phạm - Lê - Bông là một nhà kỹ - nghệ sản-xuất pháo (Pháo hiệu *Trường Kỳ* của ông đã nổi tiếng), Lê-Cường là chủ nhà thuốc *Hồng Khê* chế tạo các loại thuốc cao đơn hoàn tán, và nổi tiếng nhất là thuốc lậu *Hồng Khê*. Hầu hết họ là những nhà tư bản, có óc kinh-doanh, họ coi tờ báo là một xí-nghiệp có thể khuếch trương to lớn được. Tôi không nói về phương diện địa vị trong xã hội, vì phần nhiều các nhà tư-bản kia cho rằng làm Chủ-nhiệm một tờ báo được danh giá hơn là làm chủ một nhà buôn pháo, hoặc một nhà thuốc cao-đơn hoàn-tán. Đó là quan-niệm của họ giữa

một xã - hội còn đương thời phong kiến.

Thường thường, Chủ-nhiệm kiêm Chủ-Bút trong các tòa báo thời Tiên chiến, là người vừa là chủ nhân của tờ báo vừa điều khiển thật sự bộ Biên tập. Trường hợp này rất nhiều, như cụ HUỖNH THỨC KHÁNG, Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân ở Huế*, NGUYỄN-VĂN-VĨNH, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *L'Annam Nouveau* (Pháp văn) ở Hà-nội, và *Trung Bắc Tân văn*, HOÀNG TÍCH CHU (Tuần báo *Đông Tây*), NGUYỄN KHẮC HIẾU (An nam tạp chí), PHẠM QUỲNH (Nam - Phong Tạp - chí) v. v... Hầu hết những ông này vừa là Nhà-báo, vừa là Nhà văn. Họ trông-nom tất cả các bài đăng báo của Bộ Biên tập thường-xuyên, của các vị Trợ-bút bắt thường, cũng như lai-cáo của các bạn Độc giả gửi về. Họ điều-khiển tất cả đời sống tinh thần và vật chất của tờ báo.

Trái lại, nhiều vị Chủ-nhiệm không viết bài và không thể điều khiển được bộ Biên tập, bởi nhiều lý-do (hoặc bận lo

việc kinh-doanh khác nữa, hoặc không phải chuyên nghiệp làm báo, hoặc sức khoẻ yếu, v.v..) thì họ lại mời một chủ-bút để trông nom bộ Biên-tập. Chủ bút thường thường phải là người có nhiều kinh-nghiệm làm báo, nhiều khả năng, và có uy-tín. Chủ Bút có thể là Nhà-văn hoặc một Nhà báo chuyên-nghiệp. Chúng ta có thể kể vài trường hợp, như :

Báo *Đông Pháp* ra hằng ngày: chủ nhiệm là NGÔ-VĂN-PHÚ (?) Chủ bút là NGÔ - VĂN ; *Ngọ Báo*: chủ - nhiệm BÙI - XUÂN-HỌC, Chủ bút, có một đạo, là HOÀNG-TÍCH-CHU (chủ-bút hay thay đổi luôn); *Văn-học tạp - chí*: chủ nhiệm DƯƠNG-TU-QUÁN, Chủ bút LÊ-TRÀNG-KIỀU; *Vit Đục*: Chủ nhiệm là...? Chủ-bút TAM-LANG, *Việt-Nữ*: Chủ-nhiệm BÙI-XUÂN-HỌC, Chủ-bút Nữ-sĩ MỘNG-SƠN; *La Patrie Annamite*: chủ-nhiệm PHẠM - LÊ - BÔNG, Chủ-bút TÔN - THẮT - BÌNH. *Nam phong tạp chí*, sau khi PHẠM - QUỲNH vào Huế làm Thượng-Thơ, thì đổi lại Chủ bút NG..TIẾN.LĂNG.

Tờ *L'Annam Nouveau*, sau khi NGUYỄN-VĂN-VĨNH không còn làm nữa, được trao lại ông LÊ-THĂNG làm Chủ bút. (ông Lê Thăng hiện làm Trạng-sur ở Sài-gòn), tờ *Phụ-nữ Thời-đam*, chủ nhiệm... (?), Chủ - bút ông PHAN-KHÔI, *Ích-Hữu*: Chủ nhiệm VŨ ĐÌNH LONG, Chủ bút TRƯƠNG - TỬU. v.v...

Không có trường hợp nào Chủ nhiệm không bao giờ viết bài hoặc thỉnh thoảng mượn người khác viết giùm mà để tên trên mặt báo là "Chủ nhiệm kiêm Chủ bút" ».

Ở các nước văn minh khác, như ở Âu - Mỹ, hay Ấn-độ, Nhật-bản, cũng không bao giờ có trường hợp ấy. Chủ bút phải là người có trách nhiệm thường xuyên về tinh thần tờ báo, phải trông nom các bài của bộ biên-tập và xem các lai-cáo, thư từ của Bạn đọc gửi về liên quan đến Tòa soạn. Ông chủ tọa các cuộc hội nghị nội bộ của Tòa soạn, và đưa ra các chỉ thị quan hệ mật thiết với hoạt động của tờ báo mà ông có nhiệm vụ gìn giữ đúng theo tôn chỉ và xu hướng. Vì thế, ông phải viết bài xã-luận, — (Hồi Tiên chiến gọi

là *xã-thuyết*) —, để hướng dẫn tờ báo theo mục đích nhất định của nó. Một tờ báo có căn bản nghề nghiệp, bắt cứ hằng ngày hay hằng tuần, luôn luôn được tổ-chức theo một hệ - thống chặt - chẽ, chứ không bao giờ bừa bãi được. Nó là một cơ-quan, dù là của tư nhân, nhưng vẫn có tính cách công cộng vì ảnh-hưởng của nó trong quần-chúng rất rộng lớn. Cho nên nó phải theo một kỹ-luật nội bộ như thế nào để giữ được không những giá-trị riêng của tờ báo mà cả uy-tín của quốc-gia và dân tộc mà nó là đại-diện đư-luận, hay là tiêu biểu cho văn hóa, nghệ thuật, văn-minh, v.v...

Đi từ nguyên tác ấy, một số lớn báo chí ở Hà nội và ở Huế hồi Tiền chiến, (tôi không dám nói đến tình hình báo chí ở Sài-gòn thời bấy giờ vì không được biết rõ ràng), đã gây được ảnh-hưởng rất lớn trong quần-chúng Việt-Nam về mọi phương diện. Vai trò của *Nam Phong tạp chí*, *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, *Phong Hóa*, *Đông - Phương*, *Tri Tân*, *Văn học tạp chí* v.v... đối với văn học, của *L'Annam Nouveau*, *Tiếng Dân*, *Thực-nghiệp dân báo*,

Le Peuple. v.v..., đối với chính trị, ảnh hưởng của *Đông Tây Tuần Báo*, *Loa*, *Tiểu thuyết Thứ Năm*, của cả một đôi tờ báo Pháp văn của một nhóm sinh-viên lãn mạn du học ở Pháp mới về, như báo *Le Misogyne* in bằng mực tím, v.v... đối với thanh niên, đã để lại trong xã-hội Việt-Nam thời Tiền-chiến những dấu vết sâu đậm, mà mấy năm đầu của Thế chiến cũng không thể xóa nhòa được.

Trái lại, cái gì giả tạo, không thích hợp với lịch trình tiến triển tự nhiên của Thế hệ, hoặc do chính quyền thuộc địa chủ mưu, đều hoàn toàn thất bại, chỉ có rầm rộ bề ngoài, rục rỏ trên lớp vỏ nhất thời, mà không có ảnh hưởng tý gì trong quãng đại quần chúng cả trí thức lẫn bình dân. Như báo *Nam-Cường* của PHAM-LÊ-BÔNG ở Hà-nội, *Tràng-An*, *Gazette de Huế*, của BÙI-HUY-TÍN (Chủ nhiệm), và NGUYỄN TIẾN-LĂNG (chủ bút), v.v... đều bị dân chúng coi như những cơ quan nịnh bợ chính quyền, và không gây được một ảnh hưởng nào đáng kể. Những tờ báo ấy cũng nói đến Văn học, Khoa học,

tra cứu Lịch sử, Văn hóa, v.v... và in trên giấy tốt, chữ đẹp, giá bán rẻ, nhưng không ai mua.

Sự cạnh tranh báo chí, có thể nói là không quá hung dữ như ngày nay. Nói đúng hơn, là không có sự cạnh tranh bất chính, bắt chấp lương tâm nghề nghiệp. Báo hằng ngày có độ ba bốn tờ Việt-ngữ : *Trung Bắc Tân Văn*, *Đông Pháp*, *Tin Mới* (tờ này mới ra đời từ khoảng 1938 — 39 của một nhóm Thanh niên Trí thức). Nên kể cả mấy tờ nhật-báo Pháp (để làm tài-liệu) : *l'Avenir du Tonkin*, *La Volonté Indochinoise*, *France — Indochine*, *l'Indépendance Tonkinoise*, *l'Ami du Peuple Indochinois*, và một tờ tuần-báo Pháp, chống chính-phủ thuộc-địa, *l'Argus Indochinois*, của AMÉDÉE CLÉMENTI. Ông này có người vợ Việt-Nam, làm Giáo-sư, quê ở Thái-Bình. Cả hai vợ chồng đều nghiện thuốc phiện (và nghiện nặng), nhưng Báo *l'Argus Indochinois*, (tòa soạn chỉ có hai vợ chồng) có ảnh hưởng vô cùng sâu-rộng trong giới trí-thức và sinh viên cách mạng. *Amédée Clémenti* là

người Pháp chính tông, nhưng có tư-tưởng cách mạng triệt-đề, theo thuyết Nhân-quyền và Dân quyền, chủ-trương Việt-Nam độc-lập. Phải nói rằng Amédée Clémenti là người pháp duy-nhất ở Hà-nội luôn luôn đã kích chính phủ thực-dân và đòi cho Việt-Nam được Tự-do và độc-lập. Ông là « con vật đen » của sở Mật thám Pháp, nhưng chính quyền thuộc địa không làm gì được ông cả. Có lần người ta chỉ bắt cóc người xếp thợ sắp chữ của ông để trả thù vật mà thôi. Ông viết bài « chửi » sở Mật Thám thậm-tệ, thì họ cho phao tin rằng anh xếp thợ sắp chữ của báo *L'Argus* có lẽ bị « Mệ-Mìn » bắt đưa đi Nouvelle Calédonie rồi. AMÉDÉE CLÉMENTI là bạn thân của NGUYỄN - VĂN - VINH. Ngoài ra, trong làng báo Pháp ở Hà-nội còn có ông ERNEST BABUT, chủ nhiệm kiêm chủ-bút tờ *La Revue Franco - Annamite* (Pháp Việt tạp-chí.)

ERNEST BABUT là người Pháp, có chân trong Hội Nhân quyền và Dân quyền của Pháp ở Paris (*Ligue des Droits de l'Hom.*

me et du Citoyen), Ông là bạn thân của cụ PHAN - CHÂU - TRINH. Theo lời ông nói với tôi, thì chính ông đã trực tiếp vận động với chính phủ Pháp, để phân đối quyết liệt việc triều đình Huế toan kết án tử hình Phan-châu-Trinh, và để trả lại tự do cho cụ, sau khi cụ bị đày vô Côn-lôn. Thời kỳ Đại-chiến 39-45, Ernest Babut vẫn ở Hà-nội, cho đến tháng 12 năm 1946, khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ tại Thủ-đô Bắc-Việt, thì — cũng theo lời ông Babut thuật lại — ông bị lính Pháp bắt được dưới hầm của Bắc-bộ phủ trong lúc họ kéo tới chiếm đóng lâu đài này. Ông nói ông bị lính Pháp lấy bằng súng đập vào ông như tử, may nhờ có Cao ủy Pháp kịp đến can thiệp. Ông được đưa phi cơ vào cư-trú tại Đalat. Năm 1948, tôi gặp ông Ernest Babut ở nơi đây với bà vợ của ông. Ông là người của đảng xã-hội Pháp, và lúc nào cũng công kích chính sách thực dân.

Ông Babut cũng quen thân với ông LÊ DU, bố vợ của nhà văn VŨ-NGỌC-PHAN. Chính nhờ sự quen thân này mà Vũ-ngọc-Phan sau khi đỗ Tú tài Pháp, được vào giúp việc cho ông Babut, và giữ mục Văn học ở phần Việt ngữ của *Pháp-Việt tạp-chí*. Ở đây, VŨ-NGỌC-PHAN chuyên việc dịch

ra Việt ngữ những bài xã thuyết của Babut, viết về thời sự Việt Nam và quốc tế, và một bài phê bình Văn học Việt-nam. Phần nhiều các bài trong quyển « *Nhà Văn Hiện-Đại* » của Vũ-ngọc-Phan đều đã đăng lần đầu tiên trong *Revue Franco-Annamite* của Ernest Babut.

Từ 1948 đến 1955, tôi thường gặp ông Babut ở Đalat, chúng tôi chỉ nói toàn chuyện chính trị. Ông vẫn luôn luôn chống chính sách thực dân Pháp và nhiệt liệt chống Bảo-Đại. Có lần tôi hỏi ông về Vũ-ngọc-Phan, ông phê bình họ Vũ như sau đây : « Tôi không đọc được những bài phê bình văn-học Việt Nam của Phan, nhưng tôi không tin rằng một chàng thanh niên ốm yếu bệnh hoạn như Phan mà có thể có trí óc nhận xét lạnh mạnh và đúng đắn. Về chính trị cũng thế. Tôi biết Vũ-ngọc-Phan trên mười năm chứ ít sao. »

Năm 1958, tôi có nhận được thư của ông Babut báo tin bà Babut chết. Tôi nghiệp quá, hai vợ chồng nghiện thuốc phiện, mà lại nghèo khổ. Ông Babut hiện còn sống ở Đalat, đã già quá rồi, gần 90 tuổi, trợ trợ một mình ! Có thể nói rằng ông Ernest Babut là người Pháp kỳ cựu nhất còn sống ở Việt Nam, và ông là Nhà báo Pháp được hầu hết các Nhà báo và nhà văn Việt Nam mến phục.

(Còn nữa)

Trả lời ông Bửu-Kế

Minh oan

HỒNG-BẢO

và

ĐOÀN-TRUNG

* NGUYỄN-QUANG

(Tiếp theo P.T. 41)

VÀ, 2 câu thơ dưới đây đã thành câu ca dao bất hủ của dân chúng Thừa Thiên do Trần thanh Mai đã ghi trong tác phẩm « *Túy Lúy Vương* » xác nhận là 2 câu thơ của TƯƠNG AN QUẬN VƯƠNG làm ra, để nhớ thương HỒNG-BẢO :
Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người « quân tử » khấn
điều vất vai.

BK số 85, trang 21, đoạn 20, ông Bửu-Kế lại nói : « ... ông Nguyễn-Quang, cũng như một số người khác, không rõ nghi-thức trong Triều... ». Vâng, ông

Bửu-Kế nói đúng, nhưng xin hỏi ngay ông rằng, sự thật, quyền thần có giữ đúng phép nước không ? Và ông đã đọc tập « *Quelques précisions sur une période troublée de l'Histoire d'Annam* » của Delvaux chưa ?

Nếu ông Bửu-Kế đã đọc quyển ấy rồi, thì ông hẳn thấy NGUYỄN - VĂN - TƯỜNG ĐÃ NGANG NHIÊN LÊN VÀO CUNG - CẨM LÚC NỬA ĐÊM, ĐỂ « TÌNH TỰ » VỚI BÀ HỌC-PHI, mẹ nuôi của vua Kiến-Phúc đó kia !

Vì thế, vua Kiến-Phúc mới có

15 tuổi đã phải quở mắng Trương, và ngài đã bị ông này thuốc chết ! . . .

Ông Bửu-Kế là một giáo-sư có danh tiếng, tôi không dám ngờ ông đã nhận xét sự sai lầm, mà chỉ nói ông đã thiếu bình tĩnh, nên đã phải bị vấp nhiều đoạn, lẽ ra, không bị vấp, nếu ông được bình tĩnh hơn.

Thêm một bằng chứng nữa, tập san « *Độc lập* » số 4, xuất bản tháng 7.1960, nơi những trang 17 - 22, ông Thương - Huyền đã buộc tội Tự - Đức bằng một bài báo nhan đề : « *Tên trọng tội của lịch sử* » (luận về một sự hôn mê đã làm quốc-gia tang vong). Mời ông Bửu Kế kiểm tập san « *Độc-lập* », mà đọc cho biết.

Ông Bửu Kế có viết một câu văn làm cho tôi không hiểu, hay, nói đúng hơn, là khó hiểu quá : « . . . Theo sử Tàu và sử Ta, thỉnh thoảng vẫn có xảy ra những việc thông dâm giữa các vị quyền thần ». Tôi chép nguyên văn của ô. Bửu Kế.

Xin hỏi lại, giữa các vị quyền thần làm sao có được sự thông dâm ? Có chăng, ông Bửu-Kế viết thế này mới đúng mẹo và dễ hiểu hơn : « những việc thông

dâm giữa các vị quyền thần và các hậu phi . . . ».

Như vậy, ông Bửu Kế đã mặc-nhiên nhìn nhận có sự thông dâm, chứ đâu tuyệt đối là không có ?

Bằng cứ, viên Khâm sứ Trung-kỳ Đờ-Loa, ngày trước đã ngang-nhiên làm những « chuyện động-trời » ở Huế là câu trả lời giùm-tôi.

Bây giờ, ông Bửu Kế và tôi, hãy nhận xét lại, qua các sử sách báo chí trong ngoài nước (tôi không dám kể ra đây những tài liệu của ông đã dùng, vì ông đã tuyên bố độc quyền rồi) ! coi thử vua Tự-Đức, trong 36 năm làm vua, đã làm được những điều gì ích quốc lợi dân ?

Qua các tài liệu sách sử, có thể nói :

I. — Hồng Nhậm đã giết chết anh ruột bằng cách này hay cách khác, để giữ vững ngôi báu, nếu không, sao lại có câu : « . . . je pris la direction de mes affaires avec tremblement (tại sao avec tremblement ?) et je fus obligé (ai bắt buộc ông ?) de servir contre mon frère aîné... »

II. — Tự Đức vì mẹ (... *ngô gia mẫu tử trí vu hà địa* : mẹ con ta còn đất mà ở ?), nên không tiếp binh cho tướng Hoàng

kế-Viêm ở Bắc, khi ông này đã cùng Lưu-vĩnh-Phúc dâm chết F. Garnier ở Ô Cầu Giấy Hà-nội.

III. — Vua Tự Đức bế môn tỏa-cảng, cấm đạo và ra lệnh giết chết giáo dân (toàn người Việt Nam), khăng khăng không chịu nghe theo các trung thần, để duy tân xứ sở, dung hòa tân học, như Nhựt Bồn và Xiêm..

IV. — Tự Đức chuộng hư văn, không biết chọn nhân tài.

Thật vậy, ông Bửu Kế bây giờ mới đồng ý với tôi, nhìn nhận quốc nội quốc ngoại VN, dưới đời vua Tự Đức, lại càng thêm khó khăn và trầm trọng lạ thường !

Để trả lời ông Bửu Kế, thêm đoạn này, chỉ có vua Minh Mạng, mặc dầu là vị minh quân, nhưng ngài không khởi vương vãi nhược điếm như sau :

a) hơi lạnh nhạt với các chuyên viên Pháp (4 ông : Chaigneau, Vannier, de Forçant, Despiou) đã có nhiều công giúp vua Gia-long chống Tây Sơn, nên vài ông buồn tình đã bỏ về nước..

b) dễ thấy rõ vua Minh Mạng thiếu ngoại giao như đã nói trên và dễ thấy ngài bênh vực « bố vợ », vì một chuyện ngay thẳng của Đức Tả quân Lê-văn-Duyệt

giết ông bố vợ Ngài, đóng thùng gửi về Kinh, mà sau này, nhà vua hận thù, Lê Tả quân chết, Ngài ra lệnh xiềng mã lại ? (Ng.-đình-Chiêu của soạn giả Ng.-bá-Thế).

c) đã ra lệnh thu hồi phẩm tước và đánh mấy trượng lên mã Đức Tả quân là vị trung thần lương tướng đã dày công phò « vua cha » trong trăm ngàn vạn trận cam go, đánh tan quân Tây Sơn, lập cơ nghiệp lâu dài cho nhà Nguyễn, để Lê-văn-Khôi phải khởi nghĩa !

Nhiều cuộc khởi nghĩa chống vua Tự Đức

a) Ông Cao-bá-Quát chống vua Tự Đức (« *Cao-bá-Quát* » của tác giả Trúc Khê, Hà-nội, xuất bản năm 1952, và « *Liệt truyện chánh biên* » quyển 46, trang 14-15).

b) Tạ-văn-Phụng mạo xưng Lê-duy-Minh dấy binh khởi nghĩa.

c) Nguyễn-văn-Thịnh (cai Tổng vàng) khởi binh.

d) Hồng-Bảo âm mưu lật đổ ngài vua Tự-Đức.

e) Đoàn Trưng, Đoàn Trực dấy giặc Chày Vôi xô ngã Tự-Đức, để phò Ứng Đạo lên thay thế.

g) Ở Bắc, lòng dân còn

tưởng nhớ nhà Lê và giặc Khách nổi dậy.

h) Ở Trung, lòng người muốn Tự-Đức nhường ngôi cho Ung Đạo.

i) Ở Nam, quân Pháp chiếm 3 tỉnh, Tự-Đức phải ký hiệp ước...

(*Nước V.N. trên con đường suy vong của Bùi quang Tung*)

Ngoài ông Bửu Kế và tôi ra, còn có các nhà học giả trí thức cao minh trong nước phán xét câu chuyện này, đợi ông Bửu-Kế phải thách đố làm chi cho mệt!

Xin nói rõ, là người luôn luôn biết phục thiện và cầu tiến, hễ có điều gì sai, tôi nhận ngay, không bao giờ cãi gượng phur ông Bửu-Kế.

Sở dĩ tôi có lời minh oan ngài Hồng Bảo và người anh hùng Đoàn Trưng là, để đem ra ánh sáng, cái chết thương tâm của một vị Hoàng trưởng tử đã sanh lầm trong thế-kỷ, mà ông Bửu-Kế (một người Hoàng tộc) đã chủ quan chôn sâu ngài xuống 12 thước dưới lòng đất. Và, cố làm cho lu mờ câu chuyện lịch sử đi.

1) — Vua Tự-Đức — Hồng-Nhậm em ruột của ngài Hồng-Bảo — sống trong gấm vóc lụa

là, trước khi chết, dân chúng đã phải khổ sở xây cất Khiêm lăng nguy nga, để nhà vua chết trong ngọc ngà châu báu và nằm trong Khiêm-lăng, để Tây đào lấy cả!..

2) — Ngài Hồng-Bảo sống đã khổ, bị vua cha nghe theo lời của người dưng và của bà dì ghẻ, để rồi phải ôm hận chết oan trong ngục tối, đám tang không nghi lễ, thua một thường dân chết!!

Ông Bửu-Kế, khi đọc đoạn trên, có lẽ hơi buồn, còn tôi nay đã rơi nhiều nước mắt để thương "người vắn số"!

Đấng Chí Công sao nỡ phur người tài hoa bạc mệnh đến thế? Cho nên, chúng tôi nhờ ông Bửu-Kế phải nói sự thật, vì sự thật bao giờ cũng là sự thật, mặc dầu ông Bửu-Kế cố tâm che đậy nó cách nào, hay nguy biện cách nào (tôi chưa nói ông Bửu-Kế đã xuyên tạc lịch-sử, vì còn phải đợi các sử gia chân chánh như Đồng Hồ), thì câu chuyện ngài Hồng Bảo chết oan còn có nhiều ần khúc oan tình như Thị-Kính.

Nhờ ông Bửu-Kế hãy nghĩ rằng, con đường dài muôn dặm gay go hiểm trở, chỉ còn 2 bước nữa, người bộ hành sẽ tới đích, nhưng anh đã bị ngã gục xuống,

vì quá mệt nhọc.

Ông Bửu-Kế vội cho người bộ hành ấy là bất tài vô tướng và ngu độn chẳng?

Người bộ hành đó là ngài Hồng-Bảo và chúng ta không nên đánh giá-trị con người bộ hành một cách bất-công như thế mà mang tội.

Bởi vậy, chúng tôi mong ông Bửu-Kế nói cả sự thật đừng tây vj. Mong ông Bửu-Kế đọc kỹ lại hai bài báo của tôi đăng trong tạp chí *Phổ-Thông* số 31-32.

Xưa nay, tôi chưa dự định viết sử bao giờ, mặc dầu có tham khảo, song khi đọc lại bài báo của ông Bửu-Kế trong "Đại học" buộc lòng tôi phải có lời minh oan cho ngài Hồng-Bảo và Đoàn-Trưng.

Nhưng sự ông Bửu Kế cho tôi đã mượn hầu hết cả tài liệu của ông để dùng viết ra 2 bài đó, thiệt là ông còn nông nổi quá.

Đứng trên vấn đề lịch sử, tôi muốn ông Bửu Kế phải nói cả sự thật, về vụ Hồng Bảo, nhưng ông đã viết ngược lại rồi.

Sau khi, gần đây, đọc kỹ hai bài báo của ông Bửu Kế ở BK, (và tại sao ông viết trong *Đại-học* mà ông trả lời trong *Bách Khoa*?), tôi lại càng ngờ vực tác giả của nó chưa tận hiểu bề trái của đời

người, có lẽ, từ nhỏ tới lớn, sống trong hung lụa, tâm hồn phẳng lặng như mặt nước sông Hương...

Là người đã sống hơn 10 năm ở Huế, tôi biết nhiều về Huế, nhứt là Từ đường của ngài Hồng Bảo hiện thời đang còn, hay điều tàn bị khói lửa gần chùa Sư nữ Diệu Viên tại làng Giạ-lê-gót (ThanhThủy), từ An-Cự đi về, cách hai cây số...

Cụ Bửu Thảo là cháu hay chất nội hay chiu của ngài Hồng Bảo, nếu còn sống, năm nay đã trên 80 tuổi. Tại sao cụ Bửu Thảo lại còn sống, trong khi vua Tự Đức đã cho lũng bắt giết chết cả rồi? Xin trả lời đó là, có lẽ, nhờ thay họ đổi tên và con cháu chất ngài Hồng Bảo đã khéo lẩn trốn.

Trăm năm bia đá thì mòn,

*Ngàn năm bia miệng hãy còn
trơ trơ!*

**Ông Bửu Kế, nguy
biện...**

Từ hai số *Đại học* tới 2 số *Bách khoa*, ông Bửu Kế vẫn giữ nguyên luận điệu, tỏ ra hần học quá và còn thách đố nữa.

Qua bốn bài báo, ông Bửu-Kế, nếu là một quan tòa, sẽ không tha một tội nhân nào cả.

Ông vẫn bảo rằng, ngài Hồng-Bảo thất cổ tự tử và cho nạn nhân ham chơi bởi...

Con vật còn muốn sống hưởng hồ con người ?

Tâm lý thường tình của người tử tội, bao giờ, cũng vẫn còn nuôi dưỡng một hy vọng ở ngày mai, mặc dầu là mỏng manh.

Thì ngài Hồng-Bảo đại gì lại thất cổ tự tử, mà ngài quyết sống lại, để đợi Đoàn Trung khởi nghĩa, như lời ông Bửu-Kế đã nói : "... nếu Hồng-Bảo đang còn sống, thì trong Triều cũng còn nhiều người đi theo (đi theo giặc Chày Vôi của Đoàn Trung). Nay Hồng-Bảo đã mất, chỉ còn Đinh-Đạo, chưa biết sự thế ra sao..."

Đó, đã rõ ràng lắm rồi, ông Bửu-Kế đã nhìn nhận cuộc cách mạng của Đoàn-Trung và nỗi oan tình của Hồng-Bảo.

BK số 85, trang 24, đoạn 47, dòng 17, ông Bửu-Kế lại viết : «... Ta thấy rõ bọn Đoàn-Trung lợi dụng các cuộc làm chay, lợi dụng bọn làm phu Khiêm lăng, để làm hậu thuẫn, toàn là người ô hợp... »

Ông Bửu-Kế đã xuyên tạc rõ ràng sự thật, xé bỏ câu chuyện và

thiếu hẳn tiêu chuẩn, nghĩa là ông không chịu nhận định, nếu vua Tự-Đức rộng lượng và là một bậc minh quân, thì sao dám lao công đã dám đứng dậy nghe theo Đoàn-Trung, để mưu toan vào thành nội giết vua ?

Đây, ông Bửu-Kế đã ghi rõ trong lời minh-oan của vua Tự-Đức : «... còn những kẻ có bần phận đứng trông nom công việc xây cất (xây cất Khiêm-lăng), tốt xấu thế nào, quả thật trăm không được rõ, và cũng chẳng ai tau cho Trăm hay biết... »

BK số 85, trang 23, đoạn 42, dòng 2, ông Bửu-Kế thanh minh : «... cái dây liên lạc về bà con giữa tôi và vua Tự-Đức cũng như giữa tôi và Hồng-Bảo. Tôi bênh vực ông này hay người nọ không ích lợi gì cho tôi cả... »

Không có ích lợi gì mà ông còn bênh vực Tự-Đức nhiều như thế, nếu có lợi, ông lại bênh vực nhiều hơn nữa.

Tôi xin hỏi ông Bửu-Kế : tại sao lại có câu chuyện lợi lộc trong vấn đề Sử-học ??

Nghi án về cái chết của ngài Hồng Bảo

Sống dưới chế độ quân chủ

độc tài chuyên chế mà người anh hùng Đoàn Trung, kẻ là một chuyện hiếm có, một người anh hùng dám tạo thời thế. Nhưng, tôi không ngờ, ông Bửu-Kế đã nghĩ khác và lại còn bắt tôi phải nghĩ như ông.

Bây giờ, xin hỏi ai là chánh phạm trong vụ án Hồng-Bảo và ai là tòng phạm ?

Đề minh oan cho vong hồn người xấu số, không cần phải làm nhà trình thám, chúng ta vẫn có thể tìm ra kẻ chánh phạm, tòng phạm đã ném đá giấu tay, đã sắp đặt giết người, rồi cả vú lấp miệng em, buộc vào đó một sợi giây, có thể, bảo nạn nhân đã thất cổ tự tử, cho qua câu chuyện, cho vụ án Hồng-Bảo chìm trong quên lãng của thời gian và không gian.

Vậy xin mượn những tài liệu và những truyền khẩu sau đây, để thử lập bản cáo trạng chung :

Hỏi : 1) Ngài Hồng Bảo bị cố sát ?

TL : Vâng, ngài Hồng Bảo đã bị cố sát, vì con vật còn muốn sống lại một ngày, phương chi con người, nhưt là ngài Hồng-Bảo, lúc ấy, đã biết trong triều có nhiều người cảm tình với ngài

và sẵn sàng ủng hộ ngài làm vua.

Bằng chứng : lúc này trong triều lại chia ra phe ; một phe ủng hộ ngầm ngầm Hồng Bảo và một phe ủng hộ Hồng Nhậm, nhưng phe sau này mạnh đã thắng hơn. (Trăm Thương của Sử-gia Bùi-quang-Tung).

Hỏi : II) nhà văn Bửu-Kế (một người Hoàng tộc) đề quyết, sau khi đem ra những bằng chứng : ... Hồng-Bảo học kém, ham chơi, ngu dộn... toan lật đổ ngài vàng của em không được, bị cầm tù, rồi thất cổ tự tử... có đúng được phần nào chăng ?

TL : Thừa rằng, nhà văn Bửu-Kế đã chủ quan cho ngài Hồng-Bảo tự sát với những lập luận không sáng tỏ và tây vị nhiều quá. Nhưng, đây là những bằng chứng :

a. — Giáo sư học giả Bửu-Cầm, sau khi dẫn chứng cái chết oan của Hồng Bảo, đã nói trong tập Hoài Cổ Ngâm : «... sau khi Hồng-Bảo " bị hại " (tại sao giáo sư không nói Hồng-Bảo bị giết chết mà lại dùng hai chữ bị hại ? Theo tôi, 2 chữ này ngụ ý Hồng-Bảo đã bị cố sát).

...Trương-an-Quận Vương vô hạn đau thương, nguyện chết

theo bạn theo cháu, để không trông thấy cảnh đen bạc của nhân tình thế thái., (những chữ : « để không trông thấy cảnh đen bạc của nhân tình thế thái .. » đã giúp cho mọi người thông rõ Hồng-Bảo đã bị cố sát rõ ràng, còn chối cãi gì nữa.

HỎI : III) Ông Bửu-Kế, một người Hoàng tộc, một nhà văn có tiếng, từng làm việc ở Thư viện và được cái may mắn gần sách sử hơn mười mấy năm, có lẽ nào lại để quyết Hồng-Bảo đã tự sát ?

T.L. : Đó là quyền tự do ngôn luận và quan niệm của ông, nên mới có chuyện « cái vớ » để nhờ các sử gia, các nhà trí-thức học-giả đem ra phán xét. Vì đây là một câu chuyện thuộc về lịch sử rất quan trọng cho nền luân lý Việt-Nam (anh em tranh ngôi để giết lẫn nhau).

Điều thứ hai, vấn đề đa thê của chế-độ phong-kiến (con vợ lớn con vợ bé).

Khoản thứ ba, người cha nghe theo lời người dung, và lời vợ bé (vợ lớn) để bỏ trường lập thứ cho anh em cốt nhục tương tàn.

HỎI : IV) Còn những bằng chứng nào để biết thêm Hồng-Bảo đã bị cố sát ?

T.L. a) Cứ lấy câu nói của giáo sư Bửu Cầm (*Hoài Cổ ngâm*) như sau, thì đủ rõ : « ... Trương An thương nhớ Hồng Bảo chết oan... ». Hai chữ chết oan cho ta thấy ngài Hồng Bảo không bao giờ có ý tự sát.

b) Sử gia Bùi-quang-Tung trong tập *Trăm Thương* trang 5, đoạn 2, dòng 2 đã nói : « ... Còn về phần ông Quế, chủ chốt trong sự phế truất này, thì ông cũng được hài lòng, vì có người cho rằng cuộc truất xuất ngoại của Hồng Bảo chẳng qua là một kế của ông Quế. Chính ông ấy đã chỉ cách xuất ngoại này cho người thân cận Hồng Bảo, để cho ông này thừa đó bắt Hồng Bảo tại trận, dặng đem xử tử... nguyên văn »).

Thưa rằng, những bằng chứng rõ ràng như thế, làm sao nói Hồng Bảo tự sát cho được ?

HỎI : V) Câu chuyện này có thể gọi là một câu chuyện nói xấu được không ?

T.L. : Nếu người bảo câu chuyện này có tánh cách nói xấu là người ấy còn ấu trĩ quá, tinh thần họ còn thấp kém.

Vì, chính các nhân vật lịch sử chủ động trong câu chuyện là

những người của thời cuộc. Chúng tôi phải nói sự thật, kiểm sự thật để các sử gia viết lại cho đúng trang sử, dặng làm gương cho đời.

Nói một cách khác, nếu các nhân vật lịch sử này nằm trong phạm vi gia đình, khi ấy, có thể, là chúng tôi nói xấu. Nhưng các nhân vật lịch sử này là những đại công thần của một Triều đại, thì công việc làm của các ngài ấy đều có liên quan tới luân thường đạo lý và nền móng xã-hội cùng danh dự của một nước có 5 ngàn năm văn hiến.

HỎI : VI) Bốn câu thơ chữ Hán của ông Trạng Ninh (Nguyễn Hàm Ninh), tại sao ông Bửu Kế lại nói của ông Đình-nhật-Thận ?

T.L. : a) Cái đó không sao, ông Bửu-Kế nhằm lẫn chút đỉnh, vì trong khi tranh luận, có lẽ, ông đã thiếu sự bình tĩnh.

b) Nói thế không được, vì ông Bửu Kế được « cái may mắn » hơn người, là ông đã có làm việc ở Thư viện và hơn « mười mấy năm gần gũi sách sử », lại còn trật sao nên ?

T.L. : Câu hỏi này nhờ ông Bửu-Kế trả lời, còn tác giả bài

thơ chữ Hán là ông Nguyễn-hàm-Ninh. Theo cuốn « *Trong 99 chớp núi* » của ông Đào Tiếp-Nguyễn văn Đề dịch thuật, trang 28-29-30, xuất bản 1942, có ghi lại : « ... Ông Nguyễn hàm Ninh được sủng hạnh 3 triệu vua : Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, nhưng ông hay gặp nhiều nghịch cảnh.

Trong triều bồng xảy ra một việc là vua Dục-Tông giết anh là Hồng-Bảo, vì tội toan cướp ngai vàng.

Sau đó, nhân một buổi ngự-thiện, ngài vô ý đề rằng cần nhằm lưới, cho rằng : rằng cần lưới là một đề thơ khô khan, khó làm nên ngài đem ra đổ cuộc các Đình Thần thử xem có ông nào vịnh được câu nào hay chăng ? Hay là vì chuyện cốt nhục tương tàn kia mà ngài khéo bày ra đề thơ rằng cần nhằm lưới, để dò ý Đình - Thần cũng không biết chừng... » (nguyên-văn).

Như thế, ông Bửu-Kế (đã dám thách đố) lại nói trật lất tác giả bài thơ chữ Hán (... Và ông Đình-nhật-Thận có làm bài thơ sau... lời ông Bửu Kế).

Ông Đào-Tiếp ghi thêm : *Sinh ngã chi sơ, nhữ vị sinh. Nhữ sinh chi hậu ngã vi huynh.*

*Bất tư vọng hưởng trần cam vị,
Hà nhân tương vong cốt nhục
tinh*

Ông Đầu-Tiếp dịch :

*Thủ bác (lười) sinh ra, chú
(răng) chưa sinh.*

*Từ sinh ra chú bác làm anh.
Ngọt bù chẳng đề cùng san sẻ,
Cốt nhục đang tâm nghiêng dứt
tinh.*

Ông Cử Tùng - Lâm nói :
«... bài thơ này dâng lên Ngự
lâm, ông Nguyễn-hàm Ninh được
thường l cân l lạng vàng vì tài
thơ cao, nhưng đồng thời lại bị
phạt mỗi chữ mỗi trượng vì ý thơ
sâu...»

Nói lại, ông Bửu Kế, sau khi
nhằm lẫn nhà thơ, lại nói thêm
một câu cần nêu ra đây : «... Đọc
bài thơ này, vua Tự-Đức
cảm xúc về cái chết của Hồng-
Bảo, nên đã ngồi khóc... (BK
số 85 trang 22-23, dòng chót và
dòng 1). Thưa các sử-gia, theo
lời ông Bửu-Kế, thì quả thực, vua
Tự-Đức đã cố sát ông anh, hay
làm ngơ cho kẻ khác giết chết
anh của ông rồi, còn chối cãi gì
nữa ?

HỎI : VII) Tại sao ông Bửu
Kế lại bảo ngài Hồng-Bảo mưu
phản ?

TL : Vâng, ông Bửu-Kế đã

dùng 2 chữ " mưu phản " sai quá,
ngài Hồng-Bảo dành lại cái ngôi
của ngài lẽ dĩ nhiên. Nếu cái
ngôi ấy không phải của ngài, thì
ông Bửu-Kế dùng hai chữ « mưu
phản » rất đúng, Nhưng ngài vàng
này của Hồng Bảo mà.

HỎI VIII) Tại sao sách sử
minh chứng rằng vua Tự-Đức là
một vị vua hay chữ, thắm nhuần
Phật-giáo, Nho-giáo và rất hiếu
hạnh với mẹ lại đang tâm giết
chết anh ruột trong khi nhà vua
không có con, đề lên làm vua ?

TL : Có lẽ khi ấy, nhà vua
đang ở giữa hai con đường : một
là phải nhường ngôi cho anh,
nhưng không thể được, ông đã
bị các nịnh thần thuyết phục. Hai
là theo " ý muốn " của mẹ, đề
trả hiếu ! Và con đường thứ hai
là phải thủ tiêu Hồng-Bảo vậy.

Kết luận

Trân trọng, xin trình bày bản
cáo trạng về cái chết của ngài
Hồng-Bảo, đề các sử gia và các
học giả cao minh trong nước
thăm xét.

Và, kể từ số này, tôi xin tạm
ngưng việc tranh luận với ông
Bửu-Kế. Nhưng, nếu ông Bửu-Kế
còn nói nữa, thì buộc lòng, tôi
sẽ phải trở lại vấn đề.

NGUYỄN QUANG

l ử a đ ó m l ậ p l ò e

«...Và có cả một đôi đom đóm
Bay rập-rìu như muốn phải
lòng nhau.»

ANH-THƠ

* TỪ - TRẢM - LỆ

SẮC chiều hạ hòa hoãn
sẩm tối xuống dần. Họ
nhà giun để bắt đầu khởi khúc
nhạc chào mừng đóa sao Hôm
vừa hiện lên lấp lánh ở chân
trời. Cảnh vật âm thầm lui chìm
vào trong lớp màn đêm thông thả
mở ra ôm choàng lấy khắp vùng
trời đất. Hơi bức của tiết hè

vương khắp đầu cây ngọn cỏ.
Đêm tối dịu hiu. Khách thừa-
lượng cảm thấy như không khí
trĩu nặng xuống lòng và có một
nỗi buồn bàng quơ không rõ rệt.
Thốt nhiên, trong vạn vật đang
lặng tờ ử rử, một cảnh tượng
thần tiên phát hiện lên, như do
một pháp thuật kỳ bí nào. Trong
những lùm cây sừng dáng, trên
đầu bãi cỏ lạng hơi, lập lòe lên
những đóm sáng xanh đan
những đường tơ ánh ngọc, khi
lả lướt dịu mềm, khi loáng băng
ánh rực.

Chúng ta, ai chẳng đã từng
chứng kiến cái hiện tượng kỳ-
ảo ấy, trên một cánh đồng rộng,
đen tối mù mù, những đóm lửa
xanh xanh bé bỏng ấy chập chờn
như những ngôi sao rụng ? Bất
giác, khách ngửa mặt lên nhìn
cõi trời cao, ngàn sao đang thấp
nền. Ồ, trên cõi kia, rất có thể
cũng có những chuyện buồn-
khỉnh nên những ngôi sao phải
khóc, và những giọt nước mắt
ấy rụng xuống đến trần gian này
hóa ra những đóm sáng xanh
kia là những con đóm đóm vậy.

Bạn hẳn mỉm nụ cười thông
cảm mà tha thứ một phút mơ,

một phút « lãng mạn » như thế ; tưởng rằng nó rất cần có, để thoát đời lúc cuộc sống phiền toái tũn mủn của kiếp đời. Giờ ta hãy tra vào đời mắt kính khoa học mà nhìn « ngôi sao rụng » ấy xem, bạn nhé.

Loài đom đóm, chỉ duy với cái ánh sáng mờ mờ của chúng, thấp đèn to lên trong màn đen tối của đêm hè oi ả, chúng đã xứng đáng được yêu chuộng, xứng đáng được có mặt ở cõi trần này vì chúng đem lại một cái đẹp cho trần gian. Nhưng chúng còn được đặc dụng một cách thực-tế nữa trên những phạm vi khác. Giống đom đóm ở quần đảo Antilles (trong Đại-tây dương) gọi là « cucuyos » phát ánh sáng rất chói lợi. Dân ở đấy dùng chúng buộc gắn vào đầu ngón chân trần của họ để soi đường những khi vào rừng ban đêm. Thật là thiết thực. Và thơ mộng làm sao là những cô gái xứ Brésil, họ trang điểm mái tóc thề của họ bằng những hạt « ánh sáng ái tình » li ti ấy. Xứ Brésil vốn được tiếng là nhiều thơ mộng. Biết đâu người du khách khi ca tụng đất ấy có nhiều thơ mộng, khách chẳng đã ám chỉ một cái

thơ và mộng ấy chính là những đèn sao kia cài trên mái tóc mỹ nhân ? Và hẳn đã có biết bao chàng trai bản xứ lẫn ngoại-quốc đã nhìn mà ngẩn ngơ lòng, để rồi đã có những lời thơ đại khái :

Ai đem sao rụng cài lên tóc,

Nàng hỡi tiên nga lạc cõi phàm ?

Đền như người đất Phù tang thì, trong cuộc lễ Đom-đóm hằng năm, họ kéo nhau lũ lượt đổ đến hồ Biwa, gần Kyoto, với những chiếc đèn lồng đựng đom đóm. Họ thả thuyền trên mặt hồ, thả rồi, trong bầu không khí hoan lạc, tung bùng, họ mở lồng thả đom đóm ra. Chúng thoát lên, hàng nghìn con bay vầy sáng rực ngang giữa không gian, chi chít như những rừng sao, mà người trần thế muốn đem thách đố với ánh dạ quang của ngàn tinh-tú.

Riêng với bạn học sinh, nhìn cái ánh sáng xanh xanh mờ mờ của con đom đóm, bạn có nghĩ gì khác không, ngoài sự thích thú của thị giác ? Mùa hè là mùa thi, là mùa của kết quả, cũng là mùa duy nhất trong

năm mà loài đom đóm góp mặt với đời. Nhìn những đèn sao ấy nằm trong tầm tầm nhưng đêm, bạn còn nhớ, bạn có nghĩ chẳng đến chuyện anh hàn sĩ ngày xưa, vì nghèo không có tiền để mua dầu thắp đèn, phải bắt đom đóm bỏ vào chai cho có ánh sáng để học, đã nêu lên cái gương muốn thuở trong thế-giới học-đường ?



Đến trong đời với cái ánh sáng lấp lánh xanh xanh kia, con đom đóm hẳn không biết rằng ánh sáng của mình là một trong những điều kỳ bí nhất trong vũ trụ. Trong cái thể thức làm nên ánh sáng không nóng, mà loài người chỉ mới thực hiện được gần đây thôi, ánh sáng của con đom đóm là một cách thấp sáng hoàn thiện hơn hết. Quả đó là một hiện tượng lạ lùng, vì con đom đóm còn lạnh hơn không khí của đêm hè mà nó bay, rắc sao cho sáng, cho đẹp.

Người ta thường gọi nó là con « nhặng lửa ». Kể ra nó cũng phiền nhiều cái người ta không chịu tìm hiểu ấy, chỉ trông mặt mà đặt tên, bởi, tuy

thuộc trong hàng ngũ côn trùng, nhưng nó không phải loại ruồi nhặng chút nào. Nó thuộc loại bọ tiêu-dịch (coléoptères), có hai cánh ngoài cứng, phủ lên hai cánh kia. Đừng xếp nó vào với lũ ruồi nhặng mang mầm bệnh đi gieo khắp nơi, buồn và tội cho nó, mặc dù nó vẫn biết thân hình nó khoác chiếc áo màu xam xám, nâu nâu hay đen đen đi nữa, nó cũng không có gì bắt ta để ý đến khi ngấm nó ban ngày. Nó rõ thể và biết rằng nó chỉ có giá trị khi về đêm thôi, nên hiếm khi ta được thấy nó lúc ban ngày.

Cái ánh sáng nhấp nháy phát lên của loại đom đóm ở Bắc-Mỹ — thường gọi là con buróm ong (pyrale) — là dấu hiệu tập hợp giữa con đực và con cái. Chàng đom-đóm lượn bay chầm chậm cách mặt đất bao nhiêu, để tìm kẻ « khác phái », ẩn mình trong cỏ. Trung bình, cứ mỗi 5 giây 8 phần 10 là phát ra một ánh sáng, sự láy đi láy lại ấy sẽ nhạt hơn nếu là vào buổi tối nóng bức nhiều, và bớt mau lại đôi chút nếu trời mát hơn. Trong khi các chàng sà sà bay lượn « đánh tiếng » lên

như thế, thì trong lớp cô, các nòng đáp lại cũng với một dấu hiệu bằng ánh sáng. Và mặc dù ánh sáng của hai phái phát ra không một mảy khác-biệt về màu sắc, nhưng chẳng bao giờ chàng lại lầm về cái giống của kẻ đáp lại chàng. Đúng ra thì ánh sáng của giống cái phát ra yếu hơn nhiều và nòng đáp lại cho chàng đúng 2 giây 1 phần 10 sau khi tiếp nhận dấu hiệu của chàng. Ấy thế là, nương theo những dấu hiệu của nòng, chàng bay đến phía nòng, trong khi ấy vẫn tiếp tục phát dấu hiệu của mình ra cho đến bao giờ tìm thấy nòng.

Độ biết cái nhược-điểm ấy, giống đom đóm đực, ta có thể lừa bắt các chàng dễ dàng. Chỉ cần để một cái bóng đèn điện trong cô và đáp lại với hai giây trễ cho mỗi dấu hiệu của các chàng. Dù ánh sáng làm dấu hiệu của ta có khác màu sắc hay cái thời gian từ hiện lên đến tắt của ánh sáng này sai đi chẳng nữa — ví như 1 giây hay 1 phần 50 giây — miễn ta canh cho đúng khoảng khác thời gian giữa dấu hiệu của

con đực và của ta.

Bỏ con đom - đóm lên lòng bàn tay mà quan sát, bạn sẽ nhận thấy những cơ-quan phát-quang, nằm ở mấy đốt cuối ở bụng dưới, phát ra một ánh sáng dịu bớt lại nhưng vẫn liên tiếp. Kể đó ánh sáng ấy đột nhiên gia bội, như thể ánh đèn pha phụt lên vậy. Cái ánh sáng vùng rực lên ấy chỉ kéo dài trong một phần giây đồng hồ rồi giảm lại cũng nhanh như thế, để lại tái hiện tiếp đó sau một khoảng thời-gian đúng y như thế. Nếu bạn dày vò nó, bạn sẽ thấy cái nhịp độ phát quang của nó dồn dập lên, cũng thế như quả tim ta đập mau hơn khi ta có sự gì xúc cảm. Bảy giờ, cái ánh rực lên ấy trở nên hầu liên tục.

Cái cơ quan phát quang của con đom đóm là hai lớp mô chồng lên nhau. Một hệ-thống những hạt nhỏ phủ lớp mô trên, lớp mô dưới là những tế-bào trong suốt, cấu thành bầy nhiều mặt kính chiếu. Những hạt nhỏ kia là nguồn ánh sáng. Một mảng giây đầu mút thần-kinh — bọc thêm những đường mạch mà nơi đây không khí có thể

lưu chuyển — chạy qua những hạt kia. Vào lúc con đom đóm vút ánh sáng ra, có thể là những mạch ấy mở ra, khiến cho không khí đi vào. Một luồng dưỡng-khí thấm ngập những hạt nhỏ kia và chúng bốc cháy lên, cũng như đám than hồng rực lửa khi ta thổi vào vậy.

Nếu ta đem tách lấy những hạt nhỏ phát-quang ấy trong mình con đom đóm ra và bỏ vào một cái bình đựng thuần dưỡng-khí, ta sẽ thấy những hạt ấy sáng lên một cách liên tiếp cho đến khi dưỡng như một cái gì ấy đã cháy tiêu hết. Cái gì ấy đấy, phải là chính nó chứa giữ sự bí mật của ánh sáng kia.

Hầu hết tất cả các giống đom đóm đều làm hồng bao nhiêu cuộc tìm tòi từ trước đến giờ để khám phá xem cái ánh sáng chúng phát ra ấy dùng làm gì. Về những giống đom đóm thông thường thì có thể tin chắc đó là dấu hiệu tập hợp giống cái và giống đực, tuy nhiên, có vài giống đom đóm không có cái đèn ấy vào lúc trưởng thành mà chỉ ở thời kỳ nhộng, như vậy cái dấu hiệu ấy của chúng không ăn thua

gì đến sự tìm kẻ khác phần. Và, như là để tác cho sự bí mật ấy càng to thêm, có vài loại đom đóm để trứng có ánh sáng và ở nơi mấy loại khác nữa, sự chung đụng giữa hai giống diễn ra trong ban ngày. Ta thấy, nhất định là không phải con đom đóm dùng ánh sáng ấy để soi đường vì cái lẽ rất dân dị là cây đèn ấy nằm ở đằng đuôi mà cũng không thể là để dùng làm cho những kẻ thù của chúng khiếp sợ. Tưởng rằng trái lại là khác vì ánh sáng ấy càng giúp cho kẻ thù của chúng tìm thấy ra chúng dễ dàng hơn. Người ta có thấy lắm con ếch vì xoi đom-đóm nhiều quá đến những cơ quan nội thân của chúng hiện rõ mồn một, như nhìn qua máy chiếu điện vậy.

Do mực nhịp lấy đi lấy lại và cường độ của ánh sáng phát lên mà phân biệt được những loại đom đóm khác nhau. Loại đom đóm « cucuyos » ở Antilles nói trên, chiếu sáng như một ngôi sao đệ nhất đẳng, chẳng hạn như sao Hôm hay sao Mai, nhìn bằng mắt không. Năm 1898, trong lúc quân đội Mỹ tác chiến ở Cuba, đang giữa khi mở cho

một binh-sĩ, bỗng điện hư, bác sĩ trừ danh William Gorgas đã tiếp tục cuộc giải phẫu được thành vụn trong ánh sáng của những con đom đóm « cucuyos » dựng đầy trong một cái chai.

Loại đom đóm ở Jamaïque (cũng thuộc quần-đảo Antilles) chói lợi đến nỗi khi chúng tập họp trên những cây thốt-nốt, những cây này như tấm trong những bức màn lửa. Ở một cây số cách xa, cũng nhìn thấy ánh sáng rõ ràng ấy. Nhưng đất Xiêm mới hẳn là nơi mà loài đom đóm hiển cho ta cái cảnh tượng ngoạn mục hơn hết. Nơi xứ ấy, loại đom đóm tập họp nhau lại trên những cây « ton lampoo » (loại như cây xoài) mọc dài theo bờ sông. Đờng-bộ hóa những dao-động phát-quang của mình, chúng tung ánh sáng ra 120 lần mỗi phút. Và được chứng kiến, trong một khoảng thời gian ngắn, từ trong bóng tối, vụt thoát hiện ra mọi quang cảnh rõ ràng như trong một ánh chớp. Và những màn « hoa đăng » ấy tiếp diễn không ngừng từ 8 giờ tối đến 3 giờ sáng, suốt cả trong mùa hè.

Loại còn-trùng nhỏ bé ấy rắc

sao trong giải hồ đêm, đã làm đẹp thích mắt ta. Thế mà, có bao giờ mấy ai thấy băng khuâng tự hỏi rằng : « Giống đom đóm, rồi số phận chúng ra sao, một khi mùa của chúng đã qua ». Chao ôi ! trên đời thiếu chi những ánh sáng quyền rũ, đầu hiểm những trò câu giữ mắt, mà người đời thì lại bởi tánh vô tư lự hoặc vốn quen thói phủ hoa, khinh bạc ! Ừ, khi sắc hạ tàn qua, loài đom đóm kia đã từng dệt những đường thơ ngọc lên trên những trang đêm của hè, chúng về đâu ? Chúng ra sao ?

Khi đến những ngày nóng nhất của tiết hè, những cây đèn sao ấy của chúng vụt tắt mất đi, tắt mất một cách đột ngột, như một đêm đầu nào mùa, chẳng hiểu từ đâu, chúng đột hiện đến. Nhưng trước khi mất hẳn đi, chúng không quên sanh trứng ra rồi, tức là hứa hẹn với người đời bạc bèo, những đêm hè khác, đám con cháu kia sẽ nối tiếp cái sứ mạng ông cha chúng, hiển cho đời những cảnh tượng huyền ảo, đầy bí ẩn, đầy thơ mộng.

MỐI
TÌNH
CAY
ĐĂNG
của

GEORGE
SAND
với
nhạc sĩ
CHOPIN

(Hình của
CHOPIN do
chính tay Nữ
sĩ George
Sand vẽ)

* TÂN-PHONG



(Tiếp theo P.T. 41)

CÔ CON GÁI BƯỚNG
BÌNH CỦA NỮ-SĨ

NĂM 1846, Solange Sand, con gái của Nữ-sĩ George Sand, đã 18 tuổi. Không được tài-hoa như mẹ, nhưng lại có tính búống-bình giống mẹ, và được mẹ cưng từ thuở nhỏ nên Solange muốn gì được nấy, làm gì thì làm, ai trái ý là giận hờn, khó chịu. George Sand rất khổ tâm vì tính nết ương-ngạnh của con

vì cũng tại cô ả gây chuyện lộn xộn rắc rối trong gia-đình, nên cuộc tình duyên đang đắm thắm của Mẹ cô và Chopin bị tan rã từ năm này.

Một buổi chiều mùa Thu, Solange đi dạo chơi ngoài cánh đồng, lúc về đột nhiên báo tin cho cả nhà biết là cô đã hứa hôn với một cậu công-tử trong vùng.

Hôm sau, cô dắt về giới thiệu vị hôn-phu của cô, Fernand de Préaulx, một chàng tuổi đôi mươi, đẹp trai, con nhà quyền quý, có vẻ sang trọng. George Sand không phản-đối nhưng cũng không sốt sắng nhìn nhận chàng rể tương lai, vì chưa biết tính tình nó như thế nào. Nàng bảo khẽ với Chopin : « Solange muốn lấy chồng sớm, chỉ vì nó không muốn làm con gái nữa. Nó muốn mau mau được người ta gọi bằng Bà như má nó. »

Solange thấy mẹ không vui về tán thành cuộc tình duyên của cô, liền kiếm cách gây chuyện lộn xộn, cãi nhau cả với anh của cô, là Họa-sĩ Maurice Sand lúc bấy giờ 20 tuổi. Rồi cô đặt chuyện nói xấu cả mẹ cô, và xúi dục Chopin đoạn tuyệt với Mẹ. Chopin lại nghe lời Solange, từ giả George về Paris, tháng 11 năm ấy,

1846.

Đầu năm sau, 1847, Solange đi với mẹ lên Paris để sắm đồ cưới, và thăm Chopin. Một nhà điêu khắc danh tiếng lúc bấy giờ là Auguste Clésinger nghe tin có George Sand vừa tới Paris, ông vội đến yết kiến Nữ-sĩ và xin phép nàng cho y tạc một pho tượng của nàng bằng đá cẩm thạch để làm kỷ niệm. George Sand bằng lòng. Clésinger xin phép tạc tượng luôn cô con gái của Nữ-sĩ. Solange khoái chí ngồi ở nhà để cho nhà điêu khắc tạc tượng, không thích đi sắm đồ cưới nữa. Không biết trong lúc nắn tượng, nhà điêu khắc nói với Solange những gì mà khi pho tượng làm xong, cô gái của Nữ-sĩ nhất định làm lễ thành hôn với chàng, và bỏ rơi cậu công tử đẹp trai ở tỉnh. Cả gia đình đều phản đối cuộc hôn nhân này, nhưng Solange làm theo ý muốn của cô. Rốt cuộc, George Sand phải chịu, và lễ cưới Solange với Clésinger được tổ chức vội vàng, tại quê nhà của George ở Nohant, ngày 20 tháng 5, 1847. Cặp vợ chồng mới này là cả một mối lo phiền vô kể cho Nữ-sĩ George, và họ càng tìm cách gây cuộc lủng - cùn trong gia-đình nữ-sĩ.

Tội nghiệp cho George Sand, nàng vẫn yêu tha-thiết Đại nhạc-sĩ Chopin, và có dè dặt chính con gái của nàng âm-thầm tìm đủ cách để phá tan hạnh phúc ấy. Chopin lại nhẹ dạ, không sáng suốt, hay nghe lời dèm-pha quý-quyết của Solange. Những điều gì cô ả bịa đặt nói xấu mẹ, dèm-mét lại với Chopin, thì Chopin nghe theo, cho là có lý, và vì đó cũng đem lòng oán giận người yêu. Ngày 25 tháng 7, 1847, George viết thư rất tha-thiết mời Chopin về quê nàng, để sống với nàng, « Chopin từ chối. »

George khóc nức nở, nhưng biết làm sao ? Chopin còn viết như trách móc George đủ điều. Chàng căn-cứ trên những lời dèm-pha bịa đặt của Solange, để mắng nhiếc nàng thậm-tệ.

George uất-ức vô cùng. Nàng viết một quyển tiểu thuyết để diễn tả tâm-sự gay-cấn ấy. Quyển truyện tựa là *Lucrezia Floriani*, trong đó hai nhân vật chính, đôi tình nhân Hoàng-tử *Karol* và Nữ-nghệ-sĩ *Floriani* chính là Chopin và George Sand. Quyển tiểu thuyết này xuất bản được công chúng hoan nghênh lắm, và nhà phê bình văn-học trứ-danh thời bấy giờ, bạn thân của Victor-Hugo, là Sainte Beuve, có viết một bài trong « Tạp chí Hai Thế-giới » — *La Revue des deux Mondes* — để tán-dương tác-phẩm của George.



Thực ra, George Sand tuy là
lãng mạn,
tự do hồi tuổi trẻ, nhưng bây giờ đã dìm đắm và không còn thiết gì các cuộc phiêu lưu tình ái nữa. Nàng đã hết lòng yêu Chopin, và nhất định già đến chết. Nếu không có cô con gái quá tệ đã oán ghét mẹ và làm hại cuộc đời hạnh phúc của mẹ, thì Nữ-sĩ George và Nhạc-sĩ Chopin đâu đến nỗi xa nhau. Văn học sử đã đổ hết cả tội lỗi trên đầu Solange Sand, và cũng phần trách Chopin đã không đủ trí óc sáng suốt để nhận xét về người con gái nguy hiểm này. George có ngờ đâu nàng đã nuôi ong tay áo.

✱

DÂY là màn chót của cuộc tình duyên cay đắng...

Ngày 5-3-1848,

Nhạc sĩ Chopin viết một bức thư cho Solange như sau đây :

« Hôm qua, tôi có đến thăm bà Marlani, và lúc bước xuống

cầu thang để ra về thì gặp Má của cô đang bước lên với Lambert. Tôi có chào Má cô một tiếng « Bonjour », và câu thứ hai của tôi là hỏi lâu nay bà có nhận được tin tức của cô không ?

Bà trả lời :

— Có, trong tuần trước.

— Chứ hôm qua, hôm kia, bà không được tin sao ?

— Không.

— Thế thì tôi xin báo tin để bà biết rằng bà đã được làm bà ngoại rồi. Solange vừa sanh một đứa con gái, và tôi rất lấy làm hân hạnh được là người đầu tiên báo tin ấy cho bà.

Nói bấy nhiêu đó, rồi tôi chào bà, và đi xuống cầu thang. Combes có đi với tôi. Xuống dưới cầu thang, tôi sực nhớ rằng tôi quên

cho bà biết là cô được khỏe mạnh, chuyện này rất quan trọng đối với một bà mẹ — chắc bây giờ cô đã được làm mẹ nên cô hiểu rõ lắm,

phải không mẹ Solange? — nên tôi nhờ Combes trở lên lâu báo tin cho bà biết rằng cô được mẹ tròn con vuông. Tôi đứng dưới cầu

**Gặp
gõ cuối cùng
nơi cầu thang... và ra
đi, không ngoái
lại !**

thang đang đợi Combes, thì Má cô cùng đi với Combes trở xuống dưới nhà và hỏi thăm tôi về sức khỏe của cô. Tôi có trả lời cho bà ấy biết rằng ngay sau hôm cô sanh rồi, chính cô đã lấy bút chì tự tay viết vài giòng để báo tin cho bà rõ rằng cô đau lắm nhưng trông thấy đứa con ra đời cô vui mừng quên hết đau. Má của cô hỏi tôi được khỏe mạnh không, tôi trả lời được khỏe. Thế rồi tôi chào bà, đi thẳng ra cửa, đi luôn...

George Sand cũng có chép trong quyển nhật ký của nàng, về vụ gặp gỡ ấy như sau đây :

« Tôi cứ tưởng xa cách nhau mấy tháng nay thì chàng cũng đã hết oán giận tôi rồi, và trở lại mối tình êm đẹp, trí óc bình tĩnh... Có dè đâu. Tôi gặp chàng-

Tôi nắm bàn tay run-run của chàng, và lạnh ngắt. Tôi muốn nói chuyện. Chàng tránh đi. Trước kia chàng trách tôi không yêu chàng, nhưng nay tôi thấy rõ ràng chàng không yêu tôi nữa. Thôi, tôi chỉ còn nhờ Thượng-Đế phù độ của chàng mà thôi. Tôi không còn gặp lại chàng được nữa... Giữa Chopin và ta, có những trái tim xấu - xí ngăn cản... »

Thế là hết. Hai người đã yêu nhau suốt trong thời 10 năm (1836-1846), một Đại nhạc-sư lừng lẫy tiếng tăm cả thế-giới, và một

Đại Nữ-sĩ tài-hoa danh vọng không kém, ai cũng tưởng rằng cuộc tình duyên tốt đẹp như thế, thanh cao như thế, sẽ rực rỡ muôn đời, muôn thuở! Dè đâu!... Than ôi, Dè đâu! Đến một giờ phút chót, cuộc trùng-phùng lạnh-nhạt, mĩa-mai, chua xót biết bao!

Năm sau, 1849, Chopin chết, mới 39 tuổi! George Sand, 45 tuổi, còn ôm mãi mối hận không nguôi ấy suốt 28 năm sau!

TÂN-PHONG

Kỳ sau : Thi sĩ ANDRÉ CHÉNIER và cô Từ-nhân Trẻ tuổi.



* MUỐN Ở NHÀ ĐẤT TIỀN

Một thầy kỹ ở ngoại-bố với vợ. Cả vợ muốn ở nhà sang, cứ thúc dục chồng hoài hũy :

— Sao anh không kiếm thuê cái nhà nào đất tiền hơn ? Ở nhà thuê 500 đồng một tháng, chật-chội, nghèo nàn quá. Tại mình phải ở cái nhà 1.000 đồng mới coi được.

Thầy kỹ rất khổ sở vì bị vợ đay nghiến hoài về vụ ở nhà rẻ tiền. Nhưng một buổi chiều, thầy hơn hờ vui mừng chạy về nắm tay vợ :

— Anh báo cho em một tin mừng. Chúng ta khỏi phải dọn nhà. Ông chủ phố vừa tặng tiền nhà lên 1.500 đồng!

B.T.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

★ NGUYỄN-THU-MINH

★ Đêm liên hoan

Anh ơi! Đêm nay đầu người
nhấp nhô như ngọn sóng
Đang trào lên sức sống muôn đời
Niềm vui bát ngát trắng soi
Mảnh trăng úa máu chân trời
Việt-Nam.

Đêm liên hoan! Trời ơi, đêm
liên hoan!
Đầu người nhấp-nhô như sóng
bề ngang làng...
Ta muốn thét cho vỡ toan lòng
ngực,
Vì say sưa tình thân thiết Việt
chính đoàn.

— Anh từ phương nào lại?
— Tôi từ đất dấy lên!

Anh có nghe ngọn thủy triều
Đông-Hải

Đang hờn ghen cùng thác máu
triền miên...
Thác máu không tên dội tràn bốn
nẻo,
Cỏ không gãy, cây không già,
hoa không héo.
Ngàn năm đất nước vững bền...
— Anh từ phương nào lại?
— Tôi từ đất dấy lên.

Chúng ta cùng một mẹ hiền
Lúa thơm bầu sưa bóng mềm áo
tơ.
Chúng ta chung một mối thù
Gươm tung uất hận đạn vù đặng
cay.

— Anh từ đâu đến đó?
— Tôi đi giết giặc đây.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Đêm nay gặp bạn cùng nhau
chén,
Máu giặc đang nồng ta phải say
— Đây, ruộng đồng Trung-Nam
Kìa, núi rừng Việt-Bắc!
Cỏ cây đang cắm hờn như vừng
lên đuổi giặc

Tôi với anh, gặp nhau trong
ngày hội Liên-hoan.
Tay bắt tay, mừng trên giải đất
Việt-Nam.

— Gia đình anh ở đâu?
— Mẹ hiền tôi: đã khuất.

Nhưng trước khi nhắm mắt,
Mẹ mừng cho đàn con:
Máu tôi mai sẽ chảy,
Trời phăng hết kiếp ngựa trâu.
Xương tôi, tôi bắc nên cầu,
Cho đàn con bước lên lầu Tự-
Do!

— Anh giết bao nhiêu giặc, mà
mắt anh long lanh?
— Mời anh lên rừng xanh,
Hỏi những cành lá biếc.
Rừng âm u đang tung bùng mở
tiệc;
Bằng thịt, xương và máu của
quân thù.

— Trong tiểu đội anh, những ai
còn ai mất?
— Không, không ai còn, ai mất.

Ai cũng chết mà thôi!
Kẻ trước người sau lao vào giặc
Giữ vững ngàn thu một giống nòi.
Dù cho thịt nát xương phơi
Cái còn vĩnh viễn là người Việt-
Nam!

★

Đêm Liên Hoan! trời ơi, đêm
Liên-Hoan!
Đầu người nhấp nhô như sóng
vỗ ngang làng,
Ta muốn thét cho vỡ toan lòng
ngực
Vì say sưa tình thân thiết Việt
chính đoàn.

Người bạn mến thương ơi!
Nắm chặt lấy tay tôi.
— Kìa, sao anh lại khóc?
— Tôi quá mừng anh đó thôi!
Lần thứ nhất trên đời,
Tôi quay cuồng nhảy múa
Giặc kia ơi! không bao giờ còn
nữa.

Ta đếm từng ngày,
Ta mong từng phút, ta đợi từng
giây.
Lửa hờn nghi ngút chờ người
đêm nay...
Chờ người đến đây,
Ta bầm, ta giết!
Giặc kia phải chết,
Núi đồng phơi thây.

Anh đi hỏi nút
 Anh về hỏi cây.
 Anh hỏi biển rộng
 Anh hỏi sông dài
 Anh hỏi ngô non
 Anh hỏi lúa bé
 Anh đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ
 Rằng ta là Việt chính đoàn.
 Đêm nay say tiệc Liên Hoan
 Ngày mai xé xác moi gan quân
 thù !

 Tiệc liên hoan lại tung bừng
 hiển hiện.
 Giữa đoàn quân bách chiến
 Đò về thủ đô như nước vỡ bờ !
 Từ mũi Cà-mau cho đến biên
 giới Lạng !

Từ nắng sớm Sơn-la cho đến
 mưa chiều Vạn Trượng.
 Muôn đội hùng binh phất phới
 cờ bay.
 Đoàn quân bách chiến đi suốt
 đêm ngày.

— Mẹ ơi ! Con đã về đây,
 Chị hiền từ tốn đưa tay đón
 mừng...

... Anh ơi ! Anh tĩnh lại,
 Nước mắt tôi rưng rưng
 Hình như tôi đã mơ màng
 Phải rồi ! anh Việt chính đoàn
 Đêm nay say tiệc Liên-Hoan !
 Ngày mai xé xác, moi gan quân
 thù.

Bao giờ thu lại tới thu
 Liên-Hoan bùng nổ bốn mùa
 Non Song !...

Hoàng-Cầm

Ở đây, tôi không có ý
 lạm bàn đến một bài
 thơ, lời thơ hay chữ thơ nào, dù
 dưới một hình thức này hay hình
 thức nọ ; tự do hay đường luật,
 hoặc vận này phép kia, tân kỳ hay
 không tân kỳ, như có người
 đã lầm tưởng, đã viết đến và
 bàn đến.
 Vì rằng, một bài thơ hay,

không cố định ở một điểm nào
 cả. Thi nhân vẫn là thi nhân.
 Nói như Jean Bouhier :
 « Người ta không thể nói đến
 nữa, nào là thể thơ, trường thơ,
 nào là thơ huyền-bí, thơ cổ-
 điển. Lối đó chỉ hấp dẫn với
 những người thích chơi ò-chữ.
 Thi nhân không phải như loại
 Hérédia đã bị phá sản, hay loại

« trừu tượng » xách chiếc đèn
 thần... Mà thơ là cái gì nó xiết
 chặt vào người anh, rả rích
 trong lòng anh, xáo động trong
 lòng anh... Nghĩa là nhà Thơ
 phải có thi tài, như làn gió
 thiêng thổi vào đời thi-sĩ » (1)

Như vậy thì làm sao dám bàn
 đến ! (?) Chúng ta chỉ là những
 kẻ đi tìm — cái đẹp của thi-nhân
 để cảm với thi-nhân — cũng
 như sự chân thành của Con
 Người. Mà trong đó mỗi người
 sẽ có một cảm nghĩ riêng.
 Nhưng, mấy ai đã nói hết được
 những cảm nghĩ của lòng mình ?

Cái mình muốn nói lại không
 thể nói được, cái nói được lại
 không viết được. Nhất là trên
 nghệ thuật, với một thi-nhân ! Cho
 nên, bài «ĐÊM LIÊN HOAN»
 của Hoàng-Cầm trên đây, cũng
 như những bài tôi đã viết hoặc
 sẽ viết, chỉ là với cảm nghĩ khi
 đi tìm cái đẹp trong Thơ mà
 thôi. Và mong rằng những
 điểm bất gặp này sẽ là một trong
 những điều mà chúng ta đồng
 cảm nghĩ !...

Và, bây giờ xin mời các bạn
 cùng tôi vào chuyện của thi
 nhân.



Anh ơi ! Đêm nay đầu người
 nhấp nhô như ngọn sóng
 Đang trào lên sức sống muôn
 đời

Niềm vui bát ngát trăng soi
 Mảnh trăng úa máu chân trời
 Việt-Nam !

Vâng, đêm nay — phải nói là
 đêm của thuở... nước nhà còn
 đang lâm trong cảnh loạn ly bởi
 gót giày xâm lăng của bọn thực
 dân — chứ không được thanh
 bình, no ấm và thịnh trị như ở
 miền Nam tự-do bây giờ.

Toàn dân Việt đã đồng tâm
 cùng nhau đoàn kết đứng lên
 đuổi giặc. Những người con
 yêu của tổ quốc đã lên đường,
 phân chia ra giữ bờ cõi. Nơi
 nơi đều có họ. Từ hang cùng
 ngõ hẻm cho đến rừng thiêng
 nước độc. Thế rồi vào một đêm,
 sau bao ngày đuổi quân thù, họ
 đã chiến-thắng vẻ vang, bèn tụ
 hội lại để ăn mừng trước đồng
 lúa thiêng nghi-ngút cháy. Họ
 nhìn nhau, ôm nhau vui cười, la
 hét cho thỏa tình khao khát :

Đêm liên hoan ! Trời ơi, đêm
 liên hoan

Đầu người nhấp nhô như sóng
 bề ngang làng

Ta muốn thét cho vỡ toang lòng
 ngực...

(1) Tân-Phong dịch.

Mà thật vậy, họ không la hét vui cười sao được. Có gì sung sướng bằng đã chú? Đây trời, mây, non, nước, cỏ, cây, hoa, lá đầy ngập trong hương thơm, quện lấy nhau, xông lên người họ, lên óc, lên tim họ như ve vuốt, san sẻ nỗi vui chung. Nhưng, họ là ai? Là tất cả! Là đất, là cát, là gió, là mưa, là sương, là tuyết từ muôn phương đổ về! Hãy nghe họ trò chuyện:

— Anh từ phương nào lại?

— Tôi từ đất dấy lên.

Anh có nghe ngọn thủy triều
Đông hải

Đang hôn ghen cùng thác máu
triền miên...

Thác máu không tên dội tràn
bốn nẻo

Cỏ không gãy, cây không già,
hoa không héo

Ngàn năm đất nước vững bền!...

Tinh thần tranh đấu và sự đoàn kết của toàn dân oai-hùng mãnh liệt dâng lên rào rạt như sóng biển Đại-dương ngang tàng thế kia thì lo gì không đánh bại lũ người xâm lăng ấy ra khỏi đất Việt thân yêu. Lịch sử bốn ngàn năm còn đó. Dân Tàu mang rợ còn kia!

Há sợ gì mà họ không ăn mừng, hứa hẹn trong buổi gặp gỡ sung sướng này:

— Anh từ đâu đến đó?

— Tôi đi giết giặc đây.

Đêm nay gặp bạn cùng nhau
chén

Máu giặc đang nồng ta phải
say.

— Đây ruộng đồng Trung, Nam
Kia, núi rừng Việt Bắc

Cỏ cây đang cắm hờn như vừng
lên đuôi giặc

Tôi với anh, gặp nhau trong
ngày hội Liên-hoan

Tay bắt tay, mừng trên giải đất
Việt-Nam!

Ôi! Tưng bừng làm sao!

Ngạo nghề và vẻ vang thay. Ngày mai yên vui làm gì không chóng trở lại trên giải đất Việt, mọi người ấm no. Chúng ta làm sao mà không tự hào, hãnh diện với những lời giao kết đầy vàng ngọc của họ, làm sao không tin mong, ngậm ngùi trước sự chân thành sắt đá của họ sẽ để lại:

Máu tôi mai sẽ chảy

Trôi phăng hết kiếp ngựa trâu.

Xương tôi, tôi bắc nên cầu

Cho đàn con bước lên lầu Tự-dof

— Anh giết bao nhiêu giặc mà
mắt anh long lanh?

— Mời anh lên rừng xanh,

Hỏi những cành lá biếc

Rừng âm u đang tung bùng mở
tiệc

Bằng thịt xương và máu của
quân thù.

— Trong tiêu đội anh, những
ai còn ai mất?

— Không, không ai còn ai mất.
Ai cũng chết mà thôi

Kẻ trước người sau lao vào giặc
Giữ vững ngàn thu một giống
nòi

Dù cho thịt nát xương phơi

Cái còn vĩnh viễn là người Việt-
Nam!

Trời ơi! Lòng họ thật mãnh
mông, sâu rộng. Ké sao cho xiết. Thử hỏi mấy ai thấu nỗi lòng họ lúc này nhỉ. Chỉ có Trời, Đất, Núi Rừng là thông cảm được họ, say sưa chia sẻ cùng họ thôi.

Và, không những bấy nhiêu chuyện là đủ đối với họ, dù là chỉ qua một đêm ngủ ngùi hóp mặt. Họ còn nói với nhau nhiều lắm — nhiều lắm! Họ còn bàn nhiều việc trọng đại hơn nữa trước khi dẫn thân vào bụi trường chinh:

Người bạn mến thương ơi!
Năm chặt lấy tay tôi

— Kia, sao anh lại khác?

— Tôi quá mừng anh đó thôi!
Lần thứ nhất trên đời

Tôi quay cuồng nhảy múa
Giặc kia ơi! không bao giờ còn
nữa

Ta đếm từng ngày

Ta mong từng phút, ta đợi từng
giây,

Lửa hờn nghi ngút chờ người
đêm nay...

Trước đồng lửa thiêngđêm nay, giữa núi rừng bao la, bát ngát này đã chứng dám lòng họ: hứa hẹn, đợi chờ giờ xuất phát khỏi điểm với những thành công vẻ vang trước lũ giặc bạo tàn, để đem lại nước Việt Nam cực kỳ thịnh vượng, lòng người hân hoan, mẹ, cha, anh, em, đoàn tụ hát lên khúc hát Việt-Nam Tự Do muôn đời!

Tiệc Liên Hoan lại tung bùng
hiển hiện

Giữa đoàn quân bách chiến,

Đổ về Thủ-đô như nước vỡ bờ!

Từ mũi Cà-mau cho đến biên
giới Lạng,

Từ nắng sớm Sơn-la cho đến
mưa chiều Vạn-Tượng.

Muôn đội hùng binh phất phới
cờ bay

Đoàn quân bách chiến đi suốt
đêm ngày

— Mẹ ơi! Con đã về đây

Chị hiền từ tốn đưa tay đón
mừng...

Quả thi nhân ta đã SỐNG và
CHÂN THÀNH mới viết ra
được bài «Đêm Liên Hoan» trên
đây. Cảm xúc thật là dồi dào
thấm thiết. Mỗi lời thơ, chữ thơ
là một ý nghĩ lẫn hình ảnh, tình
yêu thương giống nòi, đất nước
mãnh liệt thoát ra từ tim, óc,
thi-nhân.

Vậy mà cũng bị từ bỏ, đưa
ra mổ xẻ, chê bai là nặng
chất tiểu-tư-sản thời hóa.
Thi nhân sáng tác phải luôn luôn
tuân theo một đường lối; phải
có máu lửa, đấu tố, xỉ vả vào
nhân phẩm bất cứ một ai ưa được
sống tự do và yên ổn, nhất là
không chịu nghe theo chủ nghĩa
Cộng sản Đệ tam. Thi nhân ở
miền Bắc phải viết những lời thơ
như Xuân Diệu tự liệt xác:

Chúng con thề nguyện một lời
Quyết tâm thành khăn... lột

người từ đây.

Bao nhiêu lầm lỗi bấy nay

Nói ra cho hết, cho đầy mới thôi.
hoặc dā-man, tồi tệ hơn:

Cường hào địa chủ đại khờ

Đấu lý cho thật gậy như mới nghe

Nhược bằng chúng vẫn mặt lý

Đấu lực cho mặt gian phi chúng
lời.

Người ta cố ý hủy diệt tình
cảm, dẫm lên tình thương giống
nòi, con người, và bắt thi nhân
nghe theo ít ra cũng phải như
Xuân Diệu.

Nhưng, Hoàng Cầm đã không
chịu nghe theo, làm theo, mà
còn chống đối lại nên không
khỏi bị đem ra đấu tố, tẩy nã.
Bằng cứ là vụ án «Nhân Văn Giai
Phẩm» ở miền Bắc gần đây, đã bị
họ giết chết mấy người — mà
Hoàng Cầm là một trong số
những người thuộc Nhóm ấy
— hiện đang chịu những cực
hình dã man, tàn bạo của chế độ
độc tài miền Bắc!

Đau đớn và buồn thay cho
thi nhân!

Đến đây, tôi xin phép được
nhường lại phần « Những áng
thơ hay » này qua bài « ĐÊM
LIÊN HOAN » của Hoàng
Cầm nhờ quý vị phê phán!

NGUYỄN-THU-MINH

NHIỀU bạn biên
thư về toà soạn
hỏi danh sách
các hội-viên của Tao
đàn nhị thập bát tú
mà các quyển « Việt-
Nam văn-học-sử »
hiện hữu không thấy
nói đến hoặc nói rất
ít. Vậy chúng tôi
xin trình bày mấy
tài liệu liên hệ, rút
trong các bộ Sử-ký
và văn-học sử:

— Khâm định Việt sử

— Đăng khoa lục

— Đăng khoa bị khảo

— Toàn Việt thi lục

Vào khoảng tháng 11 năm Ất
mão (1495) là năm thứ 26, hiệu
Hồng Đức, Vua Lê Thánh Tông
(1442-1492) chế ra *Quyển uyển
cửu ca* (chín bài ca ở vườn
quỳnh), vì thấy mưa thuận gió
hòa, nhân dân no ấm. Chín bài
ca ấy nhan đề là:

- 1) Phong niên (năm được mùa)
- 2) Quân đạo (đạo làm vua)
- 3) Thần tiết (đạo làm tôi)
- 4) Minh lương (vua sáng tôi
hiền)
- 5) Anh hiền (bậc hiền tài)
- 6) Kỳ khí (khí lạ = điềm tốt)
- 7) Thư thảo (phép viết)

TAO ĐÀN
NHỊ - THẬP
BÁT TÚ

8) Văn nhân (kẻ văn chương)

9) Mai hoa (hoa mai)

Vua Lê Thánh Tông tự làm
bài nguyên xướng, 28 vị thần mới
họa vần lại, nghĩa là trên nguyên
tắc phải có cả chữ: 9 bài của
vua cộng với $(9 \times 28) = 252$
bài của nhị thập bát tú, vị chi:
 $9 + 252 = 261$ bài.

Tất cả đều là thơ Đường thi;
sở dĩ gọi là ca có lẽ là vì vua
tôi xướng họa ca vịnh trong vườn
Quyển Uyển là nơi hội họp của
các vị tiến sĩ.

Theo Cự Ứng-Hoè Nguyễn
văn Tố, Vua Lê thánh Tông làm
bài tựa đề tập Quyển Uyển cửu
ca, và tự xưng là *Tao đàn*

★ THÁI-VĂN-KIỆM

Nguyên soái (1). Còn 28 vị kia nhận lãnh những chức vụ sau đây:

Phó Nguyên súy

1) Thân Nhân Trung, đỗ tam giáp khoa kỹ sừ (1469) làm quan đến Lại Bộ Thượng Thư, kiêm đồng các đại học sĩ.

2) Đỗ Nhuận, năm 21 tuổi đỗ tam giáp tiến sĩ, khoa bính tuất (1466). Làm quan đến thượng thư kiêm Đông các.

Đông các hiệu thư

3) Ngô Luân, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Ất vị (1475), làm quan đến thượng thư, kiêm đồng các.

4) Ngô Hoán, năm 31 tuổi, đỗ bảng nhơn khoa Canh tuất (1490), làm quan đến Lại-bộ thượng thư -- Năm 1522, Trịnh-Tuy bắt ép vua Lê Chiêu Tông vào Thanh-Hoa. Lúc bấy giờ ông Hoán đã 63 tuổi, ông đem binh sĩ đi theo đến Thanh-hoa thì vua tôi lạc nhau: ông bái vọng lăng miếu Lam-Sơn, rồi tự vẫn. Sau phong làm Suy trung công thần, gia phong Thượng đẳng phúc thần.

Hàn lâm viện thị-độc

5) Nguyễn Xung Xác, năm 19 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ-sừ (1469). Làm quan đến thị

lang kiêm coi viện Hàn lâm.

6) Lưu-Hưng-Hiếu, năm 26 tuổi đỗ bảng nhơn khoa tân sừ (1481), làm quan đến thượng thư, kiêm đồng các và kiêm coi viện Hàn Lâm.

Hàn lâm viện thị thư

7) Nguyễn-Quang-Bật, năm 21 tuổi đỗ trạng nguyên, khoa giáp Thìn (1484). Làm quan đến đô ngự sử. Cùng Đàm-Văn-Lễ nhận di chiếu của vua Lê-Hiến-Tông (1461-1504) đề lập Túc Tông. Sau Túc Tông mất năm 1504. Uy mục lên ngôi (1504-1509) giặc bọn Lê-Quang-Bật và Đàm-Văn-Lễ trước không lập mình làm vua, đây Nguyễn-Quang-Bật làm quang nam thừa tuyên sứ, đi nửa đường sai trung sứ theo giết. Sau Trương-Dực-Đế lên ngôi khen là trung thần, truy phong và tế điệu.

8) Nguyễn - Đức - Huấn, đỗ bảng nhơn khoa đĩnh vị (1487), đi sứ Tàu, làm quan đến thượng thư, tước quận công.

9) Vũ Dịch (hoặc Vũ-Dương), năm 22 tuổi, đỗ trạng nguyên, khoa quý sừ (1493), có đi sứ Tàu, làm quan đến thượng-thư.

10) Ngô Thâm, đỗ bảng nhơn khoa quý sừ (1493), làm quan

đến hàn lâm viện thị thư.

Hàn lâm viện thị chế

11) Ngô Văn-Cảnh, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Tân Sừ (1481), làm-quan đến hiến sát sừ.

12) Phạm Trí-Khiêm, năm 24 tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa giáp Thìn (1484), làm quan đến đồng các hiệu thư.

13) Lưu Thư-Mậu (không rõ tiểu sử).

Hàn lâm viện hiệu lý

14) Nguyễn Nhân-Bị, năm 19 tuổi, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa bính tuất (1466), tức mình không đỗ nhất giáp, xin từ không nhận đề đi thi lại, mãi đến khoa Tân Sừ (1481) ông đã 34 tuổi, lại đỗ tam giáp. Có đi sứ Tàu, làm quan đến thượng thư.

15) Nguyễn Tôn-Miệt (hoặc Mậu), đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Tân Sừ (1481). Làm quan đến hàn-lâm-viện thị thư.

16) Ngô Quyền, năm 36 tuổi đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa đĩnh vị (1487) làm quan đến Đô ngự sử. Đăng khoa lục chép là Ngô Hoan.

17) Nguyễn Bảo-Khuê, năm 32 tuổi, đỗ nhị giáp-tiến sĩ khoa đĩnh vị (1487). Có đi sứ Tàu, làm quan đến thị lang kiêm đĩnh úy.

18) Bùi Phồ, năm 25 tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Đĩnh Mùi (1487), làm quan đến hàn lâm viện hiệu lý.

19) Dương Trục-Nguyên, năm 23 tuổi, đỗ nhị giáp Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490). Làm quan đến thị lang, kiêm chiếu văn quán và coi viện hàn lâm. Năm 1507. Lê-trương Dực Đế khởi binh ở Thanh Hoa, tiến bức ở Đông Kinh, Lê Uy mục để sai ông làm tán lý, đem quân ra chống cự bị thua, mất tại trận. Sau vua Trương Dực truy phong làm đô ngự sử và phong làm thượng đẳng thần.

20) Chu Hoàn (hai quyền Đăng Khoa đều chép họ Nguyễn), đỗ nhị giáp khoa quý Sừ (1493), làm quan đến Hàn lâm viện hiệu lý.

Hàn-lâm-viện kiểm-thảo

21) Phạm Càn-Trực, đỗ tam giáp khoa giáp Thìn (1484).

22) Nguyễn Ích-Tồn, đỗ tam giáp khoa giáp Thìn (1484), làm quan đến thị lang.

23) Đỗ Tuần-Thứ (không rõ sự tích).

24) Phạm Như - Huệ (hoặc Đoàn Như Huệ), đỗ tam giáp khoa 1487.

25) Lưu Dịch, năm 28 tuổi,

đỗ tam giáp khoa Canh Tuất (1490), làm quan đến hàn lâm viện hiệu thảo.

26) Đàm Thận Huy, năm 28 tuổi, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490), làm quan đến thượng thư, coi viện Hàn lâm, di sứ Tàu, gia phong công thần, hàm thiếu bảo, tước bá, coi Chiêu văn quán, Tú lâm cục, vào hầu tòa kinh diên — Khi Mạc-dăng-Dung tiếm nghịch năm 1527, ông về Bắc Giang khởi nghĩa binh, đánh nhau với Mạc bị thua, uống thuốc độc tự tử. Sau Lê Trung Hưng (1533 - 1548) phong làm thượng đẳng thần.

27) Phạm-đạo-Phú, năm 28 tuổi, đỗ tam giáp khoa Canh Tuất (1490), làm quan đến thị lang.

28) Chu Huân (Huyền) đỗ tam giáp khoa quý Sửu (1493), làm quan đến thừa chính sứ.

Ngoài tập « Quỳnh Uyển cửu ca », vua Lê Thánh Tông và hội Tao Đàn còn sáng tác những thi văn-phẩm sau đây :

- 1) Văn minh cổ xúy
- 2) Châu cơ thắng thưởng
- 3) Cờ kim cung từ
- 4) Cờ tâm bách vịnh
- 5) Xuân vân thi tập

- 6) Hiếu trị anh hoa
- 7) Minh lương cầm tú
- 8) Hồng Đức thi tập
- 9) Thiên-Nam dư hạ tập (100 quyển)
- 10) Thiên hạ bản đồ
- 11) Sĩ hoạn quan tâm (2 quyển)
- 12) Hoàng Triều quan chế (6 quyển)
- 13) Đại Việt Sử ký toàn thư (15 quyển) của Ngô sĩ Liên).

Riêng hai bộ « Đại Việt Sử ký » và « Thiên Nam dư hạ tập » là quan trọng hơn cả. Bộ Đại Việt Sử ký nay vẫn còn. Ở Saigon, Nha Văn-Hóa (Bộ Giáo-dục) có một bộ ; Viện Khảo Cổ cũng có một bộ ; Chi-nhánh của Viễn Đông Bác Cổ Học Viện cũng có một bộ. Ngoài ra cơ quan này còn có microfilm của Học-Viện Hà-Nội gửi vào nữa...

Còn bộ « Thiên Nam dư hạ tập » là do vua Lê Thánh Tông sai Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, phó Đề ngự sử Quách đình Bảo, đồng các hiệu thư Đồ Nhuận và Đào Cử, Hàn lâm thị thư là Đàm Văn Lễ biên chép những chính sự trong nước, được 100 quyển, đề là « Thiên Nam dư hạ tập », có nghĩa là tập thơ văn biên soạn lúc nhàn

rỗi dưới trời Nam. Ngài tự đề tựa và chép rõ việc thân chinh Chiêm Thành và Lão Qua, đặt tên là Thân chinh ký sự. Bộ Thiên Nam dư hạ tập chép đủ cả chế độ, luật lệ, văn thơ, sắc dụ, đại khái phỏng theo bộ Hội điển đời Đường, đời Tống bên Tàu. Hiện nay Viễn Đông Bác Cổ học viện có sao được 8 tập : bản đồ, quan chế, thân đánh Chiêm thành, thơ ngự chế và các quan họa văn (tức Minh lương cầm tú, Quỳnh uyển cửu ca) văn thơ, sắc, liệt truyện, tạp chí và khảo sử.

Thiết tưởng nên nhắc lại rằng Vua Lê-Thánh-Tông đã đặt ra lệ ba năm một kỳ thi hội, thi đình, thân ra đầu bài, cho truyền loa xướng danh, treo bảng vàng ở

cửa Đông-Hoa, ban cho ân mệnh và rước vinh quy về làng bắt đầu từ năm 1467.

Trong khi Ngài trị-vì, có 12 khoa tiến sĩ, được 501 người đỗ, thật là một thời thịnh phát về văn học chưa từng thấy trong lịch sử Việt-Nam.

Vua Lê-Thánh-Tông mất năm 1497 và sau đó, không thấy nói đến hội Tao Đàn nữa.

Saigon, ngày 15-8-1960

THÁI-VĂN-KIỆM

Chú-thích : (1) Tao nghĩa là thơ hay, do bài thơ Lý Tao của Khuất Nguyên ; Tao Đàn là hội Thơ (Cénacle), Nguyên soái là vị lãnh đạo.

★ CÁI NGỰC CÓ SỪNG NHỌN QUÁ

Mới đến học lớp mẫu giáo buổi sáng, trưa về nhà, Má hỏi em Bé (5 tuổi) :

— *Cô giáo có cưng con không ?*

Bé 5 tuổi trả lời :

— *Cô giáo cưng con, Má à, nhưng con không dám lại gần cô đâu.*

— *Tại sao vậy ?*

— *Ngực của cô mọc hai cái sừng nhọn thiệt là nhọn, con sợ có đâm trúng con !*

H. T. NHÃN (Dakao)



**Đèn
trời
trên**

S
O
N
G
H
O
N
G

Cách đây mười mấy năm
 một đêm trăng mười sáu
 gia-đình ta nương nấu bến Hương-giang
 Đèn trời lấp lánh mơ-màng
 Lung-linh đáy nước hờn oan đi về
 Mẹ chèo ghe
 Cha cầm lái
 Chúng con ngồi ngáy-dại ngắm trăng tan...
 Ai ca réo-rất muôn vàn
 Trên con thuyền nhỏ sang ngang một mình
 Đèn hoa trời mãi bập-bành
 Rưng rưng mắt Mẹ long lanh sao trời...
 Sương lạnh rơi rơi
 Đèn hoa trời lấp-loáng
 Thuyền ta về bến vắng buồm neo
 Đêm thu con mộng mơ nhiều
 Hồn thơ bay bổng phiêu-diêu cung Hằng...
 Thấm-thoắt mười mấy năm
 Con về thăm bến cũ
 Lệ nhỏ khôn cầm
 Trăng trong vắng vặc
 Một vì sao sáng quắc
 khơi vơi
 Mẹ ơi !
 Mẹ chết mấy năm rồi Mẹ nhỉ ?
 Mấy năm rồi Cha xuôi ngược long đong ?
 Đèn hoa ai thả bành-bồng
 Thuyền con lạc-lỡng trên sông hững-hờ
 Mười lăm năm một giấc mơ
 Xa xôi con viết bài thơ dâng về...

ĐÀO - LƯU - HẢI (Huê)

Chuyện kỳ quặc

**một
hình
bóng**

CẢ N nhà bà Phó Liễu di-
 cư ở vùng ngoại-thành Sai-
 gon, trên đường đi Gò-Vấp.
 Trước kia, khi chồng bà, ông
 Phó Lý làng Bích-Đào, còn sống
 thì bà không phải lo cho đời
 sống là mấy, nhưng từ khi lâm
 vào cảnh góa-bụa, bà thấy c
 ngại vô cùng.
 Ông Phó mất
 đi năm bà mới
 có hai-mươi-
 lăm tuổi; mặc dầu không con cái,
 bà cũng chịu ở vậy cho đến ngày
 nay đã ngoài năm mươi.

Sau hồi loạn-lạc, bà Phó
 không còn ai là họ hàng thân-
 thích nữa. Bà chỉ nhớ mang

máng, xưa kia, khi mười-hai
 tuổi, mẹ bà đã bỏ bà ở lại, và đem
 một đứa em trai mới 8 tháng
 đi đầu biệt tích. Về cuộc đời
 lang bạt của người mẹ, từ đó
 đến nay, bà không có tin tức
 gì cả.

★ TRỌNG-TẤU

Bà Phó Liễu
 rất cần - kiếm
 và cơ chỉ. Có
 lẽ cảnh sống cô
 đơn đã khiến bà không dám tin
 tưởng vào ai. Theo ý - nghĩ
 mộc mạc của bà thì ở trên đời
 này, không có kẻ nào giúp đỡ
 đắc lực mình cho bằng chính
 mình. Bởi vậy bà phải lo xa,

phải dự phòng. Bà sợ chết đói lắm ! Cái thắc mắc thường xuyên ấy của bà đã biến cải bà thành con người hà tiện đến gần như keo bẩn. Có một số vàng khá nhiều, dù đi tới đâu, sống chết bà cũng đem theo, « bất ly thân ». Số vốn hai chục lạng vàng ấy là kết quả của sự chắt bóp, của nước mắt và mồ hôi. Bà không dám ăn, dám tiêu. Bà cố bóp mồm bóp miệng để mà có. Bà muốn nắm trong tay chút vốn chỉ là cốt được yên trí lúc tuổi về già.

Bà Phó Liễu có một bề ngoài rất nghèo khổ. Bà ăn mặc rách rưới, đi xa đến cả chục cây số bà cũng cuốc bộ và... có khát nước thì lại cúi xuống mấy cái « phong ten » Bà không dám giao thiệp với ai, nhất định ở trong một căn nhà lá heo lảnh xa thành phố. Không ai thèm để ý đến bà lão nghèo khổ ấy làm chi. Nói đại dột, cướp bóc muốn dòm ngó thì cũng phải kiếm nhà nào có máu mặt chứ !

★

Thật ra, trong thâm-tâm, lúc nào bà Phó Liễu cũng phập-phồng lo sợ.

Mấy hôm nay, bà phó thấy

khiếp-hãi vô cùng. Cứ sáng nào, đi chợ về bà cũng bị một tên lưu manh theo sát gót. Tuy già ta ăn mặc có vẻ tề chỉnh, điệu-bộ có vẻ đoan-trang, nhưng cái vết sẹo trên má, to mà dài, hõm sâu xuống, không thể nào dấu nổi con mắt của bà lão. Bà đoán rằng già này chắc là một tên sát nhân không góm tay, hay ít ra cũng là tên « tù Côn Nôn » mới mãn hạn. Mắt già đỏ và lờ đờ như mắt chó dại, môi già dày ; thẳng hoặc, nếu già có nhếch mép cười thì quả là đáng điệu đặc ý rất man rợ của của một con quỷ sắp hút mủ các thầy ma trong ma. Bà Phó để ý, đã từ bốn hôm nay, không sáng nào già chịu rời bà ra nửa bước. Cho cả đến khi bà bước chân vào nhà, già vẫn còn lờn vờn trước cửa. Già lại tìm được một quán cà-phê bên đường để ngồi chờ. Già uống một ly cà-phê có hai đồng bạc mà có khi ngồi mãi tới trưa mới chịu đứng dậy ra về. Có lắm hôm, bà làm bộ đóng cửa, lén dòm qua lỗ vách ván xem già làm gì thì bà thấy già cứ trừng trừng soi mói cặp mắt cú vọ vào căn nhà bà, chẳng

khác gì con cáo rình mồi muốn bắt.

Bà Phó Liễu không dám đóng cửa nữa, sợ già để ý. Thỉnh thoảng bà chỉ dám liếc nhanh để xem mặt già một tí rồi lại quay đi luôn. Rủi ro mà bốn mắt vô tình bắt chột chạm nhau, thì bà cảm thấy chân tay rụng rời, bủn rủn. Bà tự hỏi : « Có lẽ hẳn biết ta có hai chục lạng vàng chứ gì ! Hay hẳn đang sắp đặt thủ tiêu ta để cướp số vàng ấy ? » Tuy nghĩ vậy nhưng bà Phó không dám có ý đi thưa. Bà sợ tới cửa công lắm ; rồi lại rùm beng và người ta sẽ biết bà có hai chục lạng vàng thì chỉ có nước chết. Và lại, y cũng chưa có làm gì hại bà, thì lấy cớ đâu mà buộc tội, Bà không dám nhờ ai bảo vệ, vì bà chẳng tin ai. Bà Phó Liễu lo mất ăn mất ngủ. Mấy đêm liên tiếp bà thao thức suốt sáng ; thỉnh thoảng có chợp mắt đi một tí lại cũng giật mình. Bà đã khổ sở như vậy mà nào hẳn có buông tha bà đâu. Vừa mở cửa ló đầu ra đường, hẳn đã ở đâu lù lù ngay cạnh. Hẳn có một cái nhìn « thêm muốn » lạ lùng. Phải chi bà còn là con

gái thì còn có thể coi hẳn là một gã si-tình, đang này, bà vừa già cả, xấu xí, vừa nghèo-hèn y lại chỉ đáng tuổi em, tuổi cháu... chắc là y có mục-đích gì khác ?

★

Bà Phó Liễu, đêm nay bị lên cơn sốt. Toàn thân bà nóng hơn lửa bỏng. Hai tai bà như muốn cháy đi. Cơn lạnh bỗng nhiên xâm nhập vào bà một cách tàn nhẫn. Uống xong gói can-cơ-tan, bà cố nằm ngủ cho quên đi hình ảnh con người bí mật ghê sợ kia. Căn nào bà bị căng thẳng quá, phần vì yếu sẵn, bà bỗng thiếp đi. Tiếng chửi của chị bán cháo lòng đánh mắng con ở gần đó ré lên khiến bà giật mình nhảy nhồm ra khỏi giường. Bà sờ tay vào chiếc ruột tượng buộc ngang lưng, số vàng lá vẫn còn nằm đó. Tim bà đập mạnh ; bà lò dò bước ra phía cửa, bỗng chân bà đạp phải vật gì mềm nhũn nóng hổi ; bà thét lên nằm vật xuống đất, tay lại chạm phải một chất nhờn dính dính. Bà run rẩy cả toàn thân, ú ó cổ đứng lên đi lấy bao diêm, nhưng chân như bị dính cứng xuống đất. Bà phải

cổ lết lại chiếc bàn, quẹt que diêm mấy bận cháy rồi lại tắt.

Đèn que diêm thứ tám bà mới thấp nổi cây đèn. Ánh sáng chập chờn ngọn đèn đêm trong tay bà lão chiếu ngược trở lên khiến cho nét mặt gầy ốm của bà biến hình chẳng khác gì một bóng ma vừa đội mồ lên kiếm người sống. Bà lấy bầy đi lại vật mềm mềm, cúi xuống coi xem, thì ra, đây là bộ gan heo sống của chị bán cháo lòng! Có lẽ con chó Vện của bà ăn cắp đem về nhưng chưa ăn hết.

Sau một hồi thờ róc ra để định thần, bà Liệu quyết định hành động theo như đã dự tính. Bà lấy con dao phay, thổi tắt phụt ngọn đèn, mò từng bước, đi ra phía sau nhà. Bà ngồi xuống đào. Bàn tay yếu ớt của bà bới đất một cách mệt nhọc. Đào, rồi lại nghỉ, lại tiếp tục đào, mãi nửa giờ sau mới bươi nổi được một lỗ sâu chừng ba tấc. Bà run run trút cả cái kho tàng của một đời người, hai chục lạng vàng, xuống đó và lấp đất. Sau khi đã lát lại đám cỏ như cũ bà gài cửa sau lên giường nằm. Con sốt trở lại kịch liệt hơn, mồ

hôi bà ra khiến bà ướt như chuột lột. Bà ngất lịm dần...



Bà Phó Liệu mê hay tỉnh?

Kìa, rõ ràng thằng ăn cướp sẻo mặt đang lói bà đi sênh sếch một cách tàn-nhân! Bà van vì:

— Lạy ông tha cho tôi! Tôi đang ốm nặng. Tôi nghèo!

Tên này trừng mắt;

— Không tha gì cả! Ốm à? Ốm gì thì ốm gì thì ốm! nhưng.. vàng đâu!

— Tôi làm gì có vàng?

— Lại còn vờ vĩnh, dấu đầu? chỉ chỗ ngay không thì toi mạng...

— Lạy ông, tôi không có!

Hắn đập bà lão một cái, té xấp mặt xuống đường đá, máu trong mũi từ từ chảy ra từng giọt. Hắn kéo bà tới một căn nhà tối tăm, xung quanh xây bằng đá tổ ong. Hắn dừng lại và chỉ mặt bà lão:

— Mi đã già rồi, ta không thêm đánh làm chi. Để ta cho mi chứng kiến sơ sơ vài cảnh tra tấn xem mi còn gan hay hết?

Hắn cười sằng sặc đắc chí. Bà Phó bị điệu về tới một nơi

khác, có lẽ là sào huyết bọn cướp. Bà bàng hoàng khi nhìn cảnh tượng lạ lùng của căn phòng mới đến. Chỗ này, một thiếu nữ đang bị treo ngược cả hai chân tay như con lợn, mặt quay sấp xuống trên lưng bị đè một hòn đá nặng. Chỗ kia, một chàng thanh niên, có lẽ là người Miên, đang bị một tên lấy kim xé từng cái móng tay. Bà nhìn thấy rõ ràng, những hành động vô nhân đạo đó. Cứ mỗi lần kim kẹp vào chiếc móng tay thì tên người Miên lại ré lên ghê sợ; hắn ta thở hồng hộc. Tên cướp đứng tra cứu thân nhiên như không. Hắn chùi bàn tay đầy những máu của hắn vào mặt tên bị tra tấn. Mồ hôi và máu pha lộn làm thành một chất nước đỏ lờ lờ, be bết trên mặt nạn nhân. Bà Phó đứng gần đó, nhắm nghiền đôi mắt không dám nhìn nữa, nhưng bà lại phải ngửi. Bà ngửi thấy một mùi tanh buồn mửa của máu. Gã có sẻo mặt quát:

— Mở mắt ra nhìn!!!

Bà giật mình, tim đập mạnh. Tên đứng tra, khoái trá liếc bà nhe răng cười. Hắn vạch những móng tay còn lắt lẻo

trong thịt lên xem, thỉnh thoảng lại bắt nẩy tung tung mấy cái móng ấy để chơi, trông thật là rợn. Hắn lại vớ lấy chiếc kim, kẹp nguyên cả một ngón tay nạn nhân vào giữa, co hai tay, dùng hết sức bình sinh giật mạnh vào lòng. Một đốt ngón tay văng đi, chỗ sưng còn lại lòi ra trắng toát. Hắn nhặt đốt ngón tay ném thẳng vào mặt bà lão. Bà Phó choáng váng, máu bắn cả vào trong con người, khiến mắt bà cay xè và loà đi. Bà Phó chỉ còn là cái thây ma biết cử động. Tên sẻo mặt lại dẫn bà tới một nơi khác. Chỗ này có dựng một cái cột bọc toàn bằng các mảnh nứa dài, bẻ cật vào trong. Một nạn nhân bị treo trên đầu cột, hai chân tay bị trói ốm vào đó. Một đầu dây thừng luôn qua chiếc rơ rơ, cột vòng qua ngực người này; một tên đứng níu đầu giây bên kia để giữ nạn nhân lơ lửng trên đầu cột. Tên có sẻo hình như là chúa đảng cướp vừa hạ tay ra lệnh thì tên kia buông sợi giây. Cái thân hình chỉ tro troi có một quần đùi, tuột mạnh rơi xuống đất. Bà Phó nhìn rõ ràng từng chi tiết. Lúc này bà muốn mê đi

mà không được. Tại sao bà tỉnh quá ? Nhưng lần nữa sắc bén khứa vào da thịt, thành từng vệt đỏ dài trên ngực, trên tay chân kẻ bị nạn. Máu vọt ra như suối. Tên cầm đầu giãy lại từ từ kéo nạn nhân lên cao, rồi lại buông xuống, kéo lên, buông xuống, năm lần bảy lượt. Tiếng la lúc đầu còn to, sau cứ nhỏ dần rồi im bật. Nạn nhân đã bất tỉnh, đầu quật về một bên. Một giòng máu từ từ chảy ra hai bên mép.

Tên thợ mặt nheo mắt hỏi bà lão :

— Vàng đâu ? Có chỉ không ?

Bà Phó ú ó muốn nói mà nói không được...



Trời đã sáng bết. Nhà bà Phó Liệu chật ních những người. Vào lúc hừng đông, lối xóm, nghe tiếng bà lão rên la ú ó, tưởng bà bị ai bóp cổ, đã phá cửa xông vào cứu cấp. Sự thật, chỉ vì đêm qua bị cơn sốt hoành hành, bà đã lên cơn mê sảng chứ không có gì lạ xảy ra cho nhà bà hết. Trong khi bị ám ảnh quá độ, phần vì ốm nặng, bà mê thấy hết cảnh này tới cảnh khác.

Người ta lấy dầu nóng xoa bóp cho bà ; có kẻ đi kiếm đồ cạo gió. Lúc đó, người thợ mặt cũng bước vào. Hấn vội vã đi ra, một lát sau trở lại với đồ nghề, tiêm cho bà một mũi thuốc khoẻ. Bà Phó tỉnh dần, mở mắt, mệt mỏi nhìn mọi người, bỗng bất gặp cặp mắt lừ đừ của hấn. Bà sợ quá rú lên :

— Lạy ông, tôi không có gì !

Hấn lắc đầu không nói. Bà lão lại van vỉ :

— Trời ơi ! sao ông cứ theo tôi ?

Mọi người ngạc nhiên, tuy không biết truyện gì nhưng cũng nghi ngờ, tóm lấy tay hấn vì cho là hấn có làm điều gì bất chính. Hấn ú ó giằng tay ra, lúc đó mọi người mới biết hấn cầm. Hấn ra hiệu xin miếng giấy và cái bút, rồi hấn ngồi xuống viết :

« Tôi chỉ là một thằng câm. Tôi làm nghề vẽ và có biết qua ngành y tá. Tôi xin nói rõ vì sao mà tôi đã theo bà lão này... »

Trong khi hấn viết thì người đứng đó đọc lớn lên cho bà nghe. Hấn viết thêm :

« ...Trước kia tôi có một bà

mẹ. Mẹ tôi đã phải bỏ cha tôi, đem tôi đi lang thang chỉ vì cha tôi tàn nhẫn quá. Theo mẹ từ khi tôi tám tháng, tôi đã chung sống với người cho đến khi khôn lớn. Thấy đứa con tật nguyền mẹ thương tôi lắm. Mẹ đã cả đời tận tụy khổ sở vì tôi ; sợ sau này với tật câm tôi không làm gì được, mẹ đã cho tôi theo học nghề vẽ ; một nghề không phải cần lời nói. Mẹ tôi chết đi giữa thời khói lửa. Tôi không còn di ảnh mẹ, chỉ bỗng một hôm ngẫu nhiên tôi gặp bà đây. Tôi ngỡ ngỡ tưởng mẹ sống lại, vì bà giống mẹ tôi như tạc. Tôi bỗng nảy ra cái ý họa một cái hình mẹ để thờ ; thế là ngày ngày tôi theo gót bà, nhận xét gương mặt để vẽ nhà tưởng tượng ra vẽ lại cho đúng. Chỉ có thể thôi chớ không có điều gì bí ẩn cả »

Người đứng đọc viết vào giấy hỏi :

« Anh ở Bắc, nhưng người làng nào ? »

Hấn lại viết :

« Tôi người làng Bích-Đào »

Bà lão giật nảy mình nhồm dậy nhờ người đứng đó hỏi giúp xem hấn có biết tên cha hấn không ?

Hấn trả lời bằng cây bút :

« Chỉ nghe mẹ tôi nói : cha tôi tên Bằng Thân »

Bà Phó Liệu tự nhiên khóc sống lên, ôm lấy hấn :

— Trời ơi ! thế ra đây là em tôi ! Vinh !

Hấn ngỡ ngác không hiểu gì cả.

Nhờ cuộc bút đàm hai chị em đã nhận được ra nhau. Vinh chính là tên hấn, tên thằng em đã theo mẹ đi lang thang từ khi mới tám tháng. Bà Phó Liệu là con gái ông Bằng Thân. Trong làng, những người lớn tuổi hơn bà vẫn thường nói cho bà biết rằng, bà giống mẹ.



Bà Phó bị xúc động mạnh, bệnh tim lại càng trở nên nguy kịch. Mặc dầu với sự tận tâm chạy chữa của Vinh, hai hôm sau bà cũng đành tắt thở trên tay người em thân mến.



Vinh lặng lẽ đi theo xe tang, tưởng như mình đang tiễn đưa lần thứ hai, người mẹ hiền quý mến. Chàng rầu rầu nhìn cỗ quan tài thăm suy nghĩ : « Có lẽ trời đã bắt ta chỉ được chịu ơn thôi chứ không được trả ơn. Tình thương của mẹ, của chị có một chiều đi mà không có chiều trở lại ».

Bà Phó Liệu chết đi, không kịp đổi dạng cho Vinh biết về hai chục vàng bỏ quên trong lòng đất, năm vàng bà dành dụm cả một đời, không biết để cho ai ?



NHẮC LẠI

CHUYỆN

THÁP CHÀM

★ NGUYỄN TRIỆU

NGOÀI bìa số « Phô-
Thông » 40, quý - vị
độc giả lại thấy một di - tích
của Chiêm Thành là Tháp
Chàm ở Ninh Thuận mà cách
đây 5 tháng, một nhật báo ở thủ
đô đã có chưng hình tháp này ra,
rọi lớn, in màu và giới thiệu cùng
độc giả rằng đó là « tháp Bà ở
« Nhatrang, một cổ tháp của người
« Chiêm Thành. Tháp Bà (Pona-
« gar) xây trên một ngọn đồi đất
« phía Tây Bắc thành phố Nha-
« trang. Ponagar có nghĩa là « Bà
« Chúa một xứ » mà xứ xây dựng
« tháp này gọi là xứ Kanthara xưa
« của nước Chiêm Thành ».

« Tháp Bà (tên chung) gồm 7
« hoặc 8 cái tháp khác nhau xây
« dựng từ thế kỷ thứ IX, hoàn

« thành năm 817, cao 23 thước,
« bằng gạch chông chất sát với
« nhau mà không dùng đến vôi, cát.
« Người Chiêm-thành lấy đất
« sét nặn thành hình viên gạch rồi
« lấy nhựa cây trong rừng gắn cục
« gạch nọ với cục gạch kia, kẻ chặt
« củi thật nhiều ở trong và ngoài
« tháp, sau nói lửa đốt cho đến
« khi nào gạch dính cứng với nhau
« mới thôi... Văn lời trong trương
« báo ấy nói... « Tháp Bà thờ Đức
« Poh-Nagar hay Thiện-y Thánh-
« mẫu. Theo truyền thuyết của dân
« Chiêm-thành thì Pô-Iuo-Nagar
« tục gọi là Bà Đen (Muk-juk) là
« một vị Nữ-thần được dân chúng
« sùng bái nhưt. Ngài do những
« áng mây, trời và bọt nước biển
« mà hóa thân. Trong số 97 phư-

quân của ngài ở trong hậu cung
thì chỉ có một mình Po-Yan-Amo
là có uy quyền và được tôn trọng
hơn hết. Cuộc đa duyên đã cho
ngài 38 mỹ-nữ, về sau đền được
thần hóa như Ngài. Trong số
con gái của Ngài, nay còn có 3
người được dân Chiêm-thành
sùng bái : Po Naga Dara, Parai-
Anaih và Po Bja Tituk (Phan
Thiết).

Nữ-thần Po Iuo Nagar là vị
thần đã tạo lập ra quả Đất, sinh
ra gỗ quý, cây cối và lúa gạo...»

Nhưng nay chúng tôi xin thanh
minh rằng tháp ở ngoài bìa đây
là Tháp « Poklong Garai » ở trên
đỉnh Núi « Đồi-trầu » (Chok Ha-
la) do Vua Chàm là Chế Mân
(Rhudravarman III) xây cất từ
thế kỷ thứ XI mà trong thời
Pháp thuộc, tháp này được
mệnh danh là « Tourcham » ở
kể ga Tháp Chàm thuộc Ninh-
Thuận bây giờ trên con đường
thiết lộ xuyên Việt khoảng Sai-
gon — Nhatrang.

Vì khuôn khổ những trang của
« Phô-Thông » có giới hạn và
phải kéo dài số này qua số khác,
hàng năm cũng không hết giờ
lịch sử Chiêm - Thành nên nay
chúng tôi rút ngắn lại và chỉ

lược thuật trang lịch sử cuối
cùng, trong vùng Phan-lang,
Phan-ly mà nay là tỉnh Ninh-
Thuận trong bản đồ Trung-phần
Việt-Nam là nơi có cây tháp
trên vẫn sừng sững trơ trọi cùng
tuế nguyệt.

Hiện nay còn tới ngoài 200 di
tích Chiêm-thành ở Trung - phần
nước Việt, ta đã thấy rất nhiều
cổ tháp xây cất theo kiến trúc
Khmer hoặc Ấn-Độ mà ta vẫn
gọi chung là « Tháp Chàm », nên
Tháp Chàm ở Ninh-Thuận (Phan
Rang) đã có thể lầm là Tháp-
Bà ở Nha - Trang (Khánh hòa)
hoặc Kauthara và biết đâu lại
không có thể lầm với tháp Cánh
tiên ở Bình - Định (ViJiya) hay
tháp Phố-Hài (PaJai) ở Phan-
thiết.

Ở Ninh-Hòa tức xưa là Phan-
lang (Pandurango) còn có nhiều
tháp nữa là Ba-tháp ở Hà-lai và
còn tháp Po Romé nữa ở Hậu-
Sanh, nhưng ở trong những núi
rừng, cách xa tình lý nên ta
không trông thấy.

Theo Antoine Cabaton chép
trong quyển « Nouvelles recher-
ches sur les Chams » in năm 1901
thì cây tháp ở gần ga Tháp

Chàm Ninh - thuận thờ thần là thái tử Po Kloong Garai, con của Mầu-hoàng Po-sah-Ino, ngài đã sáng chế ra phép dẫn thủy nhập điền và xây đắp những cống và đập, cung cấp cho hàng ngàn mẫu ruộng của dân Chàm có nước mà cây cấy...

Mỗi lần vị thần xuống núi thì thường vắn đội khăn và chân mang giày dăng hoàng. Theo trong một tài liệu khác thì lại nói tháp này thờ Vua Po-Kloong Garai với một thiên thần thoại không khác Po Nagar ở Nha-trang. Tháp Chàm ở Phan Rang đây xây từ thế-kỷ XII gồm có nhiều tháp phụ ở chung quanh có nhiều ngọn tháp phụ đã đổ nát. Tháp chính, ngoài cửa có

khắc bức tượng thần Si-Oa, trên lối đi vào có tượng con bò kỷ-niệm thời chăn bò của nhà Vua. Trong tháp lại còn có pho tượng đá-khắc đầu Vua đặt trên bệ đá và là nơi của dân Chàm lui tới hương khói và cho rằng là một chốn rất linh thiêng. Ngoài ra còn có một pho tượng « Bạch-Tượng » nhưng bị thất lạc đã lâu. Hồi năm canh dần (1950), người Pháp xây « lô cốt » và lập đồn canh trên đồi này, có đào thấy pho tượng « Bạch-tượng » này đem về đồn. Sau những kỳ lão người Chàm viện lẽ rằng thần-tượng Bạch-tượng là vật quý linh thiêng của dân-tộc họ nên tới xin về. Hiện nay còn thờ, tại xóm Phước-Đông trong quận An-phước.



★ GIẤY MỜI

Một hôm, bà T.M. gọi Thi-sĩ N. một giấy mời chỉ có một câu sau đây : « Đêm nay, từ 8 giờ đến 12 giờ, bà T.M. ở nhà một mình » Thi sĩ N. gọi trả tấm danh thiếp với mấy chữ đáp lại : « Đêm nay, từ 8 giờ đến 12 giờ, Thi sĩ N. cũng ở nhà một mình »

THIÊN - ẮN
ở Quảng - Ngãi

★ PHỔ-PHONG

KHÁCH trong Nam ra miền Trung, đi qua tỉnh lỵ Quảng - Ngãi, đến phà Trà-khúc (Trà = theo tiếng Chàm là Jaya) thấy trước mặt mình, phía bên kia bờ sông sau một rừng tre xanh, một hòn núi chơ vơ giữa đồng bằng, giống hình như cái ấn của trời đặt nơi đây. Đó là núi THIÊN-ẮN.

Nó với núi THIÊN - BÚT (giống như ngọn bút) ở phía Nam tỉnh lỵ, là hai hòn núi danh tiếng nhất trong 10 thắng cảnh của tỉnh Quảng-Ngãi 1) Thiên-Ắn 2) Long-đầu, 3) Thiên-bút, 4) Cồ-lúy, 5) Hà-nhai, 6) La Hà-thạch trận 7) Thạch-bích, 8) Vân-phong, 9) Thạch-cơ, 10) Vu-sơn.

Ở bên con đường tỉnh lộ đi xuống cửa Cồ-lúy dọc theo bờ sông

Cuối Thế-kỷ XIV, tỉnh Quảng Nghĩa hãy còn là đất của Chiêm-Thành.

Từ 1402, vua Chàm là BA-ĐÍCH-LAI cứ đem quân ra phá phách dân ta ở biên giới Thuận Hóa, HỒ-QUÝ-LY mới sai Đô Thống ĐỖ-MẤN đem chiến thuyền vào chiếm đất Cổ Lũy và đặt ra hai địa điểm hành chánh : CHÁU-TU, và CHÁU NGHĨA.

Năm 1471, nhà LÊ nhập chung hai châu, lập thành PHŨ TU - NGHĨA, và phân ra ba huyện : Bình-Sơn, Mộ Hoa (nay là Mộ Đức gồm cả Đức-phổ Nghĩa-giang (nay là Nghĩa Hành). Năm 1602, đổi ra Châu HÒA NGHĨA. Năm 1803, đổi thành Doanh QUẢNG-NGHĨA.

Năm 1808, đổi ra Trấn.

Năm 1831, thành tỉnh QUẢNG-NGHĨA.

Trà-khúc; núi THIÊN ẮN cách bên đờ Quán Cơm chừng 5 cây số. Nó không cao nhưng đẹp, và hình thang, bằng phẳng trên ngọn. Tuy không cao, nhưng đứng trên đỉnh, người ta trông thấy biển Nam-Hải ở hướng Đông, dãy núi Trường-sơn ở hướng Tây, núi Bút ở hướng Nam và cánh đồng bát ngát bao la với giòng sông Trà-khúc quanh co nằm giữa như một con rồng uốn lượn và những xe nước ở hai bên bờ như những móng chân rồng.

Một nhà văn Pháp, CHARLES PATRICE tác giả 1 bộ Sử-ký VN về đời hậu Lê, đã đi ngang qua đây và đã chép mấy câu ca ngợi những xe nước ở Quảng-Ngãi: *Aucun spectacle de la province ne renseigne mieux sur l'esprit ingénieux du Paysan d'Annam et ne cause pareille surprise aux yeux curieux du voyageur...* (không có cảnh nào trong tỉnh này chứng tỏ trí óc tài tình của người dân quê Việt-Nam và gây một ngạc nhiên phi thường cho cặp mắt hiếu kỳ của du khách bằng những xe nước hùng vĩ kia...)

Tại nghe văng vẳng tiếng xe nước quay tròn chậm-chậm và

hòa với nhịp-diệu của cây cỏ, vang dội dưới nắng hồng, du khách hồi-hộp bước các bậc đá trèo lên sườn núi, đến công chùa ở ngay trên đỉnh. Vừa gặp một vị Sư từ trong sân chùa đi ra, khách chấp tay vái. Té ra Sư với khách đã biết nhau từ hồi nào!

Sư cười, ứng khẩu hai câu thơ:

Bao nhiêu cuộc đời thay,

Duyên tri-ngộ còn đây!

Khách vui mừng ứng đáp liền:

Khách vẫn trôi theo gió,

Sư vẫn ngồi trong mây!

Sư nắm tay khách ngồi dưới bóng cây, trao đổi tâm-sự một buổi chiều rồi Sư mời khách vào chùa.

Ngồi dưới gốc cây tiêu, bên miệng giếng, khách hỏi về lịch-sử:

— Ai là người đầu tiên lập ra chùa này, thưa Thầy?

— Hòa-Thượng PHÁP-HÓA là Sư-Tổ nhà chùa. Ngài đến lúc núi Thiên-Ắn chưa có bóng người, cây cỏ còn hoang-vu, nước-non vắng vẻ.

— Từ hồi nào?

— Dưới triều Hậu Lê, gần 300 năm nay. Ngài là người xứ Huế, học Đạo ở Huế rồi đi lần vào đây, tìm nơi thiên định. Đến đây Ngài không đem theo gì cả, chỉ mười quyền kinh. Ngài ngồi bên

tàng đá, lấy đá làm bàn thờ, đêm ngày niệm Phật, tự tay ngài trồng khoai lang để nuôi thân, và chính Ngài đã đào ra cái giếng này để có nước uống. Ba chục năm sau, Hòa-Thượng Pháp - Hóa mới cùng một ít đệ tử thập phương lập ra ngôi chùa lợp bằng tranh, vách đất, nhưng không có tượng Phật. Ngài thân hành ra Huế thỉnh một pho tượng đấng Chí-Tôn đem về.

Sau Ngài mới xin vị Quan trấn nhậm doanh Quảng-Nghĩa tâu về Triều vua xin ấn tứ. Đời nhà Lê năm Vĩnh-Thanh thứ 20 vua Lê phong sắc tứ "Thiên Ắn tự".

Hòa-Thượng Pháp Hóa tịch rồi thì kế tiếp đó bảy đời Sư-Tổ: Hòa-Thượng Khánh-vân, Hòa-Thượng Bảo-ấn, Hòa-Thượng Giác-Tánh, Hòa-Thượng Hoảng-Phúc, Hòa-Thượng Hoảng-Chương, Hòa-Thượng Diệu-Quang.

Tục-truyền rằng dưới thời Hòa-Thượng Khánh-vân có

một mùa hè oi-ả, giếng này bỗng cạn nước. Hòa-Thượng tụng kinh niệm Phật, đến khi ngũ Phật báo mộng truyền cho Hòa-Thượng đào thêm dưới đáy giếng một sải nữa xuyên về hướng Nam. Sáng dậy, Hòa-thượng cho các đệ tử biết, ai nấy xúm nhau đào về hướng Nam thì quả nhiên gặp mạch nước lớn. Nước chảy thật nhiều đầy đến nửa giếng, và trong veo, uống rất ngọt.

Trời hừng đông, khách từ giả ra đi. Vị Sư nắm tay, ngẫu nhiên ứng hai câu tiễn biệt:

*Nam Bắc tình muôn dặm,
Nước-Non hội một ngày!*

Khách đáp lễ, tạ ơn:
*Tấc lòng phiêu-linh tử
Xin nguyện với cỏ cây!*



Phút chia tay, nay đã trên hai chục năm qua, chẳng biết Hòa-Thượng chùa Thiên-Ắn nay vẫn còn hay mất?



● DANH NGÔN

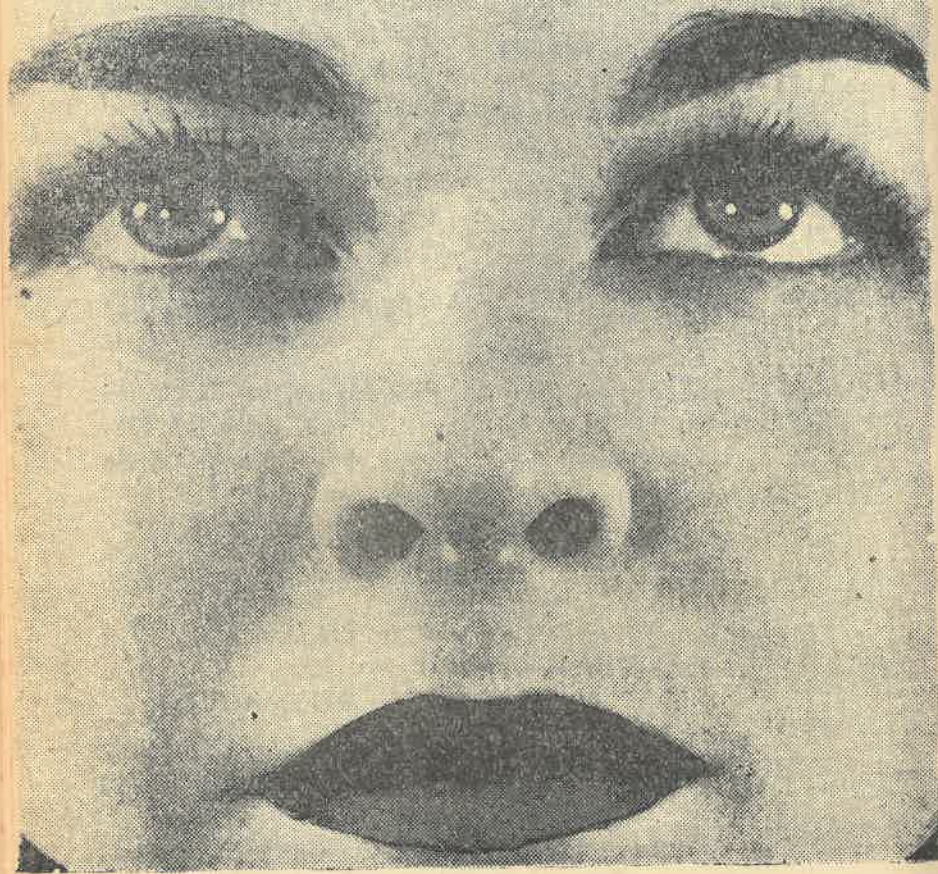
Những tư-tưởng cao siêu đều phát tự nơi lòng.

(Les grandes pensées viennent du cœur.)

VAUVENARGUES (Văn sĩ Pháp)

Những người dân bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ



6.- ĐÁT-KỶ

VỢ VUA TRỤ

★ TÂN - PHONG

TH Ế-kỷ XII TRƯỚC
J.C. vào khoảng những
năm 1166 đến 1184,
nghĩa là cách đây trên
3090 năm, dưới đời nhà
THƯƠNG bên Tàu, có THỌ-
TÂN Hoàng-
đế (1) là nhà
Vua cuối cùng
của nhà
Thương, trong
Sử thường
gọi là Vua

TRỤ. Ông là người rất thông
minh, lại có tài hùng biện. Các
quan Triều-thần tâu sơ qua một
việc gì là ông hiểu thấu triệt
vấn-đề, và hành-động rất mau
lẹ. Ông làm điều chi quấy, có
ai can-gián, ông lấy lý-lẽ để bào

chữa rất trôi chảy, thuyết phục
được mọi người và ai cũng cho
ông là có lý. Nhà vua lại có sức
mạnh phi-thường. Sử xưa chép
rằng tay ông vật ngã một
lần 9 con trâu, bùng nổ cột nhà

làm gãy cả xà-
trính. Sức
mạnh của vua
Trụ không kém
gì Hạng-Võ, và
không thua gì
Hercule trong
thần-thoại Hy-

**Tay không, vua vật ngã
một lần 9 con
trâu...**

Lạp. Nước Tàu lúc bấy giờ đã
văn-minh và phồn-thịnh, cho
nên những ông Vua cuối cùng
của Triều-đại nhà Thương, như

(1) Người Trung.- Hoa đọc là
CHEOU-SIN.

Vô.Ất, Thái Đình, Đễ Ất, ở La Mã. Thọ Tần, đều ăn chơi xa xỉ, Và, cũng như Néron, Vua yễn tiệc linh đình, và xa hoa Trụ đã mất nước và bị giết chết đâm dăng. Vua Trụ lại rất là rất thảm hại, chỉ vì một người đàn bà !

MUỐN tặng-công với vua Trụ, một tiểu trượng họ Tô đem đưa con gái út tên

là ĐÁT - KỶ

dâng cho

Hoàng-đế.

Đất Kỷ

có một

nhân sắc

lộng lẫy, sắc

sảo, ăn đứt tất cả các phi tần cung nữ mà vua Trụ đã sai người đi tìm kiếm khắp nước đem về nuôi trong cung điện để thỏa thích dục tình.

Từ ngày có Đất Kỷ, nhà Vua chê ghét hết các cung tần, bỏ bê cả việc nước, ngày đêm chỉ say mê bên cạnh Đất Kỷ mà thôi. Nàng khéo chịu Vua, khéo tăng bốc nịnh bợ, khéo môn trốn vuốt ve, với đôi bàn tay ngọc, với một nụ cười, đôi khéo mắt, làm cho Trụ-vương như ngày như đại, cả uy quyền bạo ngược của Chúa

tể đều để cho một tay nàng sai khiến.

Miệt mài trong cuộc truy-hoan, đâm say tữu sắc, vua Trụ bằng lòng tất

cả những gì Đất - Kỷ

muốn,

tán thành.

tất cả những gì Đất - Kỷ

Cô gái nhà họ Tô làm sếp cả một Triều đại Trung-quốc

làm, và Đất - kỷ có bàn định việc chi, nhà vua cũng gật đầu cười : « Phải ! Phải ! ». Nàng tâu xin với Vua bổ-nhậm hai người anh của nàng, là Tô-Địch và Tô-Thành làm chức quan Đại-trào để thao-túng mọi việc chính-trị trong nước. Vua Trụ gật đầu : « Được ! Được ! » và lấy bút phê cho Tô-Địch làm Tể-Tướng và Tô-Thành làm Đại-Tướng Công. Tô Địch là một tay tàn bạo khét tiếng, dựa uy-thế của em gái và của Vua mà làm biết bao nhiêu chuyện hà-lạm trong nước và

khắc khổ nhân dân. Người ta đã đặt cho y biệt hiệu là Ác-Lai.

Đất-Kỷ thấy Vua Trụ thích chuyện dâm dục, bèn truyền lệnh cho nhạc sư tên là Quyên đặt ra một bản *Nhạc Dâm Ô*. Theo sử Tàu thì bản nhạc này trởi lên là khiến cho ai nghe cũng phải nẩy lòng dâm dật. Chắc chắn đó là một bản nhạc "dục gân" lắm, — theo như ta nói ngày nay, — và có lẽ còn hơn vũ khúc Rock-n'-Roll nữa ! Đất-Kỷ chưa bằng lòng, muốn thấy một điệu múa làm cho xúc động cả tâm thần vua Trụ, liền bày ra vũ-khúc *Bắc-Lý*.

Nghe lời Đất.kỷ, vua Trụ cho xây *Lộc-Đài* rộng ba dặm. cao một ngàn thước, bắt dân đóng thuế thật nặng, để bỏ tiền vào đấy cho đầy kho. Lại cất kho *Cự-Kiền* rất lớn để chứa đầy thóc lúa.

Vua lập ra *Khuyển-đài* ở chốn Sa - Khưu để nuôi hàng trăm nghìn chó, ngựa, cạp, beo, khí, để cho Đất Kỷ săn bắn, dựng Hý-trường để nhân dân ca hát cho Đất Kỷ nghe. Nàng bắt đào một cái ao rộng 25 dặm để chứa rượu, rồi mỗi lần bảo 300 người

chu mô hụp xuống ao uống như trâu ngựa để nâng xem, vì nâng thích thế. Nàng bắt trai gái cỡi trường chạy đua suốt đêm trong vườn Thượng-Uyển trong lúc nhạc-công thổi nhạc dâm-ô, và Vua Trụ và Đất Kỷ ngồi trên lầu uống rượu, nhìn xuống cười cho thỏa thích.

Kẻ phạm tội bất tuân lệnh của nàng, thì bị trói tay, dẫn đến trước mặt đông đủ bá quan.Vua Trụ nghe theo lời Đất Kỷ, sai lính chặt một đồng củi to lớn, đốt cho cháy đỏ phừng, bắc ngang trên lửa một cây cầu bằng đồng bôi mỡ, rồi khiến tội nhân phải leo lên đi trên cầu. Bị cháy nóng và mỡ trơn, tội nhân phồng chân té nhào xuống lửa, thì Đất Kỷ khoái chí cười ngất. Vua Trụ cũng cười sặc sụa, khiến các quan triều thần ai cũng phải cười, để được lòng Vua và Hoàng-hậu.

Theo như Sử Tàu chép lại, thì vua Trụ nghe lời nàng Đất-Kỷ ham giết người cho đến đôi say máu và ăn cả thịt người nữa. Chứng có là một vị chư-hầu, tên là Cừu đem con gái đẹp đến dâng cho vua Trụ, nhưng bị Đất-Kỷ ghen, bảo vua Trụ

giết đi, và giết cả Cửu-hầu, lấy thịt làm mắm. Ngạc-hầu đem lời can-gián, vua Trụ bắt giết luôn Ngạc-hầu, lấy thịt làm nem.

Cổ-công - Đán (tức là Chu-Văn-Vương) là bậc hiền-triết, có đạo đức, từ-tâm, làm chức Tây-Bá bị vua Trụ bắt bỏ tù ở Dữu-Lý. Người con trai trưởng của Văn-Vương là Bá-Ấp Khảo đến thăm cha, bị vua Trụ giết, làm thịt nấu canh, và đem canh đãi Văn-Vương. Văn-Vương không biết, cứ ăn. Vua Trụ liền nói : « Ta nghe Tây Bá là bậc Thánh-nhân mà nay ăn thịt của con thì đâu phải là thánh nhân cả ! » Đất-Kỷ thích chí, cười rầm lên.

Chính sách và hành-động của Vua Trụ và của nàng Đất-Kỷ khiến cho những người can-trực trong Triều-đình phần-uất, và dân-chúng muốn nổi loạn. Hai phần ba thiên hạ theo nhà Chu. Ba vị đại thần là Vi-Tử, Cơ-Tử, và Tỷ-Can liền khuyên-răn Vua, nhưng vua không nghe. Tỷ-Can là chú ruột của Vua, rất oán ghét Đất-Kỷ. Đất-Kỷ quyết trả thù cho hã giận. Một hôm, Đất-Kỷ bị bệnh đau bụng (nàng có chứng bệnh đau bụng kinh-niên). Nàng nói với vua Trụ :

— Thầy Thuốc bảo rằng bệnh của thiếp chỉ có lấy trái

tim của Tỷ Can sắc với thuốc uống là khỏi hẳn, vì Tỷ Can là bậc thánh nhân, mà trái tim của thánh nhân có bảy lỗ, khác với người phàm.»

Vua Trụ nghe theo lời của Đất-Kỷ, truyền đòi Tỷ Can đến để mổ bụng lấy trái tim làm thuốc cho nàng uống.

Truyền-ký huyền-hoặc lại kể thêm rằng trước khi Tỷ Can ra đi, Thầy của Tỷ Can có tu phép Tiên cho Tỷ Can một lá bùa và dặn Tỷ Can : chừng nào họ mổ lấy trái tim xong, Tỷ Can đắp cái bùa lên chỗ mổ, và lúc ra về ai hỏi gì cũng đừng nói, thì khỏi chết. Tỷ Can đến, Đất-Kỷ truyền lệnh mổ bụng lấy trái tim xong rồi, ông đắp lá bùa lên vết mổ và thân nhiên ra về. Giữa đường, Tỷ Can gặp một cô gái bụng thủng rau muống (Theo truyền ký thì Đất-Kỷ vốn là loài Hồ-ly-tinh hóa ra người con gái ấy), chặn đường Tỷ Can, hỏi : « Ông có mua rau vô tâm không ? » Cọng rau muống không có ruột, nên gọi là « Rau vô tâm », và có ý ngạo Tỷ Can đã bị mổ tim rồi, trong ruột trống rỗng như cọng rau muống. Tỷ Can làm thình, nhất định không nói một lời, theo

lời dặn của Thầy. Nhưng cô gái bán rau muống cứ đi theo hỏi mãi, Tỷ-Can tức giận không thể làm thình được nữa, mắng một câu thì tự nhiên ông ngã gục xuống chết liền.

Chính sách tàn-bạo và khốc-liệt của vua Trụ vì nghe theo Đất-Kỷ, đã gây ra oán-hận khắp dân gian. Giặc dậy nơi nơi, các nước chư-hầu đua nhau khởi nghĩa. Con trai của Văn-Vương, là Cơ-Phát, làm chức Tây-Bá, (sau lên ngôi là Chu Võ-Vương), hội 100 nước chư-hầu tại bến Mạnh-tân, tuyên bố tội-trạng của vua Trụ và Đất-Kỷ, cử Lã-Vọng làm nguyên soái, kéo quân đi chinh phạt kẻ hôn quân. Hai ông Bá-Di Thúc-Tề gò cương ngựa lại can, Võ-Vương không nghe, và quyết tiến binh.

Vua Trụ thua, chạy vào Lộc-đài, rồi bận áo đeo dây những ngọc ngà châu báu, nhảy vào

lửa chết. Võ-Vương chiến thắng cầm cây Đại-Bạch-Kỳ, vào thành thẳng tới chỗ vua Trụ chết, chỉ còn cái xác cháy. Ngài lấy gương vàng chém đầu Trụ, treo lên chót cây cờ trắng, và giết luôn Đất-Kỷ.

Thế là Triều-đại nhà Thương bền được 661 năm, đến đời vua Trụ, chỉ vì say mê một con ác-phụ, mà bị sụp đổ thảm-hại trong máu và trong lửa.

Đến nay đã trên 3.000 năm, cái tên gớm-guốc của Đất-Kỷ trong lịch sử Trung-Hoa vẫn còn người ta nhắc tới, cũng như Poppée, cũng như Agrippine, của thời Néron ở La-Mã (1) để làm gương cho những người đàn bà hậu thế.

(1) Phê-Thông số 36-37-38-39

KỶ SAU : DƯƠNG-QUÝ PHI.



Danh ngôn : Con nít và người lớn

Khi trước kia người ta chưa phát là con nít thì bây giờ người ta chưa thành ra người lớn.

(Quand on n'a pas été un enfant, on ne devient pas un homme)

Vua cười CHARLIE CHAPLIN
(Hề Charlot)

Minh Ơi!

HÔN NHÂN

XÉT VỀ LỊCH SỬ

và

TRIẾT-LÝ

★ ĐIỀU-HUYỀN

MINH Ơi!
— Ơi.
— Tại sao hỏi đó Minh
lấy em làm vợ?
— Tại hỏi đó anh thấy tên
em với tên anh dính chùm với
nhau trong quyền sách của Ông

Tơ, cho nên anh lấy em, chứ sao!
Ba Tú cười ngất, rồi hỏi:
— Ông Tơ là Ông nào, há
Minh? Tại sao lại có tên em với
tên Minh dính với nhau trong
quyền sách của ông?
— Đề anh kể chuyện điển tích

MÌNH ƠI!

của Tàu cho Minh nghe, rồi tự
khắc Minh hiểu. Trong Thần-
thoại Tàu có chàng thanh niên
tên là VI CỐ. Một đêm sáng
trăng về mùa Thu, chàng đi dạo
mát, gặp một ông già râu tóc bạc
phơ đẹp lắm, tay cầm một quyển
sách và có một túi đựng toàn chỉ
dỏ. Chàng Vi-Cố chào hỏi:
« Ông Cụ ngồi làm chi đây? »
Ông già đáp: « Ta là Nguyệt-
Lão, biệt hiệu là Ông Tơ, quyển
sổ này là biên chép duyên nợ của
người đời, còn chỉ tơ hồng này
là để buộc hai người nên chồng
nên vợ. Vi-Cố, rất đời
tò mò, hỏi tiếp. « Thưa Cụ
Nguyệt-Lão, duyên nợ của cháu
có ghi chép trong quyển sổ này
không? » — « Có, chứ sao
không! » Ông Nguyệt-Lão liền
dở sổ ra xem, rồi bảo: « Sổ cháu
sau này lấy đứa con gái ăn mày
hiện đương ngồi xin ăn ngoài
chợ. » Chàng thanh niên Vi-Cố
vừa ngạc nhiên vừa tức giận, hỏi
lại: « Thật không, Cụ? » —
« Rồi cháu xem! » Vi-Cố tức
mình chạy một mạch ra chợ, quả
nhiên thấy đứa con gái rách rưới
đang ngồi xin ăn. Chàng rút con
dao chém đứa thiếu nữ rồi bỏ
chạy trốn đi xứ khác, tưởng thế
là thoát được duyên nợ. Sau chàng

thi đậu, cưới con gái ông Quan-
lớn ở địa phương. Đêm tân hôn,
chàng kể lại chuyện cũ cho vợ
nghe, cô vợ cười ngất. Té ra
chính nàng là đứa con gái ăn mày
thuở trước.

— Ủa, sao lạ vậy?

— Có gì lạ đâu. Cha nàng hỏi
đó còn là anh chàng học trò
nghèo, đi ra Kinh - đô để thi,
nàng ở nhà bị loạn lạc, phải
giả làm con gái ăn xin. Sau cha
nàng thi đỗ làm quan, về tìm lại
được nàng. Còn lúc Vi-Cố chém
nàng, chỉ sút miếng thịt, nay còn
thọ, chứ không chết.

— À, thế ra vợ chồng là
duyên nợ nhỉ! Hèn chi, em với
Minh ở mỗi đứa một nơi, xa-lạc
xa-lơ, rồi bỗng dưng nay em là
vợ của Minh! Ha-há! Thích thú
quá, Minh nhỉ!

— Dù em ở xa anh đến đâu
đi nữa, dù em có trốn anh ở nơi
chân trời mặt biển nào, rồi sợi
dây tơ hồng cũng níu em lại, buộc
vào với anh.

— Sao lại dây tơ hồng, há
Minh? Sao không phải là dây
tơ xanh, tơ vàng, tơ tím?

Đó cũng do một điển-tích của
Tàu. Hồi xưa, có ông Trương-
gia-Trình có năm cô con gái,

mà ông muốn gả một cho chàng Đặng-Nguyên-Chấn, để tùy chàng lựa chọn. Cô nào cũng yêu-kiều diễm-lệ, cô nào cũng duyên dáng huyền mờ, chàng Đặng phân vân muốn lấy cả 5 cô ! Nhưng đâu có được. Khốn nỗi, 5 cô, cô nào cũng muốn lấy chàng. Ông bố vợ phải bảo 5 cô đứng nấp phía sau một bức màn và mỗi người cầm một đầu mỗi giây tơ, mỗi giây mỗi màu : xanh, đỏ, tím, vàng, lục. Còn Đặng - Nguyên-Chấn thì đứng ở ngoài, hễ năm được mối tơ của ai thì cưới người đó. Cu cậu tốt phúc vợ được sợi tơ đỏ, trúng ngay cô Ba, đẹp hơn hết.

— Mình ơi, vậy thì hỏi xưa vợ chồng lấy nhau, phải rút dây tơ hồng, hay là phải rũ nhau đi coi tên trong sò ông Nguyệt-Lão phải không hả Mình ?

— Không. Đó là diên tích, theo thần thoại để lại.

— Chớ loài người hỏi xưa làm sao lấy nhau thành vợ thành chồng ?

— Theo Lịch-sử Trung-Hoa thì vua PHỤC-HI (4480—4365 trước J. C. nghĩa là cách nay trên 6.000 năm), là người đầu tiên đặt ra phép cưới vợ. Trước đó, loài người còn ăn lông ở lỗ, lấy bậy lấy bạ, chưa biết vợ

chồng, cha mẹ, anh em, con cái là gì cả.

— Còn ở Việt Nam ?

— Ở Việt Nam, từ đời Hồng Bàng cho đến đời nhà Triệu, tuy rằng vợ chồng lấy nhau đã có đôi chút trật tự, nhưng qua Bắc thuộc thời đại, có thái-thứ NHÂM-DIÊN đến (Thế-kỷ thứ I sau J.C.) mới lập ra chế độ giá thú theo nghi lễ Trung-hoa.

— Còn ở Âu Tây ?

— Ta cứ nhận xét theo Thánh Kinh của Gia-tô-giáo thì cặp vợ chồng đầu tiên Chúa Trời sinh ra trên Trái Đất, là ông ADAM và bà EVA, không có cưới hỏi gì ráo ! Đôi tình nhân khỏa thân này thoạt tiên trông thấy nhau thì bẽn lẽn, hái lá nho che đậy chỗ này chỗ nọ, rồi chàng hái trái nho cho nàng ăn, thế là hai người yêu nhau rồi thành vợ thành chồng.

Mãi về sau, lâu lắm, mới có chế độ hôn nhân, nhưng vẫn được tự do. Vì thế, vua SALOMON có đến 700 bà vợ chánh thức, và 300 bà vợ lẽ. Sau này, luật La Mã mới bắt buộc lấy một vợ chánh thức (*Justae nuptiae*). Chế độ và quan niệm hôn nhân thời bấy giờ có khác hơn ngày nay. Nhưng trong Kinh *Genèse*, và

Kinh *Deutéronome*, nói rằng nếu người Hébreu chết mà không có con nối dòng, thì anh, hoặc em, của người ấy bắt buộc phải lấy chị dâu, hoặc em dâu. Chính vì thế mà chàng ONAN nhất định không chịu lấy người chị dâu góa chồng, liền bị Chúa Trời đánh chết (Kinh *Genèse*, chương XXXVIII). Tục lệ này hiện nay các đồng bào thiểu số ở Sơn-cước Việt Nam (Radhés, Djarais, Sedangs, v. v. . .) hãy còn. Theo Thánh-Kinh, lấy chồng lấy vợ là một sự bắt buộc, chính Thánh SAINT PAUL cũng dạy bảo các người quả phụ phải tái giá :

Remedium amoris, (trong kinh *Epître aux Corinthiens*). Dĩ nhiên là đàn ông, con trai, cũng như đàn bà, con gái, không ai được ở độc thân cả. Nhà triết-học Hy Lạp ATHÉNAGORAS (Thế kỷ II) cho rằng người đàn bà tái giá cũng như người đàn ông tục huyền, là « ngoại tình lương-thiện » !

Tuy nhiên, cũng có nhiều giống người rất phản đối chế độ hôn-nhân, nhất là hôn nhân bắt buộc. Trong thần sử Hy-Lạp, 50 cô con gái của vua DANAOS bắt buộc phải lấy 50 người anh họ,

con trai của vua EGYPTOS, thì ngay đêm tân hôn 49 tân giai nhân cùng nhau đâm chết một lượt 49 anh tân lang. Chỉ trừ có nàng HYPERMNESTRE tha cho chàng LYNCÉE mà thôi.

Nhiều người cho rằng cái gương của Adam và Eva chứng tỏ người đàn bà rất nguy hiểm, nghe lời con Rắn-độc Satan mà phản bội chồng, bắt chồng ăn trái pomme để bị Chúa hành phạt đuổi ra khỏi thiên đường, cho nên họ chủ trương xa lánh đàn bà : như những giống người ENCRATITES, EUSTATIENS, (xứ Arménie), SATURNIENS, JOSÉPINS, ABÉLIENS, POPELICAINS, v. v. . . Họ có câu danh-ngôn bất hủ : « Sống chung với đàn bà, là một hình phạt tuyệt-đối » (*Vita communis suprema penitentia*) !

Trong Văn-học Pháp, có hai ông Thi-sĩ danh tiếng nhất thời Phục-Hưng, rất ghét hôn nhân, cũng theo nguyên tắc trên. Nhà thơ CLÉMENT MAROT ngao chú Jean - Jean có vợ trong câu thơ sau đây :

C'est que, tout seul, ta femme tu n'as pas-

(Tại vì, một mình mầy, mầy không có vợ mầy nữa), nghĩa là một mình mầy thì mầy tự do hơn. Thi sĩ RONSARD cũng ghét việc lấy vợ. Con gái mà sợ lấy chồng, thì có Hoàng-hậu Navarre, JEANNE D'ALBRET, mẹ của vua HENRI IV (1553-1610), lúc còn con gái nhút nhát không dám ngó mặt người đàn ông. Hôm đám cưới của nàng, ông bố phải lấy dây cột trói nàng lại, rồi khiêng nàng vô Nhà-thờ bắt làm lễ với Bá-tước Vendôme. Nàng sợ quá, dẫy dựa là hét om sòm, kêu trời kêu đất. Nhưng vào trong Nhà-thờ nàng mắc cỡ không dám la khóc nữa, và đành chịu lấy chồng vậy. Sau nàng đẻ một đồng Hoàng-tử và Công-chúa.

— Ha ha, tức cười quá ! Còn ở các nước khác việc hôn nhân như thế nào, hả Minh ?

— Ở Hy Lạp thuở xưa, theo nhà Sử-ký HÉRODOTE (488-425 trước J.C.) thì con gái trước đem tân hôn phải tới Đền VÉNUS-ANAITIS, hy sinh trình tiết của mình cho vị Giáo-sĩ chủ lễ Hôn-phối. Tục lệ ấy về sau được bãi bỏ. Nhưng sự hôn nhân vẫn được tự do, không có qui chế nghiêm khắc. JUPITER cưới

một lượt đến 7 người vợ, đã nêu gương đa thê cho cả vùng ảnh hưởng văn minh của Hy-lạp và Ai-Cập, Cận-Đông. ALEXANDRE Đại-đế, (356-323 trước J.C.) một vị anh hùng lừng danh của Macédoine (Hy Lạp) và là học trò của nhà Đại-Hiện-triết ARISTOTE, cưới luôn trong một đêm hai người vợ : STATIRA (con gái lớn của Vua Ba Tư Darius, 22 tuổi) và PARYSATIS, (con gái út của Vua Artaxercès III, 13 tuổi). Cùng đêm đó, ông truyền lệnh cho 90 vị tướng sĩ của ông làm lễ thành hôn với 180 cô nữ tù binh Ba Tư, mỗi người hai cô. Vua Ai-Cập AMENOPHIS III cưới Công chúa GULU-KIPA, con gái của Vua Mitani. Hôm rước dâu, ông bố vợ cho 318 nàng trinh nữ đi theo, để làm quà thêm cho chàng rể ! Nhưng tất cả các nhân vật lịch sử ấy đều thua vị thần KRISHNA ở xứ Ấn-độ của ông Nehru : Vị thần này chiếm giải quán quân trong việc cưới vợ : Ông có những 16.000 (mười sáu ngàn) bà vợ.

Trong quyển *Kâmá Sútra* (*Kinh Ái-tinh*) của nhà Triết-học Ấn-Độ VASYAYANA (Thế

kỷ I) có đoạn nói : « Khi người chồng chết, người vợ góa đứng bên quan tài, liếc trộm những người bạn trai của chồng đến phúng viếng, để lựa chọn sẵn một người chồng mới ».

Thi sĩ la-tinh, OVIDE (43 trước J. C. — 18 sau J. C.), cũng nói : « Thường thường người quả phụ kiếm được chồng mới trong đám tang của chồng cũ ». Nghĩa là từ Á sang Âu, từ Ấn độ sang La Mã, hầu hết những người đàn bà góa chồng (trừ các bà Cụ, không kể) đều mong muốn mau mau có cuộc hôn nhân thứ hai. Người đàn ông thì vợ chưa chết đã đòi cưới vợ khác nữa rồi, điều đó khỏi nói. Nhiều khi, có những đám cưới không ngờ, khiến ai cũng ngạc nhiên. Như vụ chàng BOURRIENNE, trước khi làm thư ký cho Napoléon Ier. Cách mạng Pháp đầy chàng qua Đức, chàng sống một cách cơ khổ, phải đi dạy học tư kiếm tiền. Được vào dạy cô con gái một ông Trạng-sư ở Leipzig. Cụ chàng đã phải dạy chứ chàng không ưa cô này vì cô đã lớn tuổi, lại xấu xí quá : mặt mũi vô duyên, lại chột mắt, mà ngu-dần. Một hôm cô học-

sinh không thuộc bài, Bourrienne tức mình đánh cô một tát tai. Cô học trò khóc thét lên, la lối om sòm. Cha mẹ cô vội vàng chạy tới. Thầy giáo Bourrienne xin lỗi. Không được ! Cha mẹ cô buộc chàng phải cưới cô làm vợ, để đền lại cái bạt tai. Bourrienne suy nghĩ : đang lúc nghèo khổ, ối thôi, lấy đại ! Nhưng được cái tính chàng ta hiền từ và nhịn-nhục, cô vợ lại hết sức chịu đựng, cặp vợ chồng bất ngờ ấy cũng tìm được hạnh phúc. Sau về Pháp, chàng được làm bí thư cho Hoàng-đế Napoléon Ier. Phải chàng ông Nguyệt Lão đã cột sẵn giây tơ-hồng cho hai người tưởng không tâm đầu ý hợp té ra vẫn phận đẹp duyên ư !

— Nhiều chuyện hôn nhân tức cười quá nhi ! Minh kể luôn những đám cưới có ảnh hưởng trong Lịch-sử Nước ta và các nước, cho em nghe đi.

— Nhiều lắm. Nhiều đám cưới danh tiếng, có ảnh hưởng rất lớn, có thể thay đổi cả cục diện chính trị, có hậu quả hoặc tốt, hoặc tai hại cho Lịch-sử Á-đông, và Âu-Tây, từ xưa đến nay. Nhưng xin hẹn với em hôm khác.

— Minh nhớ nhé. Quên, thì em bắt đền đấy. Minh à, sao em thấy nhiều đám cưới phải làm tại Nhà Thờ, như đám cưới công chúa Margaret chẳng hạn ?

— Chỉ có những người theo Đạo Gia-tô mới làm phép cưới tại nhà Thờ Chúa. Nhưng có nhiều nước cũng theo đạo Gia-tô mà không cần làm phép cưới theo tôn giáo, họ chỉ nhìn nhận những phép cưới trước Pháp-luật là có giá trị mà thôi, như ở Đức, Thụy-sĩ, Portugal, Hòa-lan các nước Cộng-Hòa Nam-Mỹ. Ở nước Anh và các nước Bắc-Mỹ, như Huê-Kỳ, Canada, Me-xique, cũng không bắt buộc phải làm phép cưới ở Nhà Thờ. Riêng đám cưới của Margaret là theo thủ tục của nhà Vua. Em nên biết rằng Nhà Thờ Anh-Cát-Lợi (Eglise Anglicane) không có từng phục Tọa Thánh Vatican, về phương diện Pháp-chế.

— Sao vậy ?

— Từ khi Giáo-Hoàng CLÉ-MENT VII không cho phép Vua Anh HENRI VIII ly dị với CATHERINE D'ARAGON (1535). Henri VIII và Quốc-Hội Anh đồng thanh tuyên bố tách khỏi ảnh-hưởng của Tòa Thánh Vitacan, và sau đó Vua Anh ly-dị với Catherine d'Aragon để cưới ANNE BOLEYN. Hiện nay Anh Hoàng vẫn là Giáo-chủ của Nhà Thờ Anh, không chịu từng phục dưới uy-quyền của vị Giáo-chủ La Mã.

— Hiện nay còn nước nào công

nhận làm phép cưới tại nhà Thờ ?

— Nước Espagne, Ý, Thụy-điền, Na-Uy, Đan-Mạch, Hy-Lạp.

— Còn Pháp ?

— Ở Pháp, không bắt buộc. Ở Scotland (Bắc Anh) và nhiều nước của Liên-bang Huê-Kỳ, dù là người có theo đạo Gia-tô, họ cũng hoàn toàn tự do, không cần có Linh-mục làm phép cưới cho họ. Ở các nước theo Hồi-giáo (Bắc Phi, Cận-đông, Trung-đông, Ba Tư, Nam-dương, Hồi-quốc, v.v...) chỉ làm lễ cưới dân sự (civil) Vị Giáo-sĩ chỉ chứng kiến mà thôi. Ở các nước theo Phật-giáo thì đám cưới hoàn toàn không liên hệ đến nhà Chùa.

— Minh ơi, tại sao phải làm lễ cưới hỏi chỉ cho lời thôi vậy ? Hai người đã đến tuổi trưởng thành, yêu nhau thì cứ việc ở với nhau không được sao ? Như hai đứa mình, có cưới hỏi gì đâu mà gia đình tụi mình vẫn "êm ru bà rù", có sao đâu nè ?

— Tại tụi mình có Ông Nguyệt-Lão cột giây tơ hồng rồi. « Có sợi xích thừng,

Một giây một buộc ai dặng cho ra » ! Còn thiên hạ, họ không tin ông Tơ Bà Nguyệt, họ làm lễ cưới để họ tự cột vào nhau với luật gia đình, mặc họ !

Hai đứa Minh lấy nhau vì duyên vì nợ, thế mà chắc chắn hơn cả. Minh nhỉ !

— All right !

DIỆU HUYỀN

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 41)

TRỞ về phòng riêng, lòng tôi cứ rối như mớ tơ vò. Lúc đó đã khuya, ánh trăng chiếu qua cửa sổ, rọi thẳng vào giường nằm của tôi. Tôi ôn lại những việc điếm-mỹ đã xảy ra tại cái lữ quán ở thôn xóm hẻo lánh bên hồ. Tôi nhận ra, tôi đã đem tất cả tâm linh, để phụng hiến cho tình yêu. Tôi đã tham luyến cái gì đẹp đẽ nhất trên trần thế. Rồi, tôi nghĩ lan-man tới Bạch

Tần. Tôi hạ quyết tâm, cùng với Hải Lan, đem cả tinh thần và lòng thành khẩn ra, để hoàn tất việc trị-liệu cho Bạch Tần. Nàng phải khỏi hẳn, và trở lại, kiện-khang và khỏe-diem.

Trong khi tôi đương hồ-tư, loạn tưởng, thì bỗng, có tiếng gõ cửa. Tôi giật mình, hỏi :

— Ai đó ?

— Thừa tiên sinh, có điện thoại gọi tiên sinh.

— Dạ, ở y viện Thánh-tâm... họ nói có việc khẩn cấp!

Tôi choàng dậy, vớ lấy cái áo, vừa mặc vào, vừa mở cửa và hỏi thêm:

— Có phải cô Hải Lan gọi không?

— Thưa, nghe nói tiểu thư Bạch-Tần ạ.

Tôi không hiểu tại sao, khi nhắc cái ống nói lên, tay tôi run run. Tôi vội hỏi:

— Tiểu-thư Bạch-Tần đây. Phải không kia ạ?

— Phải.

— Có việc gì, mà giờ khuya. Khoác này, tiểu thư phải gọi đây nói?

— Có việc cần lắm, anh phải lại ngay tức khắc!

Giọng nói của nàng có một vẻ vừa dị-thường vừa kiên-quyết nó làm cho tôi vô cùng bồn-chồn, lo nghĩ. Tôi hỏi:

— Xin tiểu thư nói qua cho tôi biết, việc gì, kia ạ?

— Anh lại đây ngay sẽ rõ... mau mau lên!

Tôi vừa muốn hỏi lại thì tôi đã nghe thấy tiếng khoác của ống nói. Tôi đành phải đặt ống nói lên máy và tự nghĩ, chẳng còn

hiểu ra sao nữa. Nếu Hải-Lan gọi tôi, thì lý ưng là Bạch-Tần đã dở dối ra một trò gì đây, nhưng... Tôi đánh xe, tức tốc đến y-viện Thánh-Tâm, lòng nao-nao, óc rối loạn bởi biết bao câu hỏi. Hoặc giả, Bạch-Tần muốn bắt tôi bởi-bạn nàng và Hải-Lan đi chơi ở các « hộp đêm »; hoặc hai người đã có một cuộc đấu khẩu, Bạch-Tần triệu tôi lại để dàn hòa?

Hay, Bạch-Tần vừa khám phá ra cái việc Hải-Lan đã cùng tôi qua đêm ở ngoài. Nếu đúng như thế, tôi sẽ phải xử trí ra sao? Tốt hơn hết, là tôi chẳng việc gì phải nói dối quanh, mà, có lẽ tôi sẽ cứ nói trắng hăn ra rằng, tôi yêu Hải-Lan và chúng tôi sẽ cùng nhau lo tính việc chung thân đại sự.

Đến cửa thư-viện Thánh-Tâm, tôi vội nhảy xuống và chạy thẳng vào trong. Tim tôi đánh thình thình như muốn phá vỡ lồng ngực. Tôi gõ cửa. Lập tức, một người khấn hộ ra mở cửa cho tôi.

Bạch-Tần đang ngồi ở ghế sofa, đầu cúi gằm, tay cầm khăn mù xoa; đứng ở bên nàng là một người khấn-hộ, hình như đang nước mắt ngấn, nước

mắt dài. Nhìn thấy tôi vào, người ấy liền ra đóng cánh cửa phòng lại và giơ khăn lên lau nước mắt. Tôi vô hồn kinh-hoảng, cất tiếng gọi to:

— Bạch-Tần!

Bạch-Tần yên lặng không đáp, nàng ngẩng đầu lên nhìn tôi một lát khá lâu, chớp chớp mắt rồi lại nhắm nghiền mắt lại, tự hồ nàng muốn nói mà không sao thốt được ra lời. Rồi, nàng gục đầu vào cánh tay.

Tất cả cái cảnh trạng đó lại càng làm cho tôi thêm bối rối lo âu. Tôi bèn chạy tới trước mặt một người khấn hộ và hoảng hết hồn:

— Cơ chừng, lại Hải Lan đã khởi sự ra hẳn thôi?

— Thưa vâng.

Tôi vụt chạy sang phía cửa phòng riêng của Hải Lan. Tôi cũng chẳng nghĩ gì tới việc gõ cửa nữa, và cứ thế, chạy tuốt vào, sau một giây do dự.

Trong phòng chỉ có mỗi một cây đèn với chiếc chao màu vàng. Hải Lan nằm ở trên giường. Cô vẫn bận nguyên bộ y-thường ngày hôm trước, khi

đi chơi với tôi. Tôi thuận tay khép cửa phòng lại và chạy lại bên giường, cất tiếng, gọi:

— Hải Lan, em!

Cô không đáp lại lời gọi của tôi, mà cũng chẳng nhúc nhích, tôi nhìn kỹ lại mới nhận ra, mặt cô tái xanh, môi cô tím đen, mắt cô nhắm lại, dưới hai hàng lông my cong, dài. Thấy cô vẫn lặng thình, tôi lại gọi:

— Em Hải Lan! Em...

Tôi nắm lấy tay cô, và tôi cảm thấy sự giá lạnh thấm qua làn nhung trắng của chiếc bao tay. Tôi chẳng còn hồn, còn vía nào nữa. Tôi liền quỳ xuống ở bên giường, ngây dại cả người, như kẻ đã mất hết tâm trí và thần hồn. Tôi cũng chẳng còn nhận ra tôi đau khổ đến mức nào. Tôi quỳ như vậy lâu lắm. Mãi sau, tôi mới thấy lạnh toát cả người, rồi tôi đặt tai lên ngực cô, gào khóc như điên, như cuồng.

— Hải-Lan! Hải-Lan!

Cô vẫn nằm yên thềm thiếp mắt nhắm nghiền, môi cắn chặt.

Bỏ tay cô ra, tôi nâng đầu cô lên và mở mắt chừng chừng nhìn vào tận mặt cô. Tôi khẽ gọi:

—Hải-Lan, em! Hải-Lan, em!
 Dần dần tiếng tôi nhỏ đi,
 nhỏ cho đến nỗi, tai tôi cũng
 không còn nghe rõ tiếng gọi
 của tôi. Tôi hôn vào môi cô,
 như muốn hà cả sức nóng của
 người tôi, sang cô.

Trời ơi! Trước sự thật ghê
 gớm này, thiết chẳng còn có lực
 lượng nào cải biến đi nổi.
 Tất cả nước mắt của tôi liệu
 có làm cho mắt cô mờ ra được
 không? Liệu tất cả huyết dịch
 của tôi, có làm cho con tim cô đập
 lại được không? Mà cho đến
 cả óc tôi, hay sinh-mệnh của
 tôi, có đem đổi được khối óc
 cùng là sinh mệnh của cô không?

Bất giác tôi tương tẩn ở thần
 linh, ở đấng Thượng-đế. Tôi
 mặc nhiên quý xuống và ngẩng
 đầu lên cầu xin.

Mãi hồi lâu sau, một người
 khán hộ mở cửa ra, bước vào,
 tôi mới như bình tỉnh, rồi, tôi
 đứng lên, cúi đầu, lảo-đảo đi ra
 khỏi phòng.

Bạch-Tần vẫn ngồi y-nguyên
 ở ghế sô-pha. Không thấy tôi
 nói gì, nàng bèn cầm một phong
 thư để ở bên, đưa cho tôi. Tôi
 nhận ngay ra bút tích của Hải-
 Lan, nên tôi vội dỡ thư ra đọc;
 trong thư, viết những lời này:

« Trước hết, em xin anh hãy

« để cho em thăm tạ anh, và
 « mỗi tình thăm-thiết của anh,
 « đổi với em...

« Từ khi em phát hiện cái
 « mối tình của Bạch-Tần đổi
 « với anh, và cái mối tình của
 « anh đổi với Bạch-Tần, em
 « cảm thấy rõ, cái mối tình của
 « em đổi với Bạch-Tần và với
 « anh, thế nào rồi cũng sẽ làm
 « cho cả ba người chúng ta,
 « vô - cùng đau khổ... Và lại,
 « trong việc cứu chữa cho
 « Bạch-Tần khỏi hết bệnh hoạn,
 « để đem lại sự kiện - khang
 « và hạnh phúc cho nàng, hiện
 « tại, em nhận ra chỉ cần có mỗi
 « một mình anh thôi. Còn Bạch
 « Tần có sẽ đem lại hạnh phúc
 « cho anh, thiết ta chẳng cần
 « phải bàn tới, làm chi.

« Bạch-Tần yêu anh, đó là
 « một điều mà anh khó lòng
 « nhận thấy vì nàng cố sức che
 « đậy. Sự cao quý và sự kiêu
 « căng không để cho nàng thừa
 « nhận rằng, nàng đã đi chiếm
 « đoạt mối tình của một xử-nữ.
 « Bởi vậy, chính ngay nàng,
 « nàng cũng tự dối lòng mình,
 « để khỏi phải tủi hổ. Mà có lẽ,
 « cũng chỉ vì có bấy nhiêu mà
 « không đời nào, nàng dám biểu

« thị sự ái-luyến của nàng, đổi
 « với anh... Em nghĩ, chỉ có
 « một cách tuyệt đối, để cho
 « nàng và anh yên tâm: em xin
 « từ nay, xa hẳn hai người, xa
 « mãi mãi!...»

Tôi vừa đọc tới chữ cuối
 cùng của bức thư, Bạch-Tần
 liền giật lấy nó ở tay tôi, và
 đưa cho tôi một phong thư khác.

Đây là bức thư của Hải-Lan
 viết cho Bạch-Tần:

« ... đứng trước vị thần linh,
 « bao giờ loài người cũng
 « được hưởng tất cả sự
 « nguyện-lượng và sự khoan
 « dung. Vậy, tiểu thư hãy tha
 « thứ cho em vì em đã yêu anh
 « ấy. Nay, em xin chỉ thành
 « cáo tổ với tiểu thư, tấm tình
 « của anh ấy đổi với tiểu - thư
 « quả đã vượt xa hết thấy sự
 « ái-luyến khác của anh ấy. Ấy
 « cũng chỉ vì cái cá tính cao
 « quý và cái địa vị ưu-việt của
 « tiểu-thư, mà sự ái-luyến của
 « anh ấy, đổi với tiểu-thư, đã
 « trở thành một thứ ái-luyến
 « giữa tỳ-bộc và chủ nhân. Cái
 « nghịch cảnh đó, đều do chính
 « bản thân em gây nên. Vâng,
 « vì em yêu anh ấy nên anh ấy
 « bị du vào cái cảnh hưởng trái
 « ngược này. Ngoài ra, lòng

« ái-luyến của em lại cũng làm
 « cho anh ấy không bao, giờ
 « nghĩ tới rằng, anh ấy dám
 « yêu dấu tiểu thư.

« Nhưng đầu sao đi nữa, em
 « đã nghiêm-nhiên đóng cái vai
 « một chứng nhân trước cuộc
 « ái-luyến của tiểu-thư và anh
 « ấy. Em biết rõ, hai người đã
 « cố tình giấu kín cuộc ân-ái đó
 « ở tận đáy lòng.

« Nay, em chỉ còn biết đem
 « đi theo cái tấm tình của hai
 « người đổi với em, và em
 « mong rằng, hai người trong
 « khi yên hưởng hạnh phúc, hãy
 « nhớ tới cái người em bạc
 « mệnh, ở bên kia thế-giới, nó
 « vẫn vĩnh viễn cầu chúc cho
 « hai người luôn luôn sống bên
 « nhau với tất cả sự ái-ân hoan
 « lạc.

« Mà, em xin tiểu thư cũng
 « đừng tìm cách cứu chữa cho
 « em làm gì! Sau cùng, tiểu thư
 « hãy vì em, thu xếp hình hài
 « của em, được chân mỹ, khi
 « em đã lia khỏi cõi trần, để cho
 « anh ấy giữ được mãi lấy một
 « ảnh-tượng đẹp-đẽ về em!...»

Đọc xong, tôi trao trả Bạch-
 Tần bức thư đó và tôi không
 quên, xin lại bức thư của Hải-
 Lan, viết cho tôi.

(Còn nữa)

Những ngày hoang đại

★ XUÂN-LINH

NHÀ xuất-bản Tân Thanh ở Huế vừa cho ra đời quyển tiểu thuyết « NHỮNG NGÀY HOANG ĐẠI », tác phẩm đầu lòng của NHẤT-LÊ.

Nhìn tập sách dày với một lối trình bày mới mẻ, sáng sủa, trang nhã, khiến người ta không thể vô tình với những trang sách mang nặng một tâm hồn hoang đại, đã trăm bận chịu đả vật trong những khung cảnh xã hội không có vẻ gì gọi là hoang đại cả. Mà là tất cả những gì phức tạp, bi đát của một câu chuyện tâm tình, tác giả đã viết với một ít đời mình, đời bạn hữu, trong những ngày bơ vơ, kéo lê thê cuộc đời từ xứ

Huế vượt trùng dương sang tận Tây - phương, trên những ngõ đường ánh sáng của Paris, Canne, Nice, Assy-Passy ở nước Pháp.

Câu chuyện kéo dài trong nhiều năm sửa soạn cho nhiều cuộc đời hiên ngang có, tội lỗi và yếu đuối có, tất cả dù có khi nghiêng ngửa, ngược xuôi, kết cuộc cơ hồ vâng theo một mệnh lệnh đề lao mình vào giữa con tim của một người đàn bà giàu tình cảm.

Ai là những thanh niên biết cảm xúc giữa thế kỷ hai mươi này chưa một lần :

Phí hoang đời trẻ đạt ?

Buồn hết nửa đời xanh,

Mộng vàng chưa kịp hát !...

Đọc hết tập « NHỮNG NGÀY HOANG ĐẠI » của NHẤT-LÊ, tôi cũng có những lo nghĩ giống như sau khi đã đọc mấy câu thơ trên của Lưu-trọng-Lự.

Và câu chuyện tuy kéo dài trong nhiều năm, nhưng nó chỉ chín muồi và rụng xuống giữa tâm tư của một người đàn bà phong sương giữa hai ngày quan-trọng của một năm ; hai mươi chín và ba mươi Tết, là những ngày kẻ tha phương dễ buồn nhớ nhất mà tác giả đã dùng để làm tiêu chuẩn chính cho tập tiểu-thuyết.

NHỮNG NGÀY HOANG ĐẠI

Nhân vật chính trong truyện là người đàn bà phong sương tên Trâm.

Hồi còn là một nữ sinh mười tám, bên dòng sông Hương đỏ rực hoa phượng. Trâm đã yêu tha thiết Hiệp, một chàng trai ba-mười-hai tuổi đã có vợ, có con, và đang tranh đấu cho cách-mạng, rồi Hiệp chết vì nghĩa vụ.

Trâm sang Pháp du học. Sau bao nhiêu gần gũi, nằng lại gặp Huyền và yêu Huyền.

Nhưng một chiều tuyết xuống, Huyền tắt thở tại một viện Bala ở Assy-Passy. Trâm từ Bala hối hả về không kịp vuốt mắt chồng mà chỉ nhận được ở cái xác người thân yêu một chiếc nhẫn vàng, và một cặp kính trắng gọng vàng.

Vàng, nhẫn « vàng » và kính cũng gọng « vàng » ! Một ít kỷ-niệm vàng có từ một chiều sinh lý tử biệt đầy nước mắt có ảnh hưởng gì đối với đời Trâm sau này không ?

Trâm trở thành bà quả phụ, mẹ của một đứa bé xinh xinh, bé Huyền của nàng và Huyền.

Trong chuỗi ngày giá lạnh, nàng tìm sự an ủi nơi Thoại là bạn thân của nàng và Huyền, và hai cô

bạn, một người Pháp Claire, nữ bác-sĩ đã từng hết lòng chữa cho Huyền mà không khỏi, và Phương, cô bạn chí tình và khả ái, luôn luôn ở bên cạnh Trâm trong những phút buồn đau cũng như trong những giờ chán nản.

Bấy nhiêu nhân vật bơ phờ vừa kể trên sống cách nào trước những tàn phá của văn minh vật chất ?

Điều đó cũng không lấy gì làm khó hiểu ; ở giữa một thế hệ mà cuộc sống tinh thần, vật chất đã mất hết cả thăng bằng ; sắc thái của cuộc đời càng sinh ra thiên hình vạn trạng, căng thẳng và chống đối nhau ; nạn nhân của bao cuộc vật lộn tàn nhẫn đầy máu và nước mắt, là những con người với những ngày hoang đại. Tác giả đã nhấn mạnh điều đó trong bức thư thay lời tựa viết cho Vở :

« Lưu lạc với gió bụi ngàn phương, tôi không dám tự hào đã trọn sông. Nhưng âm hưởng của một mờ tuổi đời đến bạc không làm tôi quên tình nghĩa với phong sương. Những gì tôi chép lại đây chỉ là một ít tâm tình hoang đại san sẻ cùng bạn, cùng em trên bờ

thế hệ. Giữa lòng thế kỷ hai mươi, tôi không dám ca ngợi ân tình lãng mạn, nhưng không phải vì thế mà tôi vội từ khước những gì tế nhị của tâm linh. Bất tay với mẫu lừa cùng nguyên tử của kỹ nguyên là công việc của kẻ khác, tôi chỉ khiêm tốn đáng đời bác tranh mặc thúy của đôi tâm hồn trên bờ thế hệ, trước ngã ba tư tưởng khi văn minh thế kỷ đã đưa cá nhân đến bao cảnh truy lạc đáng thương ».

« NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » là một thuyết dựng lên bằng những kỷ niệm, nhớ thương ; bởi vậy, nếu nó có thiếu những hội họp, những náo nức của động tác, nó lại rung động tâm hồn ta bằng những mảnh tình tha thiết ; và từ náo nức này qua những náo nức khác, sau khi đọc xong quyền truyện ta thấy hiện lên những linh hồn nghiệt ngã đang thồn thừc.

Huyền chết, đành rằng đã yên phận chàng, nhưng con người suy tư, lo đời và chu đáo như chàng liệu có yên tâm chẳng khi chàng còn để lại trên đời những người thân như Claire, Phương, Thoại, Trâm và nhất là em bé Huyền... tất cả những người đó

đang lúng túng trong những tấn tuồng đời hay cũng có, dở cũng nhiều, đáng cảm động thương xót, hoặc đáng khinh.

— Trâm về nước bỏ con lại cho Claire và các bà Phước. Nàng tái giá với Thoại, lo làm giàu, ở nhà sang trọng, tuyệt nhiên không liên lạc với con và Claire.

— Phương cũng về nước, lâm vào cảnh nghèo nàn, nàng phải đau lòng làm giấy thế nhà, đôn của cho Trâm và Thoại làm giàu thêm.

— Em bé Huyền sống vất vưởng nơi xa lạ, thường năm đến ngày giỗ theo chân Claire đi thăm mồ Huyền và đợi chờ tin tức mẹ nó.

Mỗi nhân vật trên cảnh hoang vắng của đời mình như đang bí mật, âm thầm với một mẫu đời bí ẩn riêng. Họ phải chăng là hình ảnh thê thảm của một mớ thanh niên trí thức đang chơi vơi giữa thế hệ suy vong ?

Viết về « NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » của NHẤT-LÊ, tôi không có ý là một bài phê bình nghệ thuật văn chương. Một lẽ tác giả « NHỮNG

NGÀY HOANG DẠI » có thể còn triển vọng để đi xa hơn ; một lẽ khác, đây chỉ là một câu chuyện tâm tình riêng mà chung, và chắc gì trong đó lại không có một ít âm hưởng của cuộc đời chung.

Những tình cảm phô diễn trong tập sách đã thúc dục tôi ghi lại một vài cảm nghĩ sau khi đọc. Đây là tập truyện đầu lòng của NHẤT-LÊ, viết hồi năm 1954 trên bờ Địa-Trung-Hải, và mãi

sáu năm sau mới cho ra đời. Nó cũng có thể là một đứa con đầu lòng sinh ra dở khóc dở cười giữa thế hệ dở dang này ; nó cũng có thể là linh hồn của em bé Huyền, đứa con đầu lòng đã đầu thai trước giờ hợp cần, con của đôi bạn trẻ TRÂM-HUYỀN, hai nhân vật chính trong quyền tiểu thuyết « NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » đã để lại vào một chiều tuyết xuống một câu hỏi lớn trong tác phẩm và ngay cả trong lòng mỗi chúng ta.

* Thay phiên làm chủ

Ở Tân Méc-dít (New Mexico) có nhiều nhà điền chủ bị nghèo sạt nghiệp. Một nhà báo phỏng vấn một ông điền chủ, ông chỉ một người tá điền duy nhất của ông, và nói với nhà báo :

— Ông thấy không, ở đây chỉ có tôi với người tá-điền kia. Một mình hẵn làm hết các công việc, tôi không đủ tiền trả lương cho hẵn, thành thử ba năm sau, tôi nợ hẵn nhiều quá phải viết giấy thế ruộng đất lại cho hẵn, để trừ nợ. Đến lượt hẵn làm chủ, tôi làm công cho hẵn, cũng một mình tôi làm tất cả mọi việc. Hẵn không đủ tiền trả lương cho tôi, rồi ba năm sau hẵn nợ tôi nhiều quá phải viết giấy thế ruộng đất lại cho tôi, để trừ nợ. Cứ cái vòng lẩn quẩn như vậy, tôi với hẵn thay phiên nhau làm chủ ruộng đất, mỗi đứa vài ba năm ! cho nên cứ nghèo hoài, ông ạ.

một màu xanh

(TRÊN NÚI BẠCH MÃ)

Tặng Tùng, Tuyền, Liêa (Huế)

Một giải nước non xanh

Dưới nền trời trong xanh,

Ngàn cây xanh bát-ngát,

Một màu xanh tràn-ngập cả rừng xanh !

Đứng trên tầng cao xanh,

Nhìn mặt biển xanh xanh,

Núi đồi xanh thăm-thăm...

Một màu xanh lộng-lẫy giữa trời xanh !

Nước mặt hồ xanh biếc,

Sắc nước suối trong xanh.

Nắng chiều, xanh biên-biệt...

Tà áo xanh tha-thiết quấn rừng xanh !...

Hỡi ai lên thác xuống gành,

Cho em nhắn gởi chút tình nhớ thương !

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

Huế, tháng 9 - 60

SÁCH BÁO MỚI

* GIẢNG-VĂN ĐỆ-THẤT

Sách giáo-khoa, gồm các bài trích giảng cổ-văn và kim-văn, của THÂM-THỆ-HÀ.

Nhà SỞNG MỚI, 30B Phạm-ngũ-Lão Sài-gòn xuất bản, dày 250 trang giá 40 đồng.

* **Chuyện trong lán** của NGUYỄN TRIỆU - NAM.

Một tập truyện ngắn gồm bảy bài :

Cái chăn kháng-chiến, Tin nhà, Cái ô và con chó, Việt Bắc lúc không giờ, Chiến sĩ thi đua, Bỏ lán, Chuyện nàng Bích-Tiên.

Những chuyện hấp dẫn, xảy ra trong thời kháng chiến ở Việt Bắc. Lời văn lưu loát, nhẹ nhàng, êm đẹp. 160 trang— giá 40 đồng.

Tác giả xuất bản.

* **TÂN DÂN** Tuần báo Văn-nghệ, xã-hội, chính-trị, đổi mới do bạn VIỆT-NHÂN chủ - trương biên - tập. Chủ-nhiệm, văn cụ NGUYỄN-ĐẮC-LỘC. Bạn Việt-Nhân là một ký-giả chuyên-nghiệp từ lâu, mong rằng tờ Tân Dân sẽ tiến mạnh hơn trước.

* **CÔNG ĐÀN** Tuần-san ra ngày thứ Năm. Chủ-nhiệm TUẤN GIANG. Tòa soạn 60-62 Ký-Con Saigon. Số 1 ra ngày 1-9-60.

* **Curiosités toponymiques et folkloriques du Sud-Việt-Nam**, của THÁI-VĂN-KIỆM, Phó Giám-đốc Văn-hóa Vụ, Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Nghiên-cứu tổng-quát khá rõ ràng, về lịch-sử và địa-dư các tỉnh Trung Nam Việt, với nhiều câu ca dao và thơ liên quan với mỗi địa-phương, kể từ Đèo-Ngang đến Cà-Mau. Tác giả đã có dịch đăng trong *Phở-Thông*.

* **Préparation à L'orthographe et Étude de Texte** của Giáo-sư PHẠM-TẮT-ĐẮC, Luyện chính-tả Pháp văn, dùng cho học sinh Trung học muốn tự luyện về chính tả, những thí sinh phải qua bài chính tả trong kỳ thi, những thí sinh tú tài tập giải đáp những câu hỏi về bài.

Nhà xuất bản ABC. 328 Phan-dình-Phùng Saigon.



* ĐƯỜNG PHAN KHÔI

● của ông Nguyễn-phú-Hải, Đô-trưởng Saigon

... Chúng tôi sẽ dựa vào bài diễn văn của ông đăng trong tạp chí **Phổ-Thông** số 38, cố gắng tìm một con đường xứng đáng để kỷ niệm nhà văn Phan-Khôi, một chiến sĩ chống Cộng của thời đại...

L.T.S. — Tạp chí **Phổ-Thông** xin thành thật cảm ơn mỹ ý của ông Đô Trưởng Saigon.

* Báo Tự Do chỉ trích tự do...

● của ông Nguyễn văn Hòa, Ty Hợp tác xã và Nông tin, Vĩnh Bình.

... Tôi xin ông vui lòng cho đính chính một tài liệu như sau, đây trong báo **TỰ DO**.

Trong bài câu đối :
Nhà trồng ba gian, một thầy
một cô, một chó cái,
Học trò dăm đứa, nửa người,
nửa ngợm, nửa đời rơi

Nơi trang 89 PT số 39 ông có nói Trấn Sơn tây cách Thủ-Đô, Thăng-Long vào khoảng 80 cây số, nhưng thưa ông, Trấn Sơn Tây chỉ cách Thăng-Long 40 cây số thôi. Trái lại trong nhật báo **TỰ DO** nơi mục **Nói hay đừng** (tôi quên mất số) có một cô nữ sinh nào đó (?) nói Phủ Quốc-Oai là ở miền Thượng du ! Có lẽ cô này không biết rằng Phủ Quốc-Oai nằm gần Thăng Long hơn Sơn Tây, đi nửa đường Hà Nội Sơn — Tây rẽ vô tay trái 18 cây số là đến Phủ Quốc-Oai. **QUỐC-OAI** lại ở gần Hà Đông, thì sao lại bảo là « ở miền Thượng du » ? Có lẽ cô học sinh nọ bé cái lăm với Phủ **QUẢNG-OAI** ở giáp Phủ Thọ chăng?...

L.T.S — Cô học sinh này chắc chưa học đến Địa lý Bắc-Việt, nên cô lăm. Còn bạn đồng nghiệp **Tự do** có lẽ thích đăng bài chỉ trích tự do... tài-liệu đúng hay không, không cần !

* STOCKYARD ...

● của ông Thái văn Kiềm, Phó giám đốc Nha văn hóa vụ, 266 Công lý Saigon.

... Trong **Phổ-Thông** số 41 mục đáp bạn có ông **Bạn Viêm**. **Băng** ở Đàlat hỏi về ý nghĩa chữ « **stockyard** ». Có **Diệu Huyền** trả lời không có chữ đó. Theo tôi thì có lẽ ông **Viêm Băng** biên làm, đáng lẽ phải viết **stockyard** (parc à bétail, vựa nhốt bò heo). Ở Chicago có rất nhiều stockyards...

* Thơ của Yên Đỗ Nguyễn Khuyến

● của cụ Đạm Nguyên, chủ nhiệm báo Tâm Nguyên, cháu ruột của cụ Nguyễn Khuyến.

... Loạt bài bình luận của Quý ông về sự sai lầm trong các sách Giáo khoa rất là xác đáng. Sự sai thư và vu thác cho cổ nhân, trước đây tôi đã có dịp đề cập đến, tiếc rằng lúc đó chưa có **Nha Văn Hóa** hay **ban Tu Thư**, do Bộ Quốc Gia Giáo Dục cho thành lập như ngày nay.

Riêng về những bài thơ của Tò phụ tôi, cụ Nguyễn 'Khuyến, thì thực tôi đã tìm khắp trong tập **Thơ chữ Hán** và tập **Thơ nôm** (viết bằng chữ nôm) của Tò phụ tôi, sau này chúng tôi mới chép ra **Quốc Ngữ**, cũng không thấy có mấy bài ông đã nêu ra trong **Phổ Thông** để đính chính.

Vả lại, điệu thơ của Gia Tiên chúng tôi, chúng tôi nghe và đọc đã quen. Tôi có thể cả quyết nói rằng ách hành văn đó không phải của Tò Phụ tôi...

* « Lên ruột » đi cô ơi !

● của ông Đỗ văn Mỹ, giám đốc Thú y (Ban mê Thuột)

— Xin hỏi « có **Diệu Huyền** » : thế nào ? đã hơn hai tháng nay, ba bốn kỳ báo rồi, không ai cù cô, kích thích cô, gây hứng cho cô sao ? mà không thấy cô lên ruột ? Lên ruột đi, cô ơi, lên ruột để cho đọc giả cười, đọc giả suy nghĩ. Những đọc giả trung thành của cô như tôi chẳng hạn, ở nơi khỉ ho cò gáy này chỉ ao ước được cười với cô và được suy nghĩ mà thôi. Cô làm thơ lên ruột có duyên.

lắm, ý nhị lắm, thế mà sao bài chót có than thở « Thì cũng thế thôi » rồi cô... thôi luôn ?

Mong cô tiếp tục *Lên Ruột* nữa đi, cho độc giả chúng tôi « *Lên Ruột* » với !

● Kính đáp :

Cảm tạ thư ông nhắc đến tôi.

Trò đời trở mắt để coi chơi !

Lãng nhăng, lỗ nhố, phùng lời tôi,

Họ múa, ta cười, thế mới vui !!!

D. H.

✧ Thêm hai câu thơ

● của cô Ngọc Dung. Phú Nhuận.

. . . Đọc báo **Phổ Thông** số 40, bài « Những nghi vấn trọng đại trong văn học sử Việt-Nam » trong bài thơ dẫn chứng « Vô vô văn văn ý cầm bào... ông nói ông quên mất 2 câu thơ cuối cùng, vậy tôi xin nhắc lại để ông nhớ lại cho vui. Hai câu 7 và 8 nguyên văn như sau đây :

Cau qua thư hội hươu đàm luận,

Lân tuất thương sanh phó nhĩ tào.

Xin cảm ơn cô Ngọc Dung.

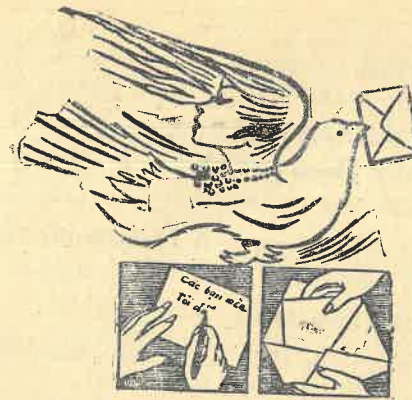


ĐÍNH CHÁNH

Xin sửa lại :

P. T. số 41, trang 109 cột thứ hai, giòng chót :

(1) Câu thơ của Lamartine trong bài **isolement**, chứ không phải bài Le Lac.



**ĐÁP BẠN
BỐN
PHƯƠNG**

✧ **DIỆU-HUYỀN**

✧ **Bạn Hồ-Phương, Huế.**

● Muốn N.V., D.H.T.P. là một hay mấy cũng được hết, không sao.

● Sự tích *Chim Việt* và *Ngựa Hồ* (do câu chữ Hán : *Hồ mã tề Bắc-phong, Việt điều sào Nam chí*): Ngựa xứ Hồ hễ có gió Bắc thì hí, Chim nước Việt thì kiếm cành cây ở hướng Nam mà làm ổ. **Điền tích** : Người ở xứ Bắc Hồ đem dâng lên vua Hán Võ Đế một con ngựa rất hay. Nhưng Ngựa nhớ quê cũ, bỏ ăn bỏ uống. Mỗi khi có gió Bắc thổi, thì hí lên rất thảm thiết. — Vua Hùng Vương nước Nam có đem dâng vua Tàu một con chim bạch trĩ. Chim cứ chọn cành cây ở hướng Nam mà làm ổ.

● Tên đường phố ở Huế : *Nguyễn Hiệu*. Trong các sách liệt truyện không thấy có tên « Nguyễn Hiệu », chỉ có tên Nguyễn-Kiều, hiệu là *Hiệu Hiên*, đỗ Tấn sĩ năm 1715, là chồng bà Đoàn thị Diễm. *Tống duy Tân* : một nhà ái quốc thời Cần Vương chống Pháp, quê Thanh hóa.

Nguyễn Thành : Trong « *Đại Nam chính biên Liệt truyện* » không có tên « Nguyễn Thành » chỉ có tên *Nguyễn văn Thành* (1757-1817), tức là Tiền quân Thành, quê ở Quảng Điền, Thừa-Thiên, di cư vào Gia-dịnh. Một vị tướng của Nguyễn-Ánh, có công lớn trong việc đánh Tây Sơn. Năm Gia-long thứ 10, được Gia-long-triệu về làm quan tại Huế. Rồi vì một bài thơ của con, là Nguyễn-

Thuyền, Thuyền bị xử tử, và Thành uất ức uống thuốc độc tự tử, thọ 60 tuổi.

● Văn chương và tư Tưởng VN còn đang soạn.

★ **Ô. Nguyễn-văn-Hòa, Ty Hợp tác Xã và Nông-Tín Vĩnh Bình.**

I đồng quan mới của Pháp (NF, cũng gọi là *Franc lourd*) ăn 100 F cũ.

★ **Ông Nguyễn quý Bích, Tuy Hòa**

Ông thử vào Sài Gòn, đưa đơn thẳng vào Nha Tổng Giám đốc B.A. Ngoài ra, không còn cách gì khác.

★ **Bạn Trúc, Đalat**

Ý nghĩ của bạn về vấn đề yêu cầu Bộ G. D. như thế, chắc hẳn sẽ không có kết quả. Chúng tôi rất thông cảm về tình thế của bạn

★ **Bạn Lữ Hoàng, Saigon**

● Tác giả bài thơ « *Màu tím Hoa Sim* », chỉ ký tên là HỮU. Tên thật đầy đủ là *Nguyễn hữu Loan*. Không phải Tổ-Hữu.

● Vàng, Trương-công-Định cầm cự với quân Pháp từ 1862 cho đến ngày 19 tháng 8-1864 bị địch bắn gãy xương sống, bèn rút gươm tự tử.

★ **Ông Nguyễn văn Cương, 3 Lê - văn - Duyệt Rạch Giá**

17 Jewels, tức là 17 Rubis.

★ **Ông Chung Ái, Lâm Đồng**

Thành thật cảm ơn thư ông.

★ **Cô Thu, Hai bà Trưng, Saigon**

Chúng tôi không được biết địa chỉ ông Cung-giụ-Nguyễn.

★ **Cô Ngọc Dung, Phú nhuận**

● Câu « *Le génie est un longue patience* » là của Buffon, như cô nói. Cô có thể tưởng tượng được không: Chữ Buffon mà sắp lộn ra Butol?

● Chúng tôi muốn tránh chữ « Thủ-dâm », mà gọi theo tiếng lóng là « Thủ-xú » thông dụng hơn.

★ **Ô Tổng chí Dân, trường Khai trí, Trà Ôn**

Ông nên đến các hiệu sách lớn ở Sài Gòn hỏi catalogue các sách họ bán, sẽ lựa chọn dễ dàng hơn, chúng tôi không thể kê hết ra đây được. Rất tiếc.

★ **Bạn Jzabella, Tân Hiệp Rạch giá**

Quyển *Docteur Jivago* đầu tiên dịch ra tiếng Ý năm 1957, do nhà *Feltrinelli* ở Milan (Ý) xuất bản. Có bản dịch ra tiếng Pháp, 1958, nhà xuất bản *Gallimard*. Bản dịch ra Việt ngữ dễ hiểu.

★ **Ông Trần Hùng, Đà nẵng.**

Muốn dùng hình ảnh của một nhân vật nào để làm tài liệu viết về sách gì, cần phải hỏi ý kiến đương sự nếu đương sự còn sống. Nếu lấy ở sách nào, tạp chí nào, cần phải đề rõ xuất xứ.

★ **Ông Đ.V.N. Long An** (do ông Huỳnh khắc Dụng trả lời)

● *Điềm thứ nhất* — Vợ chồng ở với nhau có hôn-thứ là vợ-chồng chánh-thức, Hôn-thứ là một chứng-thư chứng-minh lễ thành-hôn, do đó sinh ra cho hai đảng nhiều nghĩa vụ: người đàn bà ra khỏi nhà cha mẹ, thuộc nhà chồng, phải ở tại nhà chồng. Chồng phải tùy sức mình mà nuôi vợ và cung cấp cho mọi khoản nhu-cầu.

Cách bảy tám mươi năm về trước, dưới chế-độ bộ Luật Gia-Long, hễ cưới vợ về ba năm mà không con, thì người chồng có quyền « hạ ly tở », nghĩa là làm một tờ giấy, mỗi người giữ một bản, chồng cho phép vợ ra khỏi nhà, lấy chồng làm ăn, vợ cũng bằng lòng như vậy. Giấy ấy, trong Nam gọi là « tờ xuất » tiếng Pháp gọi là « acte de répudiation ».

Người Pháp do hộ nước ta, bỏ đạo Luật xưa đi, thay vào đó bằng Sắc-lệnh ngày mùng 3 tháng mười năm 1883, cũng giữ tờ xuất của bộ Luật cũ, nhưng chỉ coi nó như một thẻ thức, một cách thỏa thuận thôi nhau mà thôi. Vậy đối với tòa án, CÁI « GIẤY PHÉP LY DỊ » CỦA ÔNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ CHI CẢ, Theo

như ông nói : « làm một cái giấy ly dị cho phép vợ tôi lấy chồng, và ngược lại vợ tôi cũng làm cho tôi 1 cái giấy ly dị cho phép tôi cưới vợ rồi 2 người xa nhau », nhưng cả hai cái « giấy phép » đó, không « xé » được hôn thú, như ông tưởng.

Từ hôn-thú chỉ bị tiêu-diệt (người thường hay nói là « xé »)

1) khi chồng chết, hay vợ chết.

2) do bản án của Tòa Hộ (tức tòa sơ-thẩm dân sự)

● *Duyên cớ để xin ly dị*

Sau đây xin kể cho ông rõ các nguyên nhân có thể đệ đơn xin ly - dị :

1) Vợ lấy trai, bỏ nhà chồng ra đi.

2) Vợ đánh đập cha mẹ chồng mạnh tay ;

3) Chồng hay vợ bị phạt đại-hình.

4) Chồng thất tung, nghĩa là đi đâu mất biệt.

5) Thỏa-thuận ly-dị, nghĩa là vợ chồng hai người có thể muốn rời rứt nhau, và XIN TÒA CHO LY-DỊ. Việc « thỏa-thuận ly-dị » không đơn giản như ông hiểu. Hồi trước, muốn xa nhau bằng cách ấy, vợ chồng phải tính trước với nhau, trên giấy trắng mực đen, phân chia của cải, con cái, định nơi cư trú cho rành rẽ. Xong đâu đó, phải đi với hai ông hương chức đến trình-diện với ông Chánh án Tòa sơ-thẩm dân sự và nộp đơn. Vị thẩm phán này sẽ khuyên can hai vợ chồng nên suy nghĩ kỹ và ở lại với nhau. Nếu họ năng nãng quyết một trong ý-định bỏ nhau, thì ông chánh án lập biên-bản « hòa-giải bất thành » cất giữ tại Phòng Lục-sư. Ba tháng sau, họ phải trở lại lần thứ nhì, xin quyết ly-dị. Ông chánh-án mới chuyển hồ sơ ra tòa hộ. Nếu đủ điều kiện luật định, thì Tòa sẽ cho ly-dị ; nếu không đủ điều-kiện, Tòa sẽ bác đơn.

● *Những trường hợp ly-dị không được.*

Trừ ra khi nào vợ ngoại tình, trốn nhà chồng theo trai, hay bị án đại hình. Hồi xưa, Tòa bác đơn xin ly-dị, nếu lúc ban-sơ vợ chồng nghèo nàn tấm măn với nhau, nay trở nên giàu có hay khá-già ; nếu vợ đã cùng chồng chịu tang ba năm ; nếu người vợ không còn cha mẹ họ hàng chỉ để nương-tựa.

● *Những trường hợp thỏa thuận ly-dị không được.*

Vợ chồng lập hôn thú với nhau ở chưa được hai năm, hay đã ở với nhau quá hai mươi năm, thì không thỏa-thuận ly dị được. Điều ấy rất dễ hiểu : Thời gian hai năm chưa đủ cho hiểu biết nhau, nhân nhượng nhau. Thời gian hai năm chứng minh rằng vợ chồng đã cùng đi chung với nhau một quãng đường khá dài, nếu có những dị đồng, thì họ đã nhịn nhục, hy sinh nhiều, và như vậy, không có lý-do gì nay họ lại rời rứt nhau.

● *Điểm thứ nhì —*

Việc ông đã khai với Hội đồng xã.—

Khai như vậy được lắm, nhưng đề mà chi ? Người ta khai như vậy, là khi nào ngày sau, mình muốn lấy phần phải về mình : « Vợ tôi bỏ nhà chồng ra đi » Tòa sẽ cho ly-thân, lỗi về vợ. Còn trong trường hợp của ông, ông thuận cho bà ra đi, thì có khác nào biểu bà đi Long-Hải nghỉ mát rồi về ?

● *Điểm thứ ba.—*

Lãnh phụ cấp của vợ.

Hôn thú còn rành rành. Ông cứ lãnh phụ cấp về phần bà. Như trước.

● *Điểm thứ tư.—*

Có thể xé hôn thú không ?

Điểm này tôi đã hân hạnh chỉ trên kia cho ông rồi. Thời xưa là như vậy đó. Nhưng từ khi có « Luật gia đình » thì chỉ có Tổng Thống mới cho ly dị được, trong những trường hợp đặc biệt mà thôi.

● *Điểm thứ năm.—*

Cấp « giấy phép ly dị » như ông đã làm, có phạm tội không ?

Thưa không, vì « giấy phép ly dị » của ông không có giá trị đối với Pháp luật.

● *Điểm thứ sáu.—*

Đối với Chánh phủ, ông không có tội. VÌ HÔN THỨ CÒN, ÔNG LÃNH TIỀN VỢ ĐƯỢC.

● *TÙ TREO, là án tiêu hình tuyên bố phạt bao nhiêu ngày, tháng,*

năm (không quá 5 năm), nhưng cho hưởng "án treo", nghĩa là trong 5 năm không tái phạm, án kia sẽ xóa đi; nếu phạm một tội giống vậy, sẽ vào khám ở luôn một lượt 2 cái án. Vấn đề này khó khăn lắm, không phải nói bấy nhiêu mà đủ đâu. **TỪ Ở**: là vô khám ở, sau khi bản án thành nhứt định rồi, nghĩa là nếu mình không chống án, hay mình chống án mà tòa Thượng-thẩm xử y.

TUẦN-LÝ

★ **Bà Đ.T.T. Biên Hòa** (do Bác sĩ Hoàng Mộng Lương trả lời)

● Vấn đề lông và tóc, khoa học chưa giải đáp tường tận; người ta chỉ biết đại khái vài điều mà thôi. Người da trắng lông nhiều, người da vàng, lông ít, người da đen lông quăn. Tại sao ít có *âm-mao* (Poils de Pubis) Tây-y trả lời: tại sự kém thiếu khả năng của các nội hạch sinh sản (hypofonctionnement des ovaires); vì thế cho nên, gặp trường hợp này phải đến B.S. chuyên phụ khoa, yêu cầu khám toàn thể. Căn đề ý nhứt là sự điều hòa kinh kỳ. Béo mỡ, béo bụng có ảnh hưởng đến tóc lông.

Đông-y nói rằng: phôi tốt, thận tốt thì tóc lông thịnh.

● Con nít đã tiêm thuốc trừ lao B.C.G. rồi, nếu có phản chứng nên dẫn tới y-sĩ chuyên khoa xem lại và lấy tài liệu thống kê. Cần chữa trị bằng *Rayon Ultraviolet*, nếu không đi Bác sĩ thì cho chơi nắng ở bãi biển. Gió biển có chứa hơi iode rất công hiệu đối với hạch cổ ấu-nhi. Mùa mưa ở nhà cho uống *Sirup iodotannique*, 2 muỗng café trước bữa ăn, ngày 3 lần, liên tiếp 15 ngày mỗi tháng. Nếu ở xứ lạnh, cho dầu cá thay thế *Sp. iodot*. Lễ tất nhiên, phải cho em uống *vitamine B, C, D, PP* hòa với múi vôi (*Sel de Ca*). Trong trường hợp riêng biệt này, bà nên đem con đến khám nơi B. S. ở địa-phương của bà, cũng không nên tự tiện cho uống thuốc trước khi đến khám.

★ **Bạn TRÍ-ĐỨC, Saigon.**

Trong thư bạn hỏi quyền *Nam Thu Hòa Khúc*, bạn quên cho địa chỉ. Vậy xin gửi gáp.

● **Cô Nguyễn thị Ngọc Khuê, ở nhà ô Ng. K. Quế
Tòa Thượng Thẩm — Huế**

● Những cái gì thuộc về y khoa đều lấy hình con Rắn làm tượng trưng, là theo điển tích Thần y khoa La Mã. Thần này tên là ESCULAPE (Hy-Lạp gọi là Thần ASCLÉPIOS) Ông là vị Thần đầu tiên bày ra Y-khoa để cứu bịnh cho loài người. Năm 290 trước J.C. La-Mã bị bịnh dịch hạch, dân chúng làm lễ cúng ông, được khỏi tai nạn. Từ đó La-Mã và Hy-Lạp lập đền thờ Thần Esculape tại nhiều nơi. Về sau, các trường Y khoa trên thế giới cũng đúc tượng thờ ông, coi ông là Thủy tổ của Y-khoa. Các vật tượng trưng của Esculape là CON RẮN, con gà cồ, cây gậy và LY RƯỢU (coupe) Nhưng con Rắn và ly rượu thường được dùng hơn để tượng trưng Thần ESCULAPE và Y-học.

● “Đêm đêm HÀN THỰC, ngày ngày NGUYÊN TIÊU”
HÀN THỰC = lễ Tết mừng 3 tháng 3 âm lịch, theo phong tục của Tàu, ăn đồ nguội để kỷ niệm Giời Từ-Thôi. *Giới-từ-Thôi*, một nhân vật thời Xuân Thu bên Tàu, đi theo *Trùng Nhĩ* là một chính khách trốn nước Tấn đi qua các nước khác, không ai thèm rước, đói năm lá. *Giới-từ-Thôi* bèn tự cắt thịt nơi bắp vế để nấu cho Trùng Nhĩ ăn đỡ đói. Sau Trùng Nhĩ về Nước, làm vua, không nhớ ơn Từ Thôi. Từ Thôi cố mẹ vào ăn núi Nhiên Thượng. Có người thấy vậy, bèn vào Trào tâu Vua. Vua hối hận, cho người lên núi mời Từ Thôi ra. Từ Thôi không ra. Vua đốt núi, đe dọa cho Từ Thôi ra, Thôi cũng không ra, chịu chết thiêu trong lửa. Đó là ngày mừng 3 tháng 3. Vua Tấn hết sức ân hận, từ đó cứ đến ngày 3 tháng 3 là cấm dân chúng đốt lửa, và bắt ăn đồ nguội để tỏ lòng thương tiếc và thờ kính *Giới Từ-Thôi*. Sau này thành ngày Tết Hàn Thực (Hàn = nguội). **NGUYÊN-TIÊU** = Nguyên, là thứ nhất, tiêu là đêm. Đêm trăng thứ nhất của tháng giêng (Rằm tháng Giêng). Một đêm lễ liên hoan của Tàu. Câu thơ trên kia của Nguyễn Du có ý nói đêm ngày ăn chơi yến tiệc vui vẻ.

● **Cô Nguyễn-thị-Hiền, Bến ngự, Huế**

Ngày 2 tháng 3 năm Mậu Dần tức ngày Ất Sửu, tháng Bình Thìn = 2.4.1938 D.L.

● **Bạn Nguyễn-văn-Trí — Nhatrang**

Ngày 7 tháng giêng năm Quý Dậu = là ngày thứ tư, 1-2.1933DL

● **Bạn Nguyễn đình Liệt, Ban nhạc T.T.P.**

— Ngày 18-2-40 dl = ngày 11 tháng giêng năm Canh Thìn, tức ngày Tân Mão, tháng Mậu Dần.

— Ngày 6.5-39 dl = ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Mão, ngày quý Mão, tháng Mậu Thìn.

● **Bạn Đinh quang Diễm KBC 4899**

Ngày 8-6 âm lịch 1932 = ngày thứ hai 11-7-1932 D.L

— 25.9 1953 = ngày Chúa nhật 1-11-1953DL

● **Cô Nguyễn thị Phụng — Vũng Tàu.**

— 12-5.1937 DL = ngày 3 tháng 4 năm Đinh Sửu, ngày Kỷ-hợi, tháng Ất Tị ;

— 21-5-1942 DL = ngày 7 tháng 4 năm Nhâm ngũ, tức ngày Giáp Tuất, tháng Ất Tỵ ;

— 12-9-1942 D.L = ngày 3 tháng 8 năm Nhâm Ngũ, tức ngày Mậu Thìn tháng Kỷ Dậu.

● **Bạn Phúc Đồng.**

Ngày 9 - 8 - 40 DL = 6 - 7 Canh Thìn (ngày giáp Thân và tháng Giáp Thân)

— 3-11-41 DL = 15-9 Tân Tỵ (ngày Ất Mão tháng Mậu Tuất)

— 12-12-41 DL = 17-1 Tân Tỵ (ngày Tân Mão, tháng Canh Dần).

— 26-6-44 DL = 6-5 Giáp thân (ngày Tân Dậu, tháng Canh Ngũ).

— 12-2-42 DL = 27-12 Tân tỵ (ngày Bình thân, tháng Tân Sửu)

● **Bạn C N Đ, Định Tường.**

Ngày 10-4-1942 D.L., nhằm ngày Mậu dần, tháng Quý dậu, năm Nhâm Ngọ, tức mồng 10 tháng hai năm Nhâm ngo.

● **Bạn Lê quý Hồng.**

Ngày 11 tháng 1 năm Ất Sửu, tức là ngày thứ hai 16-12-1925 DL

● **Cô Công-tôn-Nữ Mạnh Đông—Ty C.S. Quảng Trị.**

Ngày 12-12 năm Kỷ Sửu là ngày chúa nhật 29-1-1950 DL

» 4-10 » Canh Ngọ. « « « 23-12-1930 DL

Ngày 1-2-1920 âm lịch là ngày Kỷ Sửu, tháng Đinh Sửu, năm Canh Thân, tức ngày 12 tháng chạp năm Canh Thân.

● **Bạn Nguyễn quang Khôi — Cao Lãnh.**

Ngày 18-1-1957 DL là ngày thứ sáu = ngày 18-12 (ngày Canh Dần, tháng Tân Sửu, năm Bính Thân) ;

Ngày 8-1-1958DL ; ngày thứ tư = ngày Ất Dậu, tháng Nhâm-tý, năm Đinh Dậu (19 tháng 11) ;

Ngày 6-4-1959 DL ; ngày thứ hai = tức ngày Mậu-ngũ, tháng Đinh Mão, năm Kỷ-Hợi (29 tháng hai).

● **Cô Trần kim Hoàng 3/3 Hẻm 4 Lý Thái Tổ Cần Thơ**

Ngày 21-7 Tân Tị = tức ngày thứ sáu 12-9-1941 DL.

● **Bạn Trần lê Nguyễn, Huế**

Ngày 23-3-1942 DL = mồng 7 tháng 2 năm Nhâm-ngũ tức ngày Ất-Hợi, tháng Quý-mão.

● **Bạn Trần minh Hoàng Phú Nhuận**

Ngày 4-8-1944 DL = ngày 16 tháng 3 năm Giáp-Thân, tức ngày Nhâm-Dần, tháng Mậu Thìn.

● **Một độc giả ở Gia Hội Huế**

Âm lịch 9-10-1938 = ngày thứ tư 30-11-1938 DL

Âm lịch 18-7-1942 = thứ bảy 29-8-1942 DL

● **Bạn Bằng Vũ Mạc Thy Huyền, Cai lậy**

Ngày 2-1-1959DL là thứ hai = ngày kỷ-hợi, tháng giáp tỵ, năm Mậu dần, tức 12 tháng 11.

● **Một độc giả ở Nha trang**

Ngày 9-2 năm tỵ = ngày thứ hai, 2.3-1936 DL

● **Bạn Lê trọng Súly, Hội an**

Ngày 8-2 Canh tuất = là thứ sáu 18-3-1910 DL

• 14-7 Ất mao = thứ ba 24-8-1915 DL

Ngày 6-11-52 DL = là ngày 19 tháng 9 năm Nhâm thìn (ngày Bính thìn, tháng Canh tuất)

● **Bạn Trần minh Hoàng, Kontum**

Âm lịch 17-5 Bính thân = là Thứ hai 25-6-1956 DL

« 29-3 Mậu Tuất = thứ bảy 17-5 1958 DL

— 07 giờ 00 là vào cuối giờ Mão sang đầu giờ Thìn.

● **Một bạn đọc đề tên và địa chỉ không rõ**

Sinh ngày mồng 8 tháng 11 năm 1927 DL = là ngày 14 tháng 10 năm Đinh mao (ngày Bính ngọ, tháng Tân hợi)

● **Em Ng. tấn Nghiệm 73₁, Đồng Khánh, Vĩnh long**

Ngày 14-7-1939 DL = Ngày 19 tháng 5 năm Kỷ Mạo, tức ngày Nhâm Tý tháng Canh Ngụ.

● **Cô Ngọc anh Loan, Phan Rí**

1 tháng giêng Nhâm ngũ = Chúa nhật 15-2-1942 DL

4 « « Kỷ Mạo = Thứ Tư 22-2-1939 DL

12 « « Bính Tý = Thứ Ba 30-6-1936 DL

● **Em P.H. — Hai bà Trưng, Đalat**

Âm lịch 15-8-1941 = Chúa nhật 5-10-1941 DL

— 17.8.1945 = Thứ bảy 22-9-1945

Ngày 15-11-1909 DL = 3-10 Năm Kỷ - Dậu, Ngày Kỷ-Mão.

Ngày 12-2-1910 DL = 3-1 Năm Canh Tuất, Tháng Giáp Tuất, Ngày Mậu Thân.

Ngày 19-8-1935 DL = 21-7 Năm Ất Hợi, Tháng Mậu Dần, Ngày Đinh Mão.

Ngày 10-2-1937 DL = 29-12 Năm Bính Tý, Tháng Giáp Thân, Ngày Mậu Thìn.

Ngày 17-6-1938 DL = 20-6 Năm Mậu Dần, Tháng Tân Sửu, Ngày Canh Tuất.

Ngày 17-7-1944 DL = 27-5 Năm Giáp Thân, Tháng Kỷ Mùi, Ngày Nhâm Ngọ, Tháng Canh Ngọ.

Lời kêu gọi của các sinh viên vượt tuyến

NHÂN dịp đại hội lần thứ 9 của Tổng-hội sinh-viên quốc-tế nhóm tại Thụy-sĩ hôm 18 tháng 8 vừa qua, các sinh-viên vượt tuyến miền Bắc đã nhờ Tổng-hội sinh viên Việt-Nam chuyển tới các phái đoàn sinh viên thế-giới lời kêu gọi của anh em sinh viên.

Trong lời kêu gọi, các sinh viên vượt tuyến đã cực lực tố cáo chế-độ hà khắc, vô nhân đạo và phản khoa học mà nhà cầm quyền Việt-Cộng đã áp-dụng cho sinh viên Việt-Nam tại miền Bắc vĩ-tuyến 17, cùng tìm mọi biện pháp để buộc nhà cầm quyền miền Bắc phải :

— Mở rộng mọi tự do dân-chủ để sinh viên được hưởng dụng những nhân quyền căn bản ;

— Giải tán đảng ủy, chỉ bộ Đảng tại các trường Đại-học hiện đang lũng đoạn hàng ngũ giáo sư và sinh-viên ;

— Hủy bỏ đạo luật đầu năm 1957 về việc cấm các sinh viên đã có tư tưởng hành động chống lại Việt-Cộng và bị kết án không được trở lại học hành ;

— Trả lại tự do và cho tiếp tục trở lại Đại học những sinh-viên vì tham gia các phong trào tranh đấu đòi tự-do dân chủ như phong-trào Nhân-văn Giai-phẩm, Đất mới và vì vượt tuyến bị bắt lại hay tiếp xúc với Ủy hội quốc-tế với mục đích xin di cư. Các sinh viên này một số đã bị thủ tiêu và một số vẫn còn bị cầm tù, an trí tại các trại tập trung.

— Chấm dứt tình trạng bắt sinh-viên bỏ học giữa niên khóa hàng mấy tháng để đi làm việc trên 8 tiếng một ngày. Phải trả thù lao trong khi làm việc và phải bồi thường cho các nạn nhân khi xảy ra tai nạn lao động ; v.v...

Tất cả những lời tố cáo cùng những lời kêu gọi vừa kể của các sinh viên vượt tuyến đã cho chúng ta thấy rõ tình trạng thảm thương của giới sinh viên miền Bắc hiện nay.

Với tất cả tâm thành của những người Việt-Nam yên chuộng tự do và công lý, chúng ta hy-vọng những lời kêu cứu của giới sinh viên trong vùng Việt-Cộng mà các sinh viên vượt tuyến đã đại diện nói lên, sẽ được tổng-hội sinh viên quốc tế xét đến, ngõ hầu xoa dịu một phần nào những nỗi đau thương thảm khốc mà các sinh viên còn đang phải chịu dưới chế độ bạo tàn hà-khắc Việt-Cộng.

THÔNG-CÁO

Bắt đầu từ tháng 10 năm 1960, hàng tuần vé số Kiến-Thiết tăng từ 1.000.000 lên 1.600.000 vé được ghi số như sau :

- 800.000 vé mang danh-mục A, B, C, v.v..
- 800.000 vé mang danh-mục kép AA, BB, CC, v.v... đều đánh số như nhau từ 000.000 đến 799.999.

NGÀY MỞ SỐ : THỨ SÁU hàng tuần.

Tổng số các lô trúng mỗi tuần :

2	lô trúng Độc-Đắc mỗi lô.	1.000.000\$
6	—	100.000\$
10	—	50.000\$
64	—	10.000\$
320	—	5.000\$
1.600	—	1.000\$
1.600	—	500\$
16.000	—	100\$
104	— an ủi	2.000\$

Saigon ngày 26 tháng 7 năm 1960

K. D. số 463/HĐKD — Saigon, ngày 12-9-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

PHỖ - THÔNG TRUNG - THU

tăng thêm 16
trang, giá bán
vẫn không tăng

Bạn đón xem kỳ tới (P.T. số 44)

T a o - Đ à n P h ò - T h ò n g

Sẽ tổ chức cuộc h 1 Thơ mùa
Xuân, đề chọn 100 bài thành
một tập Thơ đặc biệt nhan đề :

« XUÂN DẠ SẦU NGÃM »

Đề kịp in tặng toàn thể Bạn
đọc Phỏ - Thông trong dịp

TẾT TÂN - SỬU

1 9 6 1